

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
THẠC SĨ KỸ THUẬT XÂY DỰNG**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

Nghệ An, tháng 01 năm 2024

Danh sách chữ ký thành viên Hội đồng



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH **Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học** **ngành Kỹ thuật Xây dựng**

*(Kèm theo Quyết định số: 2763/QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Bà Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng Khoa Xây dựng	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thư ký	
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên	
6	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên	
7	Ông Thiều Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Hồng Soa	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên	
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên	
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên	
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên	
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
13	Ông Lê Công Đức	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên	
14	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng Khoa Xây dựng	Thành viên	
15	Ông Nguyễn Duy Duẩn	Trưởng Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên	
16	Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Bộ môn Cầu đường	Thành viên	
17	Ông Phan Văn Phúc	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên	
18	Ông Nguyễn Trọng Kiên	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên	
19	Ông Nguyễn Thành Đạt	HVCH Khóa 30, Kỹ thuật Xây dựng	Thành viên	

Danh sách này gồm có 19 người./.

MỤC LỤC

Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt.....	Error! Bookmark not defined.
1. Đặt vấn đề.....	6
2. Tổng quan chung	10
PHẦN II. TĐG THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ	15
Tiêu chuẩn 1	15
Mở đầu.....	15
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	18
Tiêu chí 1.3	20
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	22
Mở đầu.....	22
Tiêu chí 2.1	23
Tiêu chí 2.2	28
Tiêu chí 2.3	31
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	34
Tiêu chuẩn 3	34
Mở đầu.....	34
 H	
 M	
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	42
Tiêu chuẩn 4.....	46
Mở đầu.....	46
Tiêu chí 4.1	47
 R	
 N	
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	54
Tiêu chuẩn 6.....	71
Mở đầu.....	71
Tiêu chí 6.1	71
Tiêu chí 6.2	77
Tiêu chí 6.3	82
 N	
 K	
 K	
 G	

Tiêu chí 6.4.....	85
Tiêu chí 6.5.....	89
Tiêu chí 6.6.....	93
Tiêu chí 6.7.....	97
Kết luận về Tiêu chuẩn 6	101
Tiêu chuẩn 7.....	103
Mở đầu.....	103
Tiêu chí 7.1.....	103
Tiêu chí 7.2.....	106
Tiêu chí: 7.3.....	108
Tiêu chí: 7.4.....	110
Tiêu chí: 7.5.....	113
Kết luận của Tiêu chuẩn 7	115
Tiêu chuẩn 9.....	133
Mở đầu.....	133
Tiêu chí 9.1.....	134
Tiêu chí 9.2.....	137
Tiêu chí 9.3.....	140
Tiêu chí 9.4.....	143
Tiêu chí 9.5.....	146
Kết luận về Tiêu chuẩn 9	149
Tiêu chuẩn 10.....	150
<i>Mở đầu</i>	<i>150</i>
<i>Tiêu chí 10.1.....</i>	<i>150</i>
<i>Tiêu chí 10.2.....</i>	<i>152</i>
<i>Tiêu chí 10.3.....</i>	<i>154</i>
<i>Tiêu chí 10.4.....</i>	<i>157</i>
<i>Tiêu chí 10.5.....</i>	<i>163</i>
<i>Tiêu chí 10.6.....</i>	<i>166</i>
Kết luận về Tiêu chuẩn 10	168
Tiêu chuẩn 11.....	168

<i>Mở đầu</i>	168
<i>Tiêu chí 11.1</i>	168
<i>Tiêu chí 11.2</i>	171
<i>Tiêu chí 11.3</i>	173
<i>Tiêu chí 11.4</i>	174
<i>Tiêu chí 11.5</i>	176
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 11</i>	178
PHẦN III. KẾT LUẬN	180
1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của	180
2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của	185
3. Kế hoạch cải tiến chất lượng của	187
PHẦN IV. PHỤ LỤC	193
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ThS ngành KTXD	193
I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục	193
II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT	193
III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT	194
VII. Cơ sở vật chất, thư viện	244
VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng.....	246
Phụ lục 2. Các văn bản liên quan	248

Danh mục các chữ viết tắt

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa
CĐR	Chuẩn đầu ra
CTCT&HSHV	Công tác chính trị - học sinh, sinh viên
CTDH	Chương trình dạy học
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCCT	Đề cương chi tiết
ĐH	Đại học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo
GV	Giảng viên
HV	Học viên
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
KH&HTQT	Khoa học và hợp tác quốc tế
KHCN	Khoa học công nghệ
KS	Kỹ sư
KTXD	Kỹ thuật xây dựng
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
PPDH	Phương pháp dạy học
TĐG	Tự đánh giá
ThS	Thạc sĩ
TS	Tiến sĩ

PHẦN I. KHÁI QUÁT

1. Đặt vấn đề

CTĐT ThS chuyên ngành KTXD (KTXD) tại khoa Xây dựng bắt đầu đào tạo từ năm 2017 (khóa 25). Đến nay đã có 05 khóa học viên ra trường với hơn 150 học viên. Với mong muốn rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ThS ngành KTXD, Khoa Xây dựng đã đăng ký TĐG CTĐT ThS ngành KTXD theo Quyết định số 3263/QĐ-DHV ngày 27 tháng 12 năm 2022, nhằm tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của ngành làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Báo cáo TĐG CTĐT ThS ngành KTXD được thực hiện căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT) và theo hướng dẫn của Công văn số 2085/QLCL ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn TĐG và đánh giá ngoài CTĐT, Công văn 774/QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/6/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD). Công tác TĐG CTĐT ThS ngành KTXD đòi hỏi sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài trường. Hội đồng TĐG CTĐT ThS ngành KTXD được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-DHV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh gồm Ban Giám hiệu, cán bộ giảng viên khoa Xây dựng, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Các bên liên quan như HV, cựu HV, GV, nhà tuyển dụng,... là nguồn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG. Ban giám hiệu chỉ đạo chung, Trung tâm ĐBCL (ĐBCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo TĐG kèm hồ sơ minh chứng.

1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá

Báo cáo TĐG gồm 04 phần: Phần I: Khái quát; Phần II: TĐG theo các tiêu chuẩn; Phần III: Kết luận; Phần IV: Phụ lục. Cụ thể như sau:

Phần Khái quát của báo cáo tự đánh giá CTĐT ThS ngành KTXD giới thiệu tổng

quan về cấu trúc và nội dung chính theo các tiêu chuẩn. Phần khái quát mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình TĐG CTĐT, giải thích cách mã hóa minh chứng trong báo cáo TĐG, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động TĐG, sự tham gia của các bên liên quan. Phần này cũng nêu lên mục đích, quy trình, phạm vi, sứ mạng tầm nhìn, mục tiêu, các chính sách ĐBCL của khoa Khoa Xây dựng - Trường ĐH Vinh.

Phần TĐG theo các tiêu chuẩn, tiêu chí của báo cáo TĐG CTĐT ThS KTXD được thực hiện theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT (GD&ĐT), Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020, *Công văn hướng dẫn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng*). Cụ thể, đó là nội dung TĐG về: TC1. Mục tiêu và CĐR của CTĐT; TC2. Bản mô tả CTĐT; TC3. Cấu trúc và nội dung CTDH; TC4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; TC5. Đánh giá kết quả học tập của NH; TC6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên (NCV); TC7. Đội ngũ nhân viên (NV); TC8. NH và hoạt động hỗ trợ NH; TC9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị; TC10. Nâng cao chất lượng; TC 11. Kết quả đầu ra.

Phần Kết luận của báo cáo mô tả tóm tắt các điểm mạnh cần phát huy, những điểm tồn tại cần cải tiến chất lượng của CTĐT, đề xuất các biện pháp cải tiến chất lượng.

Sau phần Kết luận là bản Tổng hợp kết quả TĐG CTĐT ThS ngành KTXD, Khoa Xây dựng - Trường ĐH Vinh.

Phần Phụ lục gồm các Quyết định thành lập Hội đồng TĐG, Danh sách thành viên Ban Thư ký, Danh sách thành viên các nhóm chuyên trách; Kế hoạch TĐG; tổng hợp kết quả TĐG và cung cấp thông tin chi tiết về cơ sở dữ liệu để KĐCL CTĐT ThS ngành KTXD.

1.2. Mục đích, quy trình TĐG, phương pháp và công cụ tự đánh giá

Mục đích tự đánh giá:

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo ***Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDDH*** của Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đây là quá trình nhằm giúp cho CTĐT ThS ngành KTXD và Khoa Xây dựng tự

xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác; từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng ngành trở thành đơn vị đào tạo ThS kỹ thuật, nghiên cứu và triển khai các hoạt động liên quan đến lĩnh vực xây dựng đứng đầu khu vực Bắc Trung Bộ.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT ThS ngành KTXD, khoa Xây dựng trong công tác đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của ThS ngành KTXD.

Hoạt động TĐG còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, TĐG sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của CTĐT ThS ngành KTXD theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định. Trên cơ sở đó, Nhà trường đăng kí kiểm định chất lượng CTĐT với cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá:

Quy trình TĐG chất lượng CTĐT ThS chuyên ngành TGT được thực hiện theo thứ tự 6 bước theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT, cụ thể:

- Bước 1. Thành lập Hội đồng TĐG.
- Bước 2. Lập kế hoạch TĐG.
- Bước 3. Thu thập, phân tích và xử lý thông tin, minh chứng.
- Bước 4. Viết báo cáo TĐG.
- Bước 5. Lưu trữ và sử dụng báo cáo TĐG.
- Bước 6. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo TĐG.

Phạm vi tự đánh giá:

Khoa Xây dựng, Trường ĐH Vinh thực hiện TĐG CTĐT ThS KTXD dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường và sự cung cấp thông tin của các phòng chức năng trong Trường với các thông tin và minh chứng trong 5 năm gần đây, cụ thể là từ

năm 2019 đến 2023.

Hội đồng TĐG CTĐT ThS KTXD được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh. Hội đồng gồm có 19 thành viên, gồm: cán bộ quản lý của Trường, Khoa, GV, viên chức trong Trường. Giúp việc cho Hội đồng TĐG có Ban Thư ký gồm 22 thành viên. Các thành viên Hội đồng và Ban thư ký được phân thành 5 nhóm chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ.

Phương pháp đánh giá:

Hoạt động TĐG CTĐT ThS KTXD dựa theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT; Hướng dẫn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 và Công văn số 774/ QLCL-KĐCLGD ngày 10/6/2021; Hướng dẫn số 1074/ QLCL-KĐCLGD ngày 28/6/2016; Hướng dẫn số 1669/ QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục quản lý chất lượng.

Đối với mỗi tiêu chí, Khoa tiến hành xem xét theo trình tự sau: Mô tả thực trạng của CTĐT; Phân tích và chỉ ra những điểm mạnh và những điểm còn tồn tại; Lên kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Phương pháp mã hóa minh chứng:

Mã thông tin và minh chứng được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, ba dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) như hướng dẫn tại Phụ lục 9 của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng – Bộ GD&ĐT.

Hội đồng TĐG CTĐT ThS KTXD được thành lập theo Quyết định số 3263/QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh gồm Ban Giám hiệu, Chủ tịch Hội đồng Trường, cán bộ GV của khoa Xây dựng, các cán bộ phòng, ban, trung tâm trong trường.

Sự phản hồi của học viên, các cựu học viên là những thông tin quan trọng phục vụ cho việc TĐG.

Ban Giám hiệu chỉ đạo chung, Phòng ĐT SĐH, Phòng KH & Hợp tác Quốc tế cung cấp thông tin về đề tài khoa học các cấp, các công trình sách, giáo trình, các bài báo. Phòng Tổ chức Cán bộ, phòng Hành chính tổng hợp cung cấp minh chứng về các

quyết định. Khoa Xây dựng tiến hành viết báo cáo TĐG và tìm các minh chứng liên quan đến các nhiệm vụ của Khoa.

2. Tổng quan chung

2.1. Tổng quan về Trường ĐH Vinh

Trường ĐH Vinh là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có tư cách pháp nhân, có tài khoản, con dấu và biểu tượng riêng; có chức năng, nhiệm vụ: Đào tạo giáo viên, kỹ sư, cử nhân có trình độ ĐH và sau ĐH (ThS, TS) đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của đất nước và một số nước trong khu vực; đào tạo học sinh THPT chuyên nhằm bồi dưỡng nhân tài cho đất nước; NCKH và chuyển giao công nghệ phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước; triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**

Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Liên hệ: Điện thoại: (038) 3855452 Fax: (038) 3855269

Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn

Năm bắt đầu đào tạo khóa I: 1959

Chính sách chất lượng:

i. Phát triển bền vững giáo dục và KHCN; phát huy tinh thần tận tụy, thói quen làm việc theo quy trình và ISO trong mọi lĩnh vực; cam kết đảm bảo dự đoán và kiểm toán một cách khách quan để chuẩn hóa các kết quả đạt được.

ii. Đảm bảo cung cấp CSVC, trang thiết bị đầy đủ cho giáo dục ĐH, chuyên nghiệp và kịp thời cho việc thực hiện các mục tiêu chất lượng giáo dục và NCKH trong từng thời kỳ phát triển.

iii. Tăng cường hợp tác với các trường thuộc top 500 của châu Á về giáo dục và NCKH; học tập mô hình quản lý hiện đại; tiếp cận khoa học, kỹ thuật tiên tiến và các phương pháp thực hành tốt nhất trong thực tiễn; thực hiện chuyển giao KHCN; tất cả CTĐT và văn bằng của Trường đều được các tổ chức KĐCLGD có uy tín kiểm định và công nhận.

Sứ mạng: Trường ĐH Vinh là CSGD đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

Tầm nhìn: Trường ĐH Vinh trở thành ĐH thông minh, xếp hạng top 500 ĐH hàng đầu châu Á vào năm 2030, xếp hạng top 1.000 ĐH hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Giá trị cốt lõi:

Trung thực (*Honesty*)

Trách nhiệm (*Accountability*)

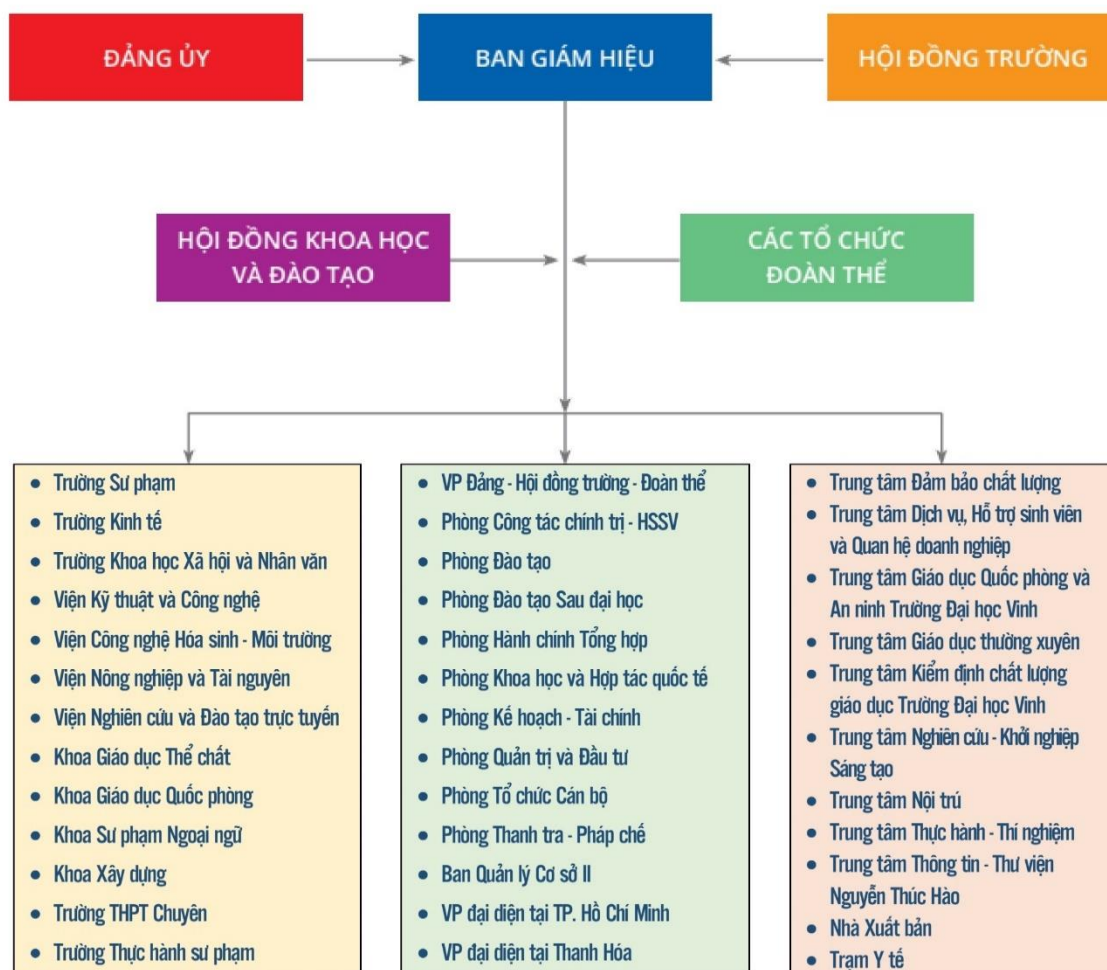
Say mê (*Passion*)

Sáng tạo (*Creativity*)

Hợp tác (*Collaboration*)

Triết lý giáo dục: Hợp tác - Sáng tạo

Trường ĐH Vinh hiện nay được tổ chức theo mô hình quản lý 3 cấp đó là cấp Trường ĐH Vinh (cấp 1), cấp Trường/Khoa/Viện thuộc và trực thuộc (cấp 2), cấp Khoa chuyên ngành/Bộ môn (cấp 3). Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐH Vinh hiện nay gồm 3 trường thuộc, 4 viện, 4 khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành Sư phạm; có 22 phòng ban, trung tâm, trạm và 2 Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa. Sơ đồ tổ chức cụ thể như sau:



Hiện nay, Trường ĐH Vinh đã và đang triển khai đề án tái cấu trúc Nhà trường, sắp xếp lại các khoa và ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức; tiếp tục xây dựng Nhà trường thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, thành trung tâm NCKH, đổi mới sáng tạo, trung tâm ĐBCL và KĐCLGD của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Trên cơ sở sắp xếp công tác tổ chức, nhân lực, Nhà trường đang triển khai thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo, đào tạo lại giáo viên và bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục cho khu vực và cả nước. Nhà trường đã và đang tiến hành rà soát, quy hoạch lại các ngành và chuyên ngành đào tạo của Trường, làm cơ sở để phân tầng, xếp hạng và nâng cao hiệu quả đầu tư. Một số ngành và CTĐT chất lượng cao bắt đầu được triển khai.

Nhà trường đã sớm triển khai các hoạt động ĐBCL. Từ năm 2017, Nhà trường đã được công nhận đạt tiêu chuẩn KĐCL CSGD chu kỳ 1, đạt chuẩn KĐCL CSGD chu kỳ 2 vào tháng 4 năm 2023. Từ năm 2018 đến nay đã có 25 CTĐT được công nhận đạt

chuẩn chất lượng giáo dục trong đó có 2 CTĐT được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA Nhà trường cũng đã có nhiều hoạt động nhằm phát triển hệ thống ĐBCL bên trong; cải tiến chất lượng CSGD và CTĐT và không ngừng phát triển văn hóa chất lượng nhằm đạt được mục tiêu, sứ mạng và tầm nhìn đã đề ra.

2.1. Tổng quan về Khoa Xây dựng

Khoa Xây dựng hiện nay được thành lập trên cơ sở khoa Công nghệ - Trường ĐH Vinh được thành lập theo quyết định số 1715/BGD&ĐT-TCCB ngày 17 tháng 04 năm 2002. Trong thời gian qua, các thể hệ cán bộ, giảng viên và học viên Khoa Xây dựng - Trường ĐH Vinh đã cố gắng phấn đấu không ngừng nhằm xây dựng và phát triển Khoa ngày càng vững mạnh.

Về quy mô đào tạo: Sau hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Xây dựng có số lượng học viên đông đảo với 04 ngành đào tạo trình độ ĐH, bao gồm KTXD, KTXD công trình giao thông, kỹ thuật công trình thủy và kinh tế xây dựng; 01 ngành đào tạo trình độ cao học. Hiện nay tổng số học viên của hai hệ chính quy và tại chức là hơn 1500 học viên và quy mô đào tạo tăng lên theo từng năm.

Về đội ngũ cán bộ: Khoa Xây dựng hiện nay có đội ngũ cán bộ giảng dạy hầu hết tuổi đời dưới 45 tuổi. Tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Xây dựng là 45 cán bộ, trong đó có 18 TS, 10 nghiên cứu sinh và 27 ThS. Nhiều cán bộ giảng dạy của Khoa sau khi được đào tạo ở các nước phát triển trở về đã có cống hiến rõ rệt cho chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Các cán bộ của Khoa được biên chế trong 03 Bộ môn bao gồm: Bộ môn Cơ sở xây dựng, Bộ môn Xây dựng, Khoa Xây dựng. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa hầu hết còn rất trẻ nhưng đã có khả năng đảm nhận toàn bộ CTĐT ĐH, cao đẳng và trung cấp, các chương trình liên thông của ngành Xây dựng. Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng được sự hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của các thầy cô giáo hiện đang công tác tại các đơn vị khác của Nhà trường như Trung tâm THPTN, Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học,...

Về nghiên cứu khoa học: Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho đất nước chuyên ngành Xây dựng và Cầu đường, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa Xây dựng đã tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện các đề tài mang tính ứng dụng cao. Hàng năm Khoa Xây dựng đã tổ chức các hội nghị khoa học chuyên ngành, các hội thảo về đào tạo liên kết với doanh nghiệp và thị trường lao động có sự

tham gia của đông đảo học viên. Khoa đã xây dựng một hệ thống các phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ sức đào tạo, phục vụ NCKH và tổ chức dịch vụ. Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ của Khoa đạt tiêu chuẩn cấp chứng chỉ hành nghề về các kỹ năng nghề nghiệp và kiểm định công trình xây dựng, tạo điều kiện để cán bộ trong khoa có điều kiện kết hợp giữa đào tạo gắn kết với nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của các công ty, nhà tuyển dụng lao động.

Về thi đua khen thưởng: Với những đóng góp và thành tích đã đạt được trong hơn 20 năm qua, tập thể cán bộ Khoa Xây dựng đã vinh dự nhận được nhiều thành tích khen thưởng các cấp, cụ thể: Khoa Xây dựng nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Các Tổ chuyên môn được nhận danh hiệu tiên tiến, tiên tiến xuất sắc cấp Bộ. Chi bộ cán bộ nhiều năm được Đảng ủy Nhà trường tặng giấy khen. 02 Bằng khen của Chủ tịch Tỉnh Nghệ An về thành tích 20 năm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho địa phương.

Bản Báo cáo TĐG CTĐT ThS ngành KTXD được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, khoa Xây dựng, các thành viên trong Hội đồng TĐG và Ban thư ký, có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan, các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN VÀ TIÊU CHÍ

Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mở đầu

Khoa Xây dựng, Trường ĐH Vinh là một trong những cơ sở đào tạo ngành KTXD trình độ ThS tại khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước. Ngoài ra, khoa còn đảm nhận đào tạo trình độ ĐH các ngành: KTXD, KTXD Công trình giao thông và Kinh tế xây dựng.

CTĐT trình độ ThS KTXD được xây dựng theo tiếp cận năng lực trên cơ sở khung trình độ quốc gia Việt Nam, với các quy định, hướng dẫn của Trường ĐH Vinh. CTĐT đã thể hiện được quy định về CĐR của CTĐT, bao trùm kiến thức và kỹ năng chuyên ngành, nhóm ngành, khối ngành và theo lĩnh vực. Các mục tiêu CĐR được xây dựng phản ánh rõ ràng sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục ĐH, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH

1. Mô tả hiện trạng

Mục tiêu của CTĐT ThS ngành KTXD được xác định rõ ràng trong bản mô tả CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH [H1.01.01.01]. CTĐT ThS KTXD được xây dựng năm 2017 cập nhật và điều chỉnh vào năm 2022. Đến năm 2023 CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến) [H1.01.01.02]. Sau khi tiến hành quy trình rà soát và khảo sát các bên liên quan, Khoa Xây dựng đã rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu của CTĐT ThS ngành KTXD. Cụ thể là: *Có khả năng phân tích khối kiến thức về vật liệu xây dựng, các ứng xử cơ học, ứng xử vật liệu với tác động ngắn hạn và dài hạn theo thời gian, tính ăn mòn, độ bền của vật liệu và đánh giá các tính chất về giá, về quản lý dự án. Có khả năng phân tích, sáng tạo các loại kết cấu đặc biệt, các ứng xử ngắn hạn và dài hạn của kết cấu công trình và các phương pháp, giải pháp kỹ thuật thi công, tổ chức xây dựng, quản lý dự án.* [H1.01.01.03].

Mục tiêu CTĐT ThS KTXD phiên bản 2023 đã bám sát sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐH Vinh. Sứ mạng của Trường ĐH Vinh được xác định *“Trường ĐH Vinh là cơ sở giáo dục ĐH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”*. Theo đó, CTĐT ThS KTXD được rà soát, điều chỉnh phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, trong đó chú trọng đến mục tiêu đào tạo nhân lực chất lượng cao ThS ngành KTXD đáp ứng yêu cầu của xã hội. [H1.01.01.03].

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Xây dựng đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, HV, cựu HV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CDR, cấu trúc CTĐT. Đồng thời, Khoa Xây dựng đã tham khảo CDR của CTĐT một số trường ĐH (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT ThS KTXD của Trường ĐH xây dựng Hà Nội, ĐH kiến trúc Hà Nội, Trường GTVT Hà Nội, Trường ĐH SPKT TPHCM, Trường ĐH BK- ĐH Đà Nẵng và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường ĐH Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ThS ngành KTXD. CDR của CTĐT ThS KTXD Trường ĐH Vinh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần.

Mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật Giáo dục 2012, Luật Giáo dục 2019 xác định: Đào tạo trình độ ĐH giúp HV nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo [H1.01.01.04]. Sau khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, CDR và đề cương chi tiết các học phần, Khoa Xây dựng đã khảo sát lấy ý kiến của giảng viên và chuyên gia, HV, cựu HV và các nhà tuyển dụng. Kết quả khảo sát cho thấy, mục tiêu của CTĐT ThS KTXD đáp ứng yêu cầu của xã hội; phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường; phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ ĐH quy định tại Luật Giáo dục ĐH. Mục tiêu đào tạo được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, luôn được điều chỉnh, cập nhật và phát triển theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả

của phương thức đào tạo tín chỉ và quy mô phát triển của Khoa, của Trường [H1.01.01.05].

2. Điểm mạnh

Mục tiêu của CTĐT ThS KTXD được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH Vinh, phù hợp với Luật giáo dục, khung năng lực trình độ quốc gia. Mục tiêu được định kỳ rà soát và cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học.

3. Điểm tồn tại

Việc tham vấn, lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ThS ngành KTXD chưa được tiến hành một cách hệ thống và khoa học, chưa đa dạng hình thức. Nhà trường chưa có các số liệu dự báo chính xác về nhu cầu thị trường lao động đối với ThS ngành KTXD.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	- Khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CTĐT ThS KTXD - Thành lập mạng lưới/ ban tư vấn gồm các chuyên gia, các nhà tuyển dụng lao động liên quan đến CTĐT ThS KTXD	Khoa Xây dựng	12/2023	Hàng năm
				12/2023	12/2024
2.	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật CTĐT thường xuyên để phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐH Vinh; phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH theo từng giai đoạn.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 1.2. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT

1. Mô tả hiện trạng

CĐR (CĐR) của CTĐT ThS KTXD xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà HV CTĐT ThS KTXD đạt được khi tốt nghiệp, được mô tả cụ thể, rõ ràng, đo lường và đánh giá được, phù hợp với mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT được xây dựng và ban hành từ năm 2017, được cập nhật và điều chỉnh vào các năm 2022 và 2023. CĐR của CTĐT tiếp tục được rà soát và điều chỉnh theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO.

CĐR của CTĐT ThS KTXD bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT ThS KTXD của Trường ĐH Vinh: *Có khả năng phân tích khối kiến thức về vật liệu xây dựng, các ứng xử cơ học, ứng xử vật liệu với tác động ngắn hạn và dài hạn theo thời gian, tính ăn mòn, độ bền của vật liệu và đánh giá các tính chất về giá, về quản lý dự án. Có khả năng phân tích, sáng tạo các loại kết cấu đặc biệt, các ứng xử ngắn hạn và dài hạn của kết cấu công trình và các phương pháp, giải pháp kỹ thuật thi công, tổ chức xây dựng, quản lý dự án, phù hợp các quy định của Luật Giáo dục, phù hợp với chiến lược và tầm nhìn của Khoa Xây dựng và Trường ĐH Vinh [H1.01.02.01].*

CĐR của CTĐT đã nêu cụ thể kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với NH tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai; trong đó chú trọng đến việc hình thành các năng lực chuyên môn cao gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến KTXD trong giai đoạn hiện nay [H1.01.02.02]; Cụ thể:

Về kiến thức và lập luận ngành, CTĐT ThS KTXD trang bị cho NH những kiến thức cơ sở ngành liên quan đến yêu cầu của vị trí việc làm của NH khi tốt nghiệp và trở thành ThS KTXD trong bối cảnh hội nhập quốc tế, đồng thời có những năng lực chung phù hợp với yêu cầu của thế giới việc làm ngày nay như năng lực giao tiếp, làm việc nhóm, năng lực tự học.

CĐR ThS KTXD xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà HV phải đạt được.

PO1. Phân tích, đánh giá các kiến thức cơ bản, lý thuyết cơ sở và chuyên ngành

KTXD, phân tích sâu, rộng, tiên tiến trong lĩnh vực đào tạo vào nghiên cứu và phát triển năng lực nghề nghiệp ngành xây dựng.

PO2. Phân tích kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, chuyển đổi số và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực ngành xây dựng về học thuật và nghề nghiệp.

PO3. Phát triển Kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác và giao tiếp trong lĩnh vực nghề nghiệp ngành Xây dựng. Thể hiện kỹ năng quản lý và quản trị; kỹ năng giao tiếp để truyền bá, phổ biến tri thức và hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực đào tạo và phát triển năng lực nghề nghiệp ngành Xây dựng.

PO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành “sản phẩm xây dựng”, “quy trình xây dựng”, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát hoạt động trong lĩnh vực đào tạo và phát triển năng lực nghề nghiệp ngành KTXD phù hợp với bối cảnh xã hội.

Dựa vào đó, CTĐT xây dựng được bộ công cụ đánh giá NH khi tốt nghiệp phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT [H1.01.02.03].

2. Điểm mạnh

CĐR của CTĐT ThS KTXD được thiết kế nhằm hướng đến phát triển các năng lực, phẩm chất chung của NH có trình độ ThS KTXD; đồng thời phát huy được tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của NH.

3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát CĐR CTĐT theo hướng cập nhật, tích hợp các CĐR theo nhóm trụ cột CDIO	Khoa Xây dựng	12/2023	12/2024
2.	Phát huy	Rà soát, cập nhật CĐR của	Khoa Xây	Hàng năm	Hàng năm

	điểm mạnh	CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT	dựng		
--	-----------	--	------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 1.3. CDR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

1. Mô tả hiện trạng

CDR của CTĐT CTĐT ThS KTXD phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan. Trong quá trình xây dựng CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các Hội nghị tham vấn, khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CDR của CTĐT bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, chính thức và không chính thức. Trên cơ sở dự thảo CDR của CTĐT được xây dựng, các bên liên quan được xin ý kiến tham vấn về sự cần thiết và mức độ đáp ứng đối với NH khi tốt nghiệp CTĐT ThS KTXD [H1.01.03.01]. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CTĐT, Khoa Xây dựng đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, HV, cựu HV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CDR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.02]. Đồng thời, Khoa Xây dựng đã tham khảo CDR của CTĐT một số trường ĐH (ĐH) uy tín ở Việt Nam như CTĐT CTĐT ThS KTXD của Trường ĐH xây dựng Hà Nội, ĐH kiến trúc Hà Nội, Trường GTVT Hà Nội, Trường ĐH SPKT TPHCM, Trường ĐH BK- ĐH Đà Nẵng và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường ĐH Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CDR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của CTĐT ThS KTXD. CDR của CTĐT ThS KTXD Trường ĐH Vinh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CDR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [H1.01.03.03].

Trong giai đoạn TĐG (2019-2023), CDR của CTĐT ThS KTXD đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường [H1.01.03.04]. Năm 2022, Nhà trường triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển CTĐT ThS KTXD được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan, chú trọng cập nhật xu thế mới của quốc tế trong phát triển năng lực giáo viên. Đầu năm 2023, CDR tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung

theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được năng lực của HV khi tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO [H1.01.03.05], [H1.01.01.02].

Sau khi thẩm định và ra quyết định ban hành, CDR của CTĐT được công bố công khai và rộng rãi tới các CB, GV và NH, nhà sử dụng lao động. Thông tin về CDR của CTĐT được đăng tải trên website của Nhà trường, subweb của Khoa, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, cẩm nang HV, đợt sinh hoạt công dân đầu khóa [H1.01.03.06].

Như vậy, CDR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn giáo dục, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình.

2. Điểm mạnh

CDR CTĐT ThS KTXD được xây dựng một cách khoa học, chú trọng đến phản hồi và đóng góp của các bên liên quan. CDR được thường xuyên rà soát, chỉnh sửa cập nhật và đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

3. Điểm tồn tại

Khoa và nhà trường chưa đa dạng hóa các kênh thông tin nhằm bảo đảm NH tiếp cận CDR của CTĐT một cách dễ dàng và toàn diện

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Đa dạng hóa các kênh thông tin để NH dễ dàng tiếp cận với CDR của CTĐT (triển khai trên kênh Truyền hình ĐH Vinh VUTV, vv)	Khoa Xây dựng Trung tâm CNTT	12/2023	Hàng năm
2.	Phát huy	Rà soát, điều chỉnh CDR của	Khoa Xây	Hàng	Hàng

	điểm mạnh	CTĐT thường xuyên để phù hợp với mục tiêu CTĐT	dựng	năm	năm
--	--------------	---	------	-----	-----

5. *TDG*: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Điểm mạnh nổi bật của CTĐT ThS KTXD là đã xác định được mục tiêu rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐH Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục ĐH quy định tại Luật giáo dục ĐH. Đồng thời, CĐR của CTĐT ThS KTXD cũng được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà NH cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai đến các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt được phổ biến cho HV ngay từ năm thứ nhất, và luôn được thể hiện cụ thể trong từng năm học (từ năm thứ nhất đến năm thứ năm), ở từng học phần cụ thể.

Điểm tồn tại cơ bản là việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật mục tiêu, CĐR của CTĐT mới được thực hiện theo hướng dẫn, quy định của Nhà trường, chưa có sự chủ động của Khoa đào tạo; số lượng nhà tuyển dụng, chuyên gia tham gia công tác xây dựng và rà soát CĐR của CTĐT còn chưa nhiều. Hiện nay, Nhà trường và Khoa chưa có thông tin dự báo chính xác nhu cầu đào tạo HV ThS KTXD. Do vậy, Khoa cần chủ động tiến hành công việc này theo từng năm học, tạo nhiều kênh thông tin để tạo thuận lợi cho việc trao đổi, hợp tác với các đối tác, sự phản hồi của cựu HV, HV.

Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo

Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho NH, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lí, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo với đầy đủ các thông tin theo quy định, phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung. Các học phần trong

CTĐT đảm bảo tính logic, hợp lý, phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu NH trong bối cảnh thực tiễn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CDR, tạo điều kiện cho NH và người dạy cũng như các nhà quản lý và các bên liên quan dễ dàng triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá và cải tiến CTĐT.

Tiêu chí 2.1. Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin và cập nhật

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KTXD năm 2017, 2022, 2023 được xây dựng dựa trên các yêu cầu của các văn bản pháp lý: Luật Giáo dục ĐH ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH; Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ ThS; Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu năng lực mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp đối với trình độ đào tạo của giáo dục ĐH và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ ĐH, ThS, TS; Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH; Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS; Quyết định số 863/QĐ-ĐHV ngày 20/9/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh ban hành Quy định đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh; Quyết định số 2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh ban hành Khung CTĐT các chuyên ngành đào tạo trình độ ThS của cơ sở đào tạo sau ĐH Trường ĐH Vinh; Hướng dẫn số 08/ HD-ĐHV ngày 16/10/2018 về công tác khảo thí trong đào tạo trình độ ThS từ K26; Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh; Quyết định số 655/QĐ-ĐHV ngày 28/3/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh ban hành Khung CDR trình độ ThS; Quyết định số 1738/QĐ-ĐHV ngày 18/7/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh ban hành CTĐT trình độ ThS của Trường ĐH Vinh [H2.02.01.01].

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KTXD được Khoa Xây dựng thiết kế và biên soạn dựa trên các văn bản hướng dẫn được Trường ĐH Vinh ban hành, được Hiệu trưởng phê duyệt sau khi Hội đồng khoa học và đào tạo của khoa thông qua. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KTXD năm 2017 bao gồm các nội dung chính [H2.02.01.01]:

1) Thông tin chung: giới thiệu các thông tin chung về CTĐT: tên cơ sở đào tạo và cấp bằng Trường ĐH Vinh; tên gọi văn bằng; Bằng tốt nghiệp ThS KTXD; tên CTĐT là KTXD trình độ ThS, thời gian đào tạo 2 năm, hình thức đào tạo chính qui – tập trung.

2) Mục tiêu của CTĐT

3) Kiến thức, kỹ năng và thái độ trang bị cho NH

4) Vị trí việc làm và khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

5) Tuyển sinh

6) Điều kiện bảo vệ luận văn

7) Điều kiện tốt nghiệp

8) Chương trình dạy học: cấu trúc CTDH được phân thành học phần chung (Triết học và Ngoại ngữ 6 tín chỉ), học phần cơ sở ngành (24 tín chỉ), học phần chuyên ngành (15 tín chỉ), luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ).

9) Chương trình dạy học được mô tả thông qua khung chương trình, đơn vị phụ trách, danh sách đội ngũ tham gia đào tạo và mô tả vắn tắt học phần.

10) Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị

11) Cách thức đánh giá kết quả học tập: Năm 2017 (K25), qui định điểm học phần bao gồm điểm điểm chuyên cần và thái độ, điểm giữa kỳ (bài tiểu luận) và thi viết cuối kỳ. Điểm học phần quy định theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

Năm 2018, nhằm cải tiến chất lượng dạy học và phát triển CTĐT, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá, nhà trường hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ ThS áp dụng từ khóa 26. Theo đó học viên phải tham gia diễn đàn học tập, truy cập bài giảng và học liệu được giảng viên cung cấp qua hệ thống LMS, yêu cầu học viên phải xem tối thiểu 80% bài giảng E-learning. Học viên phải tham dự ít nhất 80% thời gian học trên lớp và chỉ được tham dự thi kết thúc học phần nếu điểm quá trình đạt từ 5,0 trở lên. Các điểm thành phần và điểm học phần được tính theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân [H2.02.01.01].

Trước thách thức về Hội nhập quốc tế và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường đã xây dựng và phát triển CTĐT cho tất cả các ngành đào tạo ĐH và chuyên ngành đào tạo sau ĐH theo tiếp cận CDIO từ năm 2022, nhà trường thực hiện rà soát, chỉnh sửa, cập nhật các CTĐT trình độ ThS tiếp cận CDIO với định hướng đẩy mạnh năng lực CDIO của NH, tăng cường trải nghiệm nghề nghiệp, nâng cao chuẩn CNTT và ngoại ngữ, chú trọng dạy học dựa trên dự án, triển khai triệt để đánh giá dựa trên CDR [H2.02.01.04], [H2.02.01.05]. Năm 2022, CTĐT trình độ ThS ngành KTXD được xây dựng theo tiếp cận năng lực CDIO theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng [H2.02.01.01]. Website của Trường có trang thông tin và hướng dẫn về xây dựng CTĐT theo tiếp cận CDIO [H2.02.01.03]. Bản mô tả CTĐT được xây dựng mới theo tiếp cận năng lực CDIO trên cơ sở đóng góp ý kiến của các bên liên quan [H2.02.01.04] và có sự đối sánh CTĐT trong và ngoài nước [H2.02.01.07]. Năm 2022, bản mô tả được rà soát và cập nhật theo văn bản hướng dẫn bao gồm các nội dung chính: (1) Giới thiệu về trường ĐH Vinh, Khoa Xây dựng, ngành KTXD. (2) CTĐT gồm: (i) Thông tin chung: Tên ngành đào tạo – KTXD; Mã số ngành đào tạo 8580201; Trình độ đào tạo – ThS; Thời gian đào tạo 1,5-2 năm. Tên văn bằng tốt nghiệp – ThS KTXD; hình thức đào tạo – chính qui tập trung; Số tín chỉ đào tạo 60; đánh giá theo thang điểm 10. (ii) Mục tiêu của CTĐT: bao gồm mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể; (iii) CDR; (iiii) Đối sánh với khung trình độ quốc gia; (iv) Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp; (v) Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp; (vi) Phương pháp giảng dạy và học tập; (viii) Phương pháp kiểm tra, đánh giá; (ix) Đối sánh CTĐT trình độ ThS KTXD trong và ngoài nước. (3) Cấu trúc chương trình dạy học: Cấu trúc chương trình dạy học; Các học phần theo mô -đun; Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT; Kế hoạch giảng dạy; Sơ đồ cấu trúc của chương trình dạy học; Ma trận kỹ năng. (4). Mô tả tóm tắt các nhóm học phần.

Bản mô tả CTĐT được công bố công khai, dễ tiếp cận với nhiều hình thức khác nhau [H2.02.01.02] và được định kỳ cập nhật những vấn đề mới nhất.

Bảng 2.1. Điểm thay đổi trong các Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KTXD giai đoạn 2017 - 2023

Nội dung	Khóa 25 (2017 -2019)	Khóa 30 (2022-2024)	Khóa 31 (2023 - 2025)
Thời gian đào tạo	2 năm	1,5-2 năm	2 năm

Mục tiêu và CDR, ma trận	Đào tạo theo học chế tín chỉ	Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ	Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ Có sự cập nhật thể hiện rõ ở mục tiêu vận dụng tư duy phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá và phát triển kỹ năng quản lý, giao tiếp, chuyển giao
		CDR được đối sánh với khung trình độ quốc gia Việt Nam; ma trận phân nhiệm CDR của CTĐT cho từng học phần Mục tiêu - CDR được đối sánh với với trường ĐH trong và ngoài nước	CDR được đối sánh với khung trình độ quốc gia Việt Nam; CDR cấp độ 3 được phân nhiệm rõ ràng trong ma trận CDR – môn học; ma trận kỹ năng ngành KTXD
Số tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ	60 tín chỉ
Số học phần	20 học phần	23 học phần bao gồm luận văn tốt nghiệp	23 học phần (khung ứng dụng) 22 học phần (khung nghiên cứu)

			bao gồm luận văn/thực tập, đồ án
--	--	--	-------------------------------------

Năm 2023, bản mô tả CTĐT của ngành ThS KTXD tiếp tục được rà soát, điều chỉnh và cập nhật theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của trường ĐH Vinh. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS KTXD được điều chỉnh một số nội dung so với phiên bản trước. Trong đó, thời gian đào tạo 2 năm, tổng số lượng tín chỉ toàn bộ khóa học là 60 với tổng số 23 học phần cho khung ứng dụng (trong đó số học phần thực học là 17), 22 học phần cho khung nghiên cứu (trong đó số học phần thực học là 16) [H2.02.01.01]. Bản mô tả CTĐT đã thể hiện mục tiêu và CĐR CTĐT trình độ ThS KTXD bao gồm kiến thức, kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp, năng lực CDIO theo chuyên ngành, khối ngành và theo lĩnh vực.

Như vậy, từ năm 2017 đến nay, CTĐT trình độ ThS KTXD đã được rà soát, cập nhật 3 lần (năm 2017; 2022; 2023) [H2.02.01.04]; [H2.02.01.06], qua đó đã cập nhật các yêu cầu về nội dung và hình thức nhằm tăng tính logic giữa CĐR của CTĐT, phân nhiệm cho các học phần, chất lượng các sản phẩm liên quan; tăng tính gắn kết nội dung dạy học của một số học phần với mục tiêu học phần và CĐR học phần; đa dạng hình thức tổ chức dạy học, thể hiện nổi bật các hoạt động dạy học tích cực, phát huy năng lực NH thông qua làm việc nhóm, học tập trải nghiệm, học tập bằng phương pháp đồ án, dự án; CTĐT được tăng thời lượng thực hành, thực tập nghề... [H2.02.01.01]. Qua các lần rà soát, các nội dung CĐR được đối sánh với một số CTĐT trong và ngoài nước, qua đó cập nhật các năng lực cần thiết vào CĐR của CTĐT [H2.02.01.07].

2. Điểm mạnh

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS KTXD đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ NH trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS KTXD cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

3. Điểm tồn tại

Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với CTĐT trong nước và của các nước trên thế giới nhưng chưa nhiều, thông tin phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ HV, cựu HV, nhà tuyển dụng, giảng viên và cán bộ tham gia đào tạo	Trung tâm ĐBCL, Ban phát triển CTĐT Khoa Xây dựng	Định kỳ hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, chỉnh sửa, cập nhật bản mô tả CTĐT ngành ThS KTXD	Khoa Xây dựng Khoa Xây dựng Ban phát triển CTĐT; Phòng ĐT Sau ĐH	Định kỳ 2 năm/ lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

1. Mô tả hiện trạng

Đề cương các học phần trong CTĐT trình độ ThS ngành KTXD được trình bày theo biểu mẫu của Nhà trường ban hành phù hợp với yêu cầu hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Năm 2017, CTĐT ThS KTXD xây dựng theo Thông tư số 15/2014/TT - BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014. Đến năm 2022, CTĐT trình độ ThS KTXD được xây dựng theo tiếp cận năng lực CDIO theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Bộ môn KTXD, Khoa Xây dựng đã phân công cán bộ biên soạn đề cương môn học theo yêu cầu, hướng dẫn của Nhà trường [H2.02.02.01]. 100% đề cương môn học trong CTĐT có đầy đủ các thông tin như sau:

- 1) Thông tin tổng quát đảm bảo đầy đủ các thông tin cơ bản về giảng viên

đảm nhiệm giảng dạy học phần; thông tin về học phần thuộc học phần bắt buộc hay tự chọn, học phần học trước....

2) Mô tả học phần: Khái quát được các thông tin về vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT; khái quát được những điểm đặc trưng của học phần; mô tả tóm tắt kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà NH sẽ đạt được sau khi hoàn thành học phần.

3) Mục tiêu của học phần: Trình bày tổng quát về kiến thức/kỹ năng/thái độ sẽ đạt được (phù hợp với CĐR CTĐT và TĐNL phân bổ cho học phần); thể hiện được sự học tập chủ động của NH (lấy NH làm trung tâm).

4) CĐR của học phần, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá: mô tả rõ ánh xạ CĐR học phần với CĐR CTĐT; nội dung CĐR, phương pháp dạy học và phương pháp đánh giá học phần cụ thể theo từng CĐR.

5) Đánh giá môn học: (i) Đánh giá học tập gồm đánh giá thường xuyên (50%) và đánh giá cuối kì (50%); Bài đánh giá thể hiện rõ những CĐR học phần được đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi CĐR cho bài đánh giá..., nơi lưu bài kiểm tra. (ii) Các bộ tiêu chí đánh giá .

6) Tài liệu học tập

7) Kế hoạch dạy học: bao gồm i) Nội dung giảng dạy được trình bày theo chương mục, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá tương ứng; ii) Kế hoạch giảng dạy được mô tả từng tuần, nêu rõ các nội dung và hình thức tổ chức dạy học, nội dung tự học và nghiên cứu của học viên, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá, iii) Phương tiện hỗ trợ dạy học: nêu rõ các trang thiết bị, điều kiện đặc thù để thực hiện các bài dạy học của học phần.

8) Thông tin ngày phê duyệt.

9) Thông tin cấp phê duyệt.

Đề cương chi tiết học phần được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT trình độ ThS theo tiếp cận CDIO, phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức, các CĐR của học phần thể hiện rõ thông qua ma trận CĐR của CTĐT. Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào CĐR của học phần, đảm bảo cung cấp các hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng CĐR [H2.02.02.01]. Đây cũng là những yêu cầu mà đề cương chi tiết học phần cần phải đạt được và cũng là điểm khác

biệt so với đề cương của năm 2017.

Với những thông tin và cách mô tả như trên, cả giảng viên và học viên đều nắm vững những nội dung và mức độ yêu cầu cũng như các hướng dẫn cần thiết để thực hiện một cách chủ động các hoạt động dạy và học đảm bảo đạt CDR mong muốn. Theo yêu cầu của đề cương, mỗi học viên sẽ có một hồ sơ học phần bao gồm các minh chứng về hoạt động học tập và kết quả tương ứng, giúp cho việc đánh giá mức độ đạt CDR có cơ sở rõ ràng và minh bạch. Trong quá trình xây dựng và biên soạn đề cương học phần, bộ môn đã tổ chức các buổi semina để thảo luận góp ý xây dựng CDR, bài đánh giá, nội dung của học phần, rubric đánh giá phù hợp cho từng học phần [H2.02.02.05], đồng thời tổ chức nghiệm thu đề cương học phần trước khi đưa vào giảng dạy [H2.02.02.06].

Thực hiện kế hoạch năm 2023, Nhà trường ban hành Kế hoạch triển khai các đề tài KHCN trọng điểm cấp trường về “Phát triển CTĐT trình độ ThS theo tiếp cận CDIO năm 2023”. Theo đó đề cương học phần thuộc CTĐT trình độ ThS KTXD được định kỳ rà soát, chỉnh sửa theo yêu cầu của Nhà trường. Điểm khác biệt của đề cương chi tiết học phần năm 2023 (áp dụng từ K31) so với đề cương học phần năm 2022 (áp dụng cho K30) đó là CDR học phần thể hiện rõ trọng số đóng góp của CDR học phần cho CDR của CTĐT và xây dựng ma trận tỷ lệ đánh giá mức năng lực của CDR [H2.02.02.01].

Đề cương chi tiết học phần CTĐT trình độ ThS KTXD có đầy đủ các thông tin cần thiết giúp cho đơn vị quản lý đào tạo và phòng ban chức năng dễ dàng trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp cho các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình [H2.02.02.01]; [H2.02.02.04]. Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CDR được rà soát, cập nhật. Đề cương học phần được rà soát, cập nhật thông tin về môn học, bổ sung CDR, danh mục tài liệu, một số đề cương học phần dạy học theo đồ án/dự án được xây dựng [H2.02.02.01], [H2.02.02.02]. Các đề cương học phần đều tuân thủ quy định của trường, được tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT của trường ĐH tiên tiến trong và ngoài nước, có sự chọn lọc phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam [H2.02.01.02], [H2.02.02.07].

2. Điểm mạnh

Tất cả đề cương chi tiết các học phần thuộc CTĐT đều được thiết kế khoa học, mô tả đầy đủ các thông tin và nội dung cần thiết cho người dạy, NH, người quản lý và các bộ phận hỗ trợ đào tạo, cũng như cho các bên liên quan để giám sát. Đề cương chi tiết

được thường xuyên rà soát, cập nhật, bổ sung về nội dung, bài đánh giá, bộ tiêu chí đánh giá, học liệu.

3. Điểm tồn tại

Phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của học viên sau mỗi học phần chưa được tiến hành sâu đến các nội dung kiến thức trong mỗi học phần để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phân tích dữ liệu, thi kiểm tra và đánh giá một cách chi tiết hơn, cung cấp thông tin cho GV để điều chỉnh ĐCCT	Trung tâm ĐBCL	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Rà soát, cập nhật đề cương chi tiết các học phần hằng năm, truyền thông rộng rãi đến từng học viên và GV để thực hiện	Ban phát triển CTĐT, Hội đồng KH&ĐT ngành	Định kì 2 năm/lần	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 2.3. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận

1. Mô tả hiện trạng

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS ngành KTXD đã phê duyệt được công bố công khai và giới thiệu bằng nhiều hình thức khác nhau. Bản mô tả CTĐT đã phê duyệt được công bố công khai theo quy định cho NH, cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động thông qua nhiều hình thức khác nhau, như công bố trên website Nhà trường và Khoa Xây dựng,

công bố trên trang đăng ký học của học viên. Khoa Xây dựng tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa Xây dựng, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả. Một số thông tin về CTĐT được cung cấp cho các bên liên quan qua tài liệu quảng bá tuyển sinh, qua bài viết giới thiệu ngành đào tạo trên website [H2.02.03.04].

Tất cả đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp kèm theo bản mô tả CTĐT [H2.02.03.01] và 100% đề cương các môn học được các giảng viên công bố công khai cho học viên tại lớp học trước khi bắt đầu môn học đó. Theo quy định của Nhà trường, đề cương chi tiết của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho học viên vào buổi đầu tiên của học phần, qua đó học viên nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CDR và các nội dung hoạt động dạy học, tiêu chí đánh giá của các bài đánh giá, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.02]. Ngoài ra, Nhà trường đã sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS, Learning Management System), qua đó thông tin về học phần và giao tiếp dạy học của giảng viên và học viên được kết nối và lưu trữ phục vụ quản lý và đánh giá kết quả dạy học một cách thuận lợi [H2.02.03.03]; [H2.02.03.04].

Như vậy, với việc các thông tin của bản mô tả CTĐT được công khai trên các website của Nhà trường, các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, nhà sử dụng lao động, giảng viên, NH, NH đã tốt nghiệp đều có thể tiếp cận bản mô tả CTĐT một cách dễ dàng và thuận tiện nhất. Ngoài ra, để nhất quán trong quản lý, triển khai, điều hành và thực hiện dạy học CTĐT một cách đồng bộ, các bộ phận liên quan như Phòng đào tạo, trung tâm TH-TN, trung tâm ĐBCL, trưởng các Khoa/Viện, trưởng bộ môn, trợ lý đào tạo các Khoa/Viện đều có bản in toàn văn bản mô tả CTĐT.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải các dữ liệu cần thiết liên quan đến CTĐT trên trang website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để học viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc,

giảng dạy và học tập. Trong thời gian qua trường đã có nhiều biện pháp cải tiến để các dữ liệu liên quan đến CTĐT ngày càng dễ tiếp cận hơn nữa.

3. Điểm tồn tại

Tuy bản mô tả CTĐT và đề cương môn học được công bố công khai trên nhiều phương tiện và được cải tiến để các dữ liệu càng ngày càng dễ tiếp cận hơn đặc biệt là cơ sở dữ liệu trên các nền tảng công nghệ thông tin, nhưng tốc độ cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu vẫn còn chậm.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT từ doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động vào việc xây dựng, đánh giá CTĐT Cập nhật ngay khi có những thay đổi trong bản mô tả CTĐT và đề cương học phần	Hỗ trợ SV và quan hệ doanh nghiệp	Hằng năm	Gắn kết các hoạt động dạy học với doanh nghiệp, nhà quản lý
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin tương tác giữa NH, GV, Nhà trường, đơn vị sử dụng lao động.	Trung tâm CNTT-Viện đào tạo trực tuyến;	Hằng năm	
		Hoàn thiện phần mềm hỗ trợ việc lưu giữ và chia sẻ thông tin phục vụ quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin,	Trung tâm thư viện Nguyễn	Hằng năm,	

		nghiên cứu, làm việc và học tập của học viên, giảng viên, doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu khoa học	Thúc Hào		
--	--	--	----------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT trình độ ThS KTXD đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ NH trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT trình độ ThS KTXD cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội. 100% đề cương học phần trong CTĐT trình độ ThS KTXD đầy đủ thông tin và được định kỳ rà soát, bổ sung/điều chỉnh và cập nhật chuẩn hóa theo quy định của Trường ĐH Vinh. Trong quá trình biên soạn, cập nhật đề cương đã có sự tham gia của các bên liên quan. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình lưu trữ và truyền tải các dữ liệu cần thiết liên quan đến CTĐT trên trang website của nhà trường, hệ thống CMC, hệ thống LMS để sinh viên, học viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại: việc ban hành và thông tin bản mô tả CTĐT và các đề cương học phần tới các các bên liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Phân tích dữ liệu đánh giá kết quả học tập của học viên sau mỗi học phần chưa được tiến hành sâu đến các nội dung kiến thức để có cơ sở cải tiến nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần. Tốc độ cải tiến, cập nhật cơ sở dữ liệu của bản mô tả CTĐT vẫn còn chậm, chưa ban hành công khai kịp thời các bản cập nhật mới nhất.

Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học

Mở đầu

Một trong những yêu cầu bắt buộc của các CTĐT của Trường ĐH Vinh là phải phản ánh được tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường. CTĐT

của Khoa Xây dựng cũng không nằm ngoài những yêu cầu đó và đã thể hiện được sự phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Khoa. Điều này thể hiện trong nội dung của các học phần và trong toàn bộ CTĐT, góp phần xây dựng mục tiêu của Trường ĐH Vinh theo hướng định hướng nghiên cứu và ứng dụng, phục vụ quá trình phát triển thực tiễn của đất nước, chủ động hội nhập với các trường ĐH trong khu vực và quốc tế.

CTĐT ThS KTXD có mục tiêu rõ ràng và cụ thể, cấu trúc hợp lý, đảm bảo tính hệ thống và tuân thủ theo các quy định của Nhà trường. Chương trình dạy học (CTDH) ngành KTXD được xây dựng dựa trên cấu trúc chương trình khung của Bộ GD&ĐT, kết hợp tham khảo CTDH của các trường ĐH uy tín trong và ngoài nước; được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Chương trình dạy học bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò đóng góp cụ thể trong việc đạt được CDR của CTĐT. Các phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá HV được sử dụng một cách hiệu quả nhất, nghiêm ngặt nhất để nhằm đảm bảo đạt các CDR trong từng học phần của CTĐT.

Tiêu chí 3.1: Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CDR

1. Mô tả

Chương trình dạy học ngành KTXD trình độ ThS được xây dựng dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, thể hiện trong quá trình thiết kế sửa đổi CTDH từ năm 2017 cho đến nay. Theo đó, CTDH được xây dựng dựa theo các văn bản do Chính phủ, Bộ GD&ĐT và Trường ĐH Vinh quy định [H3.03.01.01] [H3.03.01.02].

Để xây dựng CTDH cho các bậc học, ngành học, Nhà trường đã dựa trên chương trình khung của Bộ GD&ĐT, khung CDR về kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp cũng như mức độ đòi hỏi về kiến thức đối với trình độ ThS ở Trường ĐH Vinh đã được ban hành [H3.03.01.03]. Năm 2017, Trường ĐH Vinh ban hành Khung CTĐT ThS ngành KTXD áp dụng từ khóa 25 [H3.03.01.03]. Đến năm 2022, CTĐT ThS ngành KTXD của Trường đã được điều chỉnh đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, cung cấp cho

NH nhiều thông tin về ngành Kỹ thuật xây dựng theo 02 định hướng: Nghiên cứu và Ứng dụng [H3.03.01.03].

Phiên bản CTDH năm 2017 và 2022 có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể với ngành Kỹ thuật xây dựng CTDH trình độ ThS, thời gian đào tạo là 2 năm (4 học kì) bao gồm cả thời gian làm Luận văn tốt nghiệp. CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: *kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành*, cụ thể như sau:

Bảng 3.1. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức của CTDH

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Phần kiến thức chung	6	10
2	Phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	12	20
3	Phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn	12	20
4	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	9	15
5	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	6	10
6	Luận văn ThS	15	25
	Tổng toàn khóa	60	100

Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR, các học phần thuộc về kiến thức chung trang bị cho NH kỹ năng nghiên cứu; những học phần thuộc về kiến thức cơ sở cung cấp những kiến thức nền tảng về cơ sở ngành; những học phần thuộc về chuyên ngành trang bị cho HV những kiến thức, kỹ năng chuyên môn. Điều này được thể hiện qua: Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.04]; Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả môn học/ học phần; Ma trận kỹ năng, CĐR của CTĐT; tài liệu bài giảng; ý kiến phản hồi của các bên liên quan, các văn bản liên quan đến hoạt động rà soát chương trình.

Bảng 3.2. Mối quan hệ giữa mục tiêu và CĐR của CTĐT

	CĐR CTĐT								
Mục tiêu	PLO1.1	PLO1.2	PLO1.3	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2
PO1	X	X	X						
PO2				X	X				

PO3						X	X		
PO4								X	X

Kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan (như GV, PGS, TS, các DN, HV và cựu HV) về CTDH trình độ ThS chuyên ngành KTXD đã được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa CTDH của trường ĐH và các bên liên quan đã hướng tới 3 tiêu chí đánh giá như sau: 1- cấu trúc và yêu cầu đề cương chi tiết học phần; 2- nội dung đề cương chi tiết học phần; 3- kiểm tra đánh giá, đều đạt yêu cầu [H3.03.01.05]. Ngoài ra, trước khi HV tốt nghiệp, Trường tổ chức khảo sát, đánh giá chất lượng chương trình của chuyên ngành đến từng HV và kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ HV hài lòng về chương trình khá cao [H3.03.01.05].

Đối với đơn vị quản lý, để thực hiện CTDH cho một CTĐT đã bố trí đủ nhân lực, vật lực, thời gian phù hợp. Lịch học cũng như thông tin về các học phần được thông báo trước cho HV và GV để chủ động trong học tập, đảm bảo quá trình giảng dạy học tập được liên tục [H3.03.01.06].

2. Điểm mạnh

CTDH được thiết kế dựa trên CĐR của ngành KTXD có mục tiêu cụ thể, rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực; đáp ứng được yêu cầu của nhà sử dụng nguồn nhân lực và được điều chỉnh, cập nhật hàng năm.

3. Điểm tồn tại

Các CĐR còn nhiều dẫn tới thiết kế CTDH một số học phần phải đảm nhận nhiều CĐR, tạo áp lực lớn về thời gian đáp ứng yêu cầu các CĐR.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Rà soát, xây dựng chương trình theo tiếp cận CDIO, trong đó đặc biệt chú ý so sánh đối chiếu các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

		năng lực trong CTDH với các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và năng lực trong CĐR thông qua Ma trận trình độ năng lực và Ma trận mức độ giảng dạy.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thường xuyên cập nhật kịp thời, tiếp tục khảo sát và có những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 3.2: Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

Khung CTĐT bao gồm các học phần được thiết kế khoa học từ khối kiến thức chung; khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành đến các chuyên đề nghiên cứu, thực tập đồ án tốt nghiệp. Nội dung CTDH được biên soạn theo từng học phần, bao gồm đầy đủ các thông tin cần thiết giúp người học từng bước đạt CĐR sau quá trình học tập. Mỗi học phần đều xác định rõ mối liên hệ giữa CĐR của học phần (CLO) với CĐR của CTĐT (PLO), mỗi học phần có vai trò quan trọng, quyết định trong việc đạt được CĐR của CTĐT.

1. Mô tả hiện trạng

CTDH chuyên ngành KTXD được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ đại cương, cơ sở ngành đến chuyên sâu tổng cộng là 60 TC, trong đó bao gồm 4 khối kiến thức là Phần kiến thức chung, Phần kiến thức Cơ sở ngành và chuyên ngành, Chuyên đề, Luận văn tốt nghiệp. Trong ĐCCT mỗi học phần đều có mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và CĐR của học phần thể hiện sự đóng góp của học phần để đạt được CĐR của CTĐT [H3.03.02.01]. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR CTĐT được thể hiện rõ trong ma trận liên kết giữa CĐR học phần với CĐR CTĐT. Mỗi học phần đều có vai trò nhất định trong khối kiến thức/kỹ năng mà HV mong muốn đạt được và thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT chuyên ngành KTXD cập nhật mới nhất năm 2023. Với thời gian 04 học kỳ, CTDH sắp xếp các học phần theo thứ tự từ kiến thức

chung đến chuyên ngành trong hai năm học. Học kỳ đầu cung cấp kiến thức nền tảng, cơ sở của kiến thức chung và kiến thức cơ sở ngành nên mức độ đóng góp cho các PLOs còn thấp; hai học kỳ tiếp theo là các học phần liên quan đến kiến thức chuyên ngành, thực tập, chuyên đề nghiên cứu. Do đó, sự đóng góp cho PLOs cũng tăng dần. Học kì cuối, học viên thực hiện đề án tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp nên mức độ đóng góp cho PLOs ở mức độ cao. Điều này thể hiện rõ trong ma trận đóng góp các học phần so với CĐR [H3.03.02.02].

Khi xây dựng CTĐT chuyên ngành KTXD, kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đã được mô tả và xác định rõ trong học phần để người học dễ đạt được CĐR. Vì vậy, 100% các học phần trong CTĐT có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp người học đạt được kết quả học tập đáp ứng mục tiêu của CTĐT. Đồng thời, CTDH cũng xác định rõ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cho mỗi học phần [H3.03.02.03]. Kết cấu nội dung của từng học phần phù hợp với mục tiêu, nội dung của học phần bảo đảm sự tích hợp trong nội bộ các học phần. Đề cương các học phần được thiết kế một cách khoa học để học viên hiểu rõ hơn về nội dung của học phần và có điều kiện tiếp cận chuyên môn góp phần đạt được CĐR của CTĐT. Mặt khác, các học phần tự chọn sẽ giúp học viên tự chọn những học phần phù hợp với nguyện vọng, sở trường, cũng như định hướng công việc của bản thân. Mỗi học phần tự chọn đều có đề cương được xây dựng theo hướng giúp người học đáp ứng những yêu cầu của CĐR, bảo đảm 100% các yêu cầu của kiến thức, kỹ năng, tự chủ tự chịu trách nhiệm và những mục tiêu khác của CĐR bảo đảm trên 85% . Thông qua ma trận các học phần của CTĐT chuyên ngành KTXD, người học có thể thấy rõ mức độ ảnh hưởng của từng học phần đối với các CĐR. Việc đạt được CĐR của mỗi học phần sẽ đóng góp vào việc đạt CĐR của CTĐT.

Để hoàn thành CTĐT ThS KTXD, người học phải đăng ký học và tích lũy đủ 60 tín chỉ được phân chia ở 04 học kỳ. Các học phần có các hoạt động KTĐG để bảo đảm việc đạt được CĐR của người học [H3.03.02.04].

Luận văn tốt nghiệp/Thực tập, đề án tốt nghiệp là sản phẩm khoa học cuối khóa dựa trên sự vận dụng tổng hợp các học phần lí thuyết giúp người học thực hành chuyên môn kết hợp với kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề. Tất cả các học phần trong CTDH

vì thế đều đã được thiết kế logic nhằm đạt CĐR của học phần cũng như CĐR của chương trình đào tạo.

100% các học phần trong CTDH xác định rõ phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp, hỗ trợ tốt nhất trong việc đảm bảo việc đạt được CĐR.

CTDH ngành GDH được thiết kế theo trật tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành theo trình tự mạch kiến thức và tăng dần mức độ đạt được của chuẩn đầu ra tạo nên một khối kiến thức liền mạch. Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ cho học viên những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cho HV xuyên suốt từ học kỳ đầu tiên đến khi ra trường và được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CĐR của CTĐT. Nhìn chung, CTĐT được thiết kế theo các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt chuẩn đầu ra cũng tăng dần theo từng học kỳ (từ kỳ 1 đến kỳ 4) [H3.03.02.05]. **Phương pháp giảng dạy áp dụng gồm các phương pháp nghiên cứu tài liệu, thuyết trình, thảo luận, học theo tình huống, câu hỏi gợi mở, giải quyết vấn đề.** Các phương pháp này giúp người học đạt được CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Tính hiệu quả của phương pháp giảng dạy mà giảng viên áp dụng trong các học phần được người học phản hồi tích cực với trên 95% đánh giá từ mức đáp ứng yêu cầu trở lên. Phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần là thi tự luận, bài tập lớn [H3.03.02.06]. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học và đề cương chi tiết học phần. Bên cạnh đó, việc đánh giá cũng linh hoạt với các học phần và phương pháp đánh giá cho điểm tương ứng, đánh giá được đầy đủ và tương đối hoàn thiện trên cách thức thể hiện của người học dù ở phương thức nào (chuyên cần, thực hành, báo cáo, bài tập lớn, thi giữa kỳ và cuối kỳ, đồ án/dự án...) [H3.03.02.07]

Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. ĐCCT các học phần đều dựa trên ma trận môn học – CĐR. Trong từng chương mục của đề cương môn học phiên bản 2022 và 2023 đều thể hiện rõ các CĐR. Nội dung kiểm tra đánh giá cũng được mã hoá CĐR tương ứng của môn học [H3.03.02.08]. Định kỳ, căn cứ trên sự phản hồi người và các bên

liên quan, hội đồng khoa học và đào tạo Khoa Xây dựng đánh giá và điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học do các Bộ môn đề xuất và đối sánh chương trình đào tạo các trường đại học trong nước. CTDH được thông báo trên các tờ rơi, tài liệu quảng bá chương trình, tuyển sinh và cũng được thể hiện đầy đủ ở kế hoạch nguồn lực, tiến độ thực hiện hàng năm [H3.03.02.09]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các bên liên quan chưa được thực hiện một cách thường xuyên. Kết quả cho thấy, sau những lần chỉnh sửa, CTĐT ThS KTXD hiện hành đã nhận được những phản hồi tích cực từ phía nhà tuyển dụng, cựu người học, giảng viên, cán bộ quản lý. Trung bình trên 90% người được lấy ý kiến đánh giá các học phần trong chương trình là phù hợp với yêu cầu của CĐR

2. Điểm mạnh

- Các học phần trong CTDH của CTĐT ThS KTXD được xây dựng thành khối gắn kết giữa các kiến thức cơ sở và kiến thức ngành.

- Nội dung chi tiết của các học phần, chuyên đề trong CTDH có sự tương thích về nội dung, đáp ứng yêu cầu của CĐR; về cơ bản, mức độ đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT là rõ ràng.

- 100% các học phần đã xác định rõ phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR theo yêu cầu. Nội dung các môn học được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan

3. Điểm tồn tại

- Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt CĐR của chương trình chưa được tiến hành thường xuyên.

- Việc xác định mức độ đóng góp của các học phần vào CĐR của chương trình cần được phân tích kỹ càng hơn để khẳng định vai trò của các học phần trong việc thực hiện CĐR của CTĐT.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành

1	Khắc phục điểm tồn tại	- Lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về nội dung của các học phần, mức độ đạt được CĐR của từng học phần để tiếp tục triển khai rà soát và điều chỉnh CTDH theo hướng ứng dụng. - Tiếp tục rà soát ma trận đóng góp của các học phần vào CĐR của chương trình	Khoa Xây dựng	Từ 2024
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng đề cương môn học đúng chuẩn, gắn kết nhằm đạt được CĐR.	Khoa Xây dựng kết hợp TT ĐBCL	Từ 2024

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 3.3: Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

1. Mô tả hiện trạng

CTDH ThS KTXD được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Các học phần trong CTDH được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liên mạch giữa các khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành, chuyên đề đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất.

Cấu trúc chương trình dạy học các phiên bản từ năm 2017, 2022 và 2023 được giữ nguyên gồm 3 khối kiến thức: Kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành gồm 60 tín chỉ tương ứng với 4 kỳ học và được bố trí giảng dạy trong 2 năm. Tỷ lệ giữa các phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành, tỷ lệ kiến thức lý thuyết, thảo luận, đồ án được cân đối hợp lý. Phiên bản năm 2017 áp dụng theo hệ thống tín chỉ chưa có khung năng lực và ma trận CĐR thực hiện theo Quyết định số

2009/QĐ-ĐHV ngày 21/9/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Vinh (áp dụng từ khóa 25). Trong đó, phần kiến thức chung gồm Triết học, ngoại ngữ gồm 6 tín chỉ; luận văn tốt nghiệp với 15 tín chỉ; phần kiến thức cơ sở ngành gồm 24 tín chỉ trong đó có 4 học phần tự chọn; phần kiến thức chuyên ngành gồm 15 tín chỉ trong đó có 2 học phần tự chọn. Năm 2022, cấu trúc có sự điều chỉnh để phù hợp đáp ứng mục tiêu đào tạo linh hoạt và theo tiếp cận CDIO áp dụng theo kế hoạch số 06/KH-ĐHV ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh. Theo cách tiếp cận đó, chương trình dạy học đã được thiết kế theo hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng với cấu trúc các học phần giảng dạy phù hợp với từng định hướng trên cơ sở giữ nguyên cấu trúc khung gồm 60 tín chỉ. Cả hai khung ứng dụng và nghiên cứu được thiết kế gồm khối kiến thức chung gồm 6 tín chỉ (triết học và ngoại ngữ); khối kiến thức cơ sở ngành 24 tín chỉ trong đó có 8 học phần tự chọn; khối kiến thức chuyên ngành gồm 15 tín chỉ trong đó có 5 học phần tự chọn và Luận văn/thực tập và đồ án tốt nghiệp với 15 tín chỉ. Trong đó, các học phần chuyên ngành (Bắt buộc và tự chọn) và học phần luận văn/đồ án tốt nghiệp được giảng dạy theo hình thức dự án. Với cấu trúc này, người học đã được trao quyền lựa chọn định hướng ngay từ khi nộp hồ sơ tuyển sinh, giúp người học chủ động trong quá trình học. Phiên bản năm 2023, thực hiện theo hướng dẫn số 06/HD-ĐHV ngày 6/6/2023 của hiệu trưởng trường Đại học Vinh về Hướng dẫn hoàn thiện các sản phẩm đề tài khoa học trọng điểm cấp trường trình độ thạc sĩ theo tiếp cận CDIO năm 2023, CTDH có sự điều chỉnh về hai định hướng nghiên cứu và ứng dụng trở thành phần tự chọn 2 trong các học phần chuyên ngành. Cơ bản giữ nguyên cấu trúc và tên môn học tương tự phiên bản 2022. Tuy nhiên, trong khung chương trình đã lựa chọn các học phần cốt lõi của ngành gồm các học phần bắt buộc (7 học phần); các học phần giảng dạy theo dự án gồm: Kết cấu liên hợp thép-bê tông, Công nghệ thi công tiên tiến, Kết cấu nhà nhiều tầng bằng bê tông cốt thép, Quản lý chất lượng, nhân lực và tiến độ trong QLDA xây dựng, và Phân tích kết cấu Thép công trình đặc biệt và các học phần luận văn/ thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp [H3.03.03.01].

100% các học phần thuộc các khối kiến thức, các chuyên đề trong CTDH được sắp xếp hợp lý. Trình tự các môn học được sắp xếp logic, đảm bảo tính hiệu quả cho việc tiếp thu của học viên đi từ kiến thức cơ bản, cơ sở đến kiến thức chuyên sâu, chuyên ngành, từ lý thuyết đến thực hành. Học viên có thời gian học tập linh hoạt giữa trực

tuyến và trực tiếp. CTĐT cũng chỉ rõ loại học phần bắt buộc hay tự chọn và phân kỳ một cách cụ thể. Mặt khác, từ năm 2022 CTDH ngành được thiết kế các học phần giảng dạy theo dự án. Các học phần này ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ cho người học những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cho HV xuyên suốt từ học kỳ đầu tiên đến khi tốt nghiệp và được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CDR của CTĐT theo trình tự logic giúp người học dễ dàng tiếp cận. Những học phần chung như triết học, ngoại ngữ đảm bảo tri thức tổng hợp làm nền tảng được sắp xếp học trước để trang bị công cụ cho các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở. Các học phần khối kiến thức cơ sở cung cấp những tri thức căn bản về chuyên môn, sự tiếp cận kiến thức ngành học cho người học. Cuối cùng là các học phần chuyên ngành và chuyên đề cung cấp cho học viên kiến thức chuyên môn sâu về KTXD.

CTDH ThS KTXD được rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật định kỳ 2 năm/1 lần nhằm điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của CTĐT cũng như của từng học phần, đảm bảo tối đa việc đáp ứng CDR của CTĐT.

Quy trình rà soát, điều chỉnh CTĐT được thực hiện theo trình tự: Lập kế hoạch và thông báo về việc điều chỉnh; Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT; Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đang thực hiện; Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTĐT và trình Hội đồng Trường xem xét thông qua; Hội đồng Nhà trường xem xét thông qua; Ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung. Trong đó, ý kiến của các bên liên quan là quan trọng để xem xét điều chỉnh CTDH. Các bên liên quan bao gồm các cán bộ quản lý, nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động và cựu học viên. CTDH rà soát năm 2022 so với CTDH năm 2017 về cơ bản thống nhất ở số tín chỉ của toàn chương trình và số tín chỉ phân bố trong mỗi kì học. Các học phần trong chương trình cơ bản thay đổi đáp ứng yêu cầu trong thông tư 23 của Bộ GD&ĐT, nhiều học phần mới phù hợp với thực tế công nghiệp xây dựng ở Việt Nam và xu thế nghiên cứu của thế giới đã được cập nhật như: *Tin học ứng dụng trong nghiên cứu, Công nghệ vật liệu xây dựng mới, Ăn mòn kết cấu, Bê tông geopolimer và chất kết dính, Ứng xử cơ học của vật liệu tiên tiến và ứng dụng trong kết cấu*. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp và của các

đơn vị sử dụng lao động nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTDH chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục.

CTDH ThS KTXD năm 2023 được rà soát điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu đảm bảo đáp ứng CĐR của CTĐT. Khi điều chỉnh CTDH, Trường ĐH Vinh có tham khảo CTĐT của một số trường Đại học trong và ngoài nước như: Trường ĐH Xây dựng Hà Nội, Trường ĐH Giao thông vận tải Hà Nội, ĐH Đà Nẵng, ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Bách khoa TP HCM, ĐH Standford (Mỹ), ĐH Toronto (Canada) và ĐH Quốc gia Seoul (SNU, Hàn Quốc).

2. Điểm mạnh

CTDH được xây dựng có cấu trúc và trình tự logic, hợp lý tạo điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình tiếp nhận của người học, đáp ứng yêu cầu về nhân lực cho xã hội. CTDH được so sánh với các CTĐT của các trường ĐH trong và ngoài nước khi cập nhật, rà soát.

3. Điểm tồn tại

Hiện nay, việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau tốt nghiệp, các cơ quan, doanh nghiệp giúp cho việc điều chỉnh CTDH ngành KTXD đã được thực hiện. Tuy nhiên tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện/ hoàn thành
1	Khắc phục điểm tồn tại	Định kỳ xây dựng kế hoạch và tăng cường việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động và cựu học viên nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh CTĐT.	Khoa Xây dựng	Từ 2024

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục đẩy mạnh việc rà soát, xây dựng CTDH trên cơ sở tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế đảm bảo tính linh hoạt và tích hợp.	Khoa Xây dựng	Từ 2024
---	--------------------	---	---------------	---------

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 3

CTDH ngành KTXD được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm NH. Khoa đã chú trọng tới tính logic của các học phần trong chương trình dạy học, nhằm đảm bảo cho HV được tiếp cận các kiến thức theo trình tự từ cơ bản đến chuyên sâu, từ khối lĩnh vực chung đến kiến thức cơ sở và chuyên ngành. Đồng thời, để góp phần đạt được CĐR, GV của Khoa đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp và linh hoạt góp phần đạt CĐR và có thể lượng hóa được.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT học phần của ngành KTXD được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTĐT ngành KTXD.

CTDH ngành KTXD có cấu trúc hợp lý và hiện đại theo hướng tích hợp, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, học lý thuyết trước sau đó làm luận văn (đề án) tốt nghiệp. CTDH ngành KTXD được định kỳ rà soát, cập nhật. Khi điều chỉnh có tham khảo các CTDH của các trường ĐH trong và ngoài nước về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức để cải tiến và đảm bảo tính hiện đại và hội nhập quốc tế.

Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học

Mở đầu

Phương pháp tiếp cận trong dạy và học dựa trên CĐR ở cấp độ CTĐT, từ CĐR mong đợi của CTĐT, thiết kế CĐR sinh viên, thiết kế CĐR môn học. Dựa trên CĐR

này xây dựng kế hoạch giảng dạy, đề cương môn học, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập. Sau khi kết thúc môn học tiến hành đánh giá môn học và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến CDR chương trình. Có thể nói, phương pháp tiếp cận trong dạy và học mà một trong những nội dung trọng tâm của CTĐT.

Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh có tuyên bố rõ ràng, chính thức về triết lý, mục tiêu giáo dục. Sự điều chỉnh triết lý, mục tiêu giáo dục của Nhà trường phù hợp với từng giai đoạn phát triển. Năm 2011, Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 1828/QĐ-ĐHV Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2025. Năm 2018, Trường rà soát, chỉnh sửa và tuyên bố sứ mạng tầm, nhìn mới trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Vinh giai đoạn 2018 - 2025 tầm nhìn 2030 và các Nghị quyết của Đảng ủy. Năm 2021, Các nội dung về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục được đăng tải công khai trên website của Nhà trường và được văn bản hóa trong Nghị quyết của Hội đồng trường (Số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022), sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục đặt ra rõ ràng, phù hợp với sự thay đổi của kinh tế-xã hội [H4.04.01.01]. Với triết lý giáo dục: *hợp tác - sáng tạo*, nhà trường mong muốn đào tạo NH trở thành người lao động sáng tạo bằng khả năng: “hình thành ý tưởng - thiết kế - triển khai - vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm. Điều này phù hợp và nhằm hướng đến tầm nhìn, sứ mạng mà nhà trường đã công bố.

Tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu, triết lý giáo dục của Nhà trường được giới thiệu, phổ biến tới GV, HV và các bên liên quan. Các nội dung về sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường được đăng tải đầy đủ trên website của Nhà trường [H4.04.01.02] và triển khai bằng văn bản đến tất cả cán bộ GV, NV và NH để tìm hiểu, nghiên cứu và thực hiện nhằm từng bước xây dựng giá trị và thương hiệu của Trường [H4.04.01.03]. Đối với NH, triết lý giáo dục được phổ biến thông qua các diễn đàn gặp mặt, các văn bản hướng dẫn, cẩm nang học sinh, sinh viên/học viên [H4.04.01.04].

Ngoài ra, hoạt động lấy ý kiến của GV, NH và các bên liên quan về sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục được Nhà trường tiến hành định kỳ [H4.04.01.05]. Kết quả khảo

sát đối với triết lý giáo dục của CTĐT ngành, hoạt động dạy-học của GV, SV-HV, các nhà tuyển dụng; tất cả cán bộ và nhân viên của Trường được đánh giá từ mức hài lòng trở lên, đồng thời, kết quả khảo sát cũng xác định CDR của ngành phù hợp với mục tiêu, triết lý giáo dục của nhà trường [H3.03.01.05].

Từ tuyên bố mục tiêu của Trường đến CDR của CTĐT ThS ngành Kỹ thuật xây dựng đã được cụ thể hóa trong từng bản mô tả CTĐT, ĐCCT học phần, phổ biến cho toàn thể cán bộ, giảng viên, HV thông qua việc dạy và học [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

2. Điểm mạnh

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan trong và ngoài trường trên các phương tiện truyền thông và phù hợp với thực tế xu hướng phát triển toàn cầu.

3. Điểm tồn tại

Hình thức phổ biến triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục còn chưa đa dạng, vì vậy chưa thực sự được phổ biến rộng rãi đến các bên liên quan như hiệp hội doanh nghiệp, các trường phổ thông và một số đối tác quan trọng khác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Gửi văn bản tuyên bố về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường đến các bên liên quan. - Đăng tải mục tiêu, triết lý giáo dục trên fanpage và các trang mạng xã hội khác.	Trường ĐH Vinh, Khoa Xây dựng	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Trường/Khoa tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương để truyền bá sâu rộng hơn nữa	Trường ĐH Vinh, Khoa Xây dựng	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		mục tiêu giáo dục của Nhà trường, mục tiêu của ngành đào tạo.			

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

1. *Mô tả*

Ngành KTXD gắn liền với các hoạt động phân tích ứng xử, tính toán thiết kế các công trình, quản lý tổ chức thi công và vận hành các dự án đầu tư xây dựng. Vì vậy, các GV được khuyến khích xây dựng phương pháp giảng dạy và hoạt động dạy học linh hoạt, gắn liền với thực tế ngành nghề để giúp NH ứng dụng kiến thức cũng như xây dựng kỹ năng phân tích, đánh giá và nghiên cứu vấn đề. Trong ĐCCT các học phần, GV xây dựng phương pháp giảng dạy và hướng dẫn NH sử dụng tổ hợp các phương pháp nghiên cứu, học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR [H4.04.02.01].

Thực hiện các Công văn hướng dẫn của Nhà trường về kiểm tra, rà soát CTĐT, nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực, các GV phụ trách các chuyên đề đã xây dựng và triển khai các hình thức, phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Các phương pháp dạy-học phổ biến gồm thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp dạy học theo dự án/đề án. Đặc biệt, trong CTĐT phiên bản 2022 (áp dụng từ khóa 30), có 07 học phần được thực hiện theo phương pháp dạy học dựa trên dự án [H4.04.02.02].

Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Bên cạnh đó, NH còn được gia tăng cơ hội học tập trải nghiệm chủ động và tích cực thông qua hệ thống bài giảng/ bài tập trên hệ thống học tập trực tuyến LMS của Nhà trường [H4.04.02.03]. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng để đạt được các CĐR của CTĐT được mô tả trong Bảng 4.1.

Bảng 4.1. Ảnh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập	CDR								
	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2
Thuyết trình	√	√	√						
Vấn đáp	√	√	√						
Hướng dẫn	√	√	√						
Tự học	√	√	√	√	√			√	√
Thảo luận	√	√	√						
Thực hành		√	√		√	√	√	√	√
Hoạt động nhóm		√	√	√		√	√		
Nghiên cứu tình huống		√	√		√			√	√
Học dựa trên dự án		√	√	√	√	√	√	√	√

Đối với các học phần kiến thức chung (chính trị, tiếng Anh), các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và luận văn, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá chất lượng, phân tích nghiên cứu giải quyết các bài toán thực tiễn trong chuyên ngành KTXD.

Giảng viên của ngành KTXD đã và đang tham gia chủ trì thực hiện các đề tài KHCN các cấp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu, đồng thời tạo động lực và khuyến khích SV-HV tham gia các hoạt động NCKH. Trong những năm gần đây, nhiều HV được tham gia vào các đề tài khoa học công nghệ các cấp, đặc biệt là đề tài cấp Bộ [H4.04.02.04]. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện luận văn tốt nghiệp, tất cả các HV được trải nghiệm đầy đủ quá trình từ hình thành ý tưởng, đến thiết kế quy trình, triển khai thực hiện vấn đề cần nghiên cứu và đề xuất vận hành trong thực tế. Có nhiều công trình khoa học của HV và giảng viên đã được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín và hội nghị khoa học trong và ngoài nước [H4.04.02.05]. Thông qua những hoạt động này, CDR của NH đã được nâng lên đáng kể.

Đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ. Ngoài ra Khoa còn tổ chức lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ NH trong từng học kỳ/năm học, sự hài lòng của

GV với CTĐT. Nhìn chung, qua khảo sát, giảng viên và NH hài lòng với PPDH được sử dụng trong CTĐT [H4.04.02.06].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT chú trọng đến hoạt động thực hành cũng như các hoạt động thực tế chuyên môn. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR của CTĐT. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và HV. Một số HV được tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của GV; HV đã có các công trình công bố trên các tạp chí và hội nghị khoa học.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã có HV tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, các công trình công bố, tuy nhiên do đặc trưng của công việc ngành nghề nên số lượng HV tham gia là chưa đồng đều giữa các lớp, các khóa. Một bộ phận HV vẫn chưa dành nhiều thời gian cho việc tự học và tự nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Ứng dụng CNTT để tăng cường giám sát và thúc đẩy việc tự học và tự nghiên cứu của NH.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Khuyến khích HV tham gia các đề tài khoa học và công bố bài báo nhiều hơn và đồng đều hơn nữa.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH

1. Mô tả

Trong CTĐT ThS ngành KTXD, 100% đề cương chi tiết các môn học mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm. Trong các đề cương môn học các phiên bản 2017 trở đi, hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học của HV, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, báo cáo tiểu luận, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá cho HV [H4.04.03.01].

Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của chương trình ThS ngành KTXD thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp HV tham gia vào các hoạt động dạy và học, từ đó rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của NH. Ngoài ra, luận văn tốt nghiệp là phần rất quan trọng để HV vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tế. Điều này đã khuyến khích và thúc đẩy NH tính tự tìm tòi và nghiên cứu tài liệu, kỹ năng trao đổi và giải quyết các vấn đề, từ đó rèn luyện khả năng tự học để NH có thể học tập suốt đời. Ngoài ra, quá trình làm luận văn cũng rèn luyện cho NH các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, trong đó có việc thúc đẩy khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới, khả năng vận dụng kiến thức và đặc biệt là khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác. Việc khuyến khích HV hoàn thiện các kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình được thực hiện qua các buổi seminar, làm tiểu luận thay vì làm các bài kiểm tra tại lớp [H4.04.03.02].

Từ năm 2021, Trường ĐH Vinh đã triển khai tổ chức dạy học online, do đó, thời lượng tự học của sinh viên được điều chỉnh tăng lên so với các thời gian trước. Nhà trường triển khai yêu cầu giảng viên xây dựng bài giảng elearning để giúp sinh viên tự học. Một số phần lý thuyết HV được tự học thông qua bài giảng của giảng viên trên hệ thống LMS của Nhà trường [H4.04.03.03].

NH khi đi học phải chấp hành theo những yêu cầu của giảng viên để có được kết quả học tập tốt nhất. Việc thực hiện phương pháp học tập để đạt CDR, có thể được kiểm

chứng rõ nhất bởi kết quả học tập và thực hiện luận văn tốt nghiệp. Tỷ lệ NH đạt tất cả các môn, bảo vệ thành công luận văn và tốt nghiệp đúng hạn đạt 95% [H4.04.03.04]. Bên cạnh đó, trong quá trình học tập, nhiều học viên được tham gia vào các hoạt động NCKH cùng với giảng viên thông qua các đề tài NCKH các cấp và rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu và công bố khoa học. Các giảng viên tham gia giảng dạy chương trình ThS KTXD của Trường ĐH Vinh luôn tư vấn và hỗ trợ HV nhiệt tình và trách nhiệm cao. Thông qua các hoạt động đó, HV đã dần trưởng thành và nâng cao khả năng tự nghiên cứu, nâng cao kỹ năng trình bày bài báo khoa học.

2. Điểm mạnh

Đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực, thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Khoa đưa ra đã tạo động lực cho HV rèn luyện các kỹ năng, giúp họ có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề chuyên ngành, giúp cho họ tự tin hơn trong nghề nghiệp cho mình.

3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có cơ chế khuyến khích học viên nghiên cứu khoa học thông qua việc tham gia vào thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học các cấp và công bố trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành. Khoa chưa có nhiều hình thức hỗ trợ người học trong việc nâng cao sử dụng ngoại ngữ trong NCKH và khả năng học tập suốt đời.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	- Xây dựng quy định về hoạt động NCKH cho NH, trong đó có cơ chế khuyến khích học viên NCKH.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

		- GV cần đưa nhiều HV tham gia nghiên cứu để hướng dẫn, và thúc đẩy năng lực NCKH của HV; - Giám sát chặt chẽ hơn hoạt động tự học, tự nghiên cứu của HV.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục khuyến khích và tạo động lực cho HV nâng cao kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 4

Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phù hợp với thực tế xu hướng phát triển toàn cầu. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt. CTĐT chú trọng đến hoạt động thực tập, thực hành cũng như các hoạt động thực tế chuyên môn. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR của CTĐT. Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được rà soát và điều chỉnh định kỳ phù hợp với nhu cầu việc làm và xu thế hội nhập khu vực, thế giới. Đề cương chi tiết học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự học/tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho NH. Tuy nhiên bên cạnh đó, cũng có thể thấy còn những vấn đề vướng mắc như: Hình thức phổ biến triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục còn chưa đa dạng; số lượng HV tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều; một số HV còn chưa tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu tìm tòi tài liệu và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề.

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học

Mở đầu

Đánh giá kết quả học tập của NH là một trong những yếu tố quan trọng nhất trong giáo dục bậc sau ĐH. Kết quả đánh giá sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc học tập và thực hành

nghe nghiệp sau này của NH đồng thời cung cấp cho Trường, Khoa các thông tin giá trị về hiệu quả giảng dạy và các dịch vụ hỗ trợ NH. Việc đánh giá kết quả học tập của học viên ThS chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR của CTĐT. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH theo CTĐT ThS chuyên ngành KTXD, khoa Xây dựng được thông báo công khai tới NH. Trước khi bắt đầu học các học phần, NH được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá kết quả học tập khá đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập và tạo điều kiện để NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập.

Tiêu chí 5.1. Việc đánh giá kết quả học tập của NH được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR

1. Mô tả hiện trạng

Khoa Xây dựng, Trường ĐH Vinh đã có các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH. Trên cơ sở quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường đã ban hành các quyết định số 2468/QĐ - ĐHV ngày 16/10/2018 về việc bổ sung sửa đổi quy định đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh và Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của trường ĐH Vinh số 2592/QĐ - ĐHV ngày 02/11/2021, trong đó làm rõ các điều kiện, nội dung của việc kiểm tra – đánh giá [H5.05.01.01]. Quy trình đánh giá kết quả học tập được thực hiện chặt chẽ từ khi bắt đầu chương trình học cho đến khi tốt nghiệp nhằm đạt được CDR về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm của NH. Đối với CDR về kiến thức CTĐT trình độ ThS ngành KTXD được nêu rõ yêu cầu về kiến thức sau khi tốt nghiệp [H5.05.01.02]. Đối với mỗi học phần học viên được đánh giá tối thiểu 03 con điểm thành phần. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần [H5.05.01.03]. Điều 22 trong Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021 quy định hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp đồng thời đóng góp 30% trọng số điểm học phần. Riêng đối với đánh giá luận văn tốt nghiệp Quy định cũng đã trình bày rõ quy định về đánh giá luận văn tốt nghiệp gồm: tiêu chí của hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp, quy trình đánh giá, cách tính điểm luận văn tốt nghiệp [H5.05.01.04]. Với CDR về ngoại ngữ trường cũng đã ban hành quy định CDR tiếng Anh thể hiện trong quyết

định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021. Đây là căn cứ để xác định NH đủ điều kiện tốt nghiệp sau khi hoàn thành CTĐT trình độ ThS chuyên ngành Kỹ thuật xây dựng [H5.05.01.04]. Đầu khóa học, phòng Đào tạo Sau ĐH thông báo cho NH về kế hoạch học tập các chuyên đề, kế hoạch kiểm tra đánh giá, thi kết thúc học phần, thời gian tổ chức bảo vệ luận văn tốt nghiệp ThS chuyên ngành KTXD nhằm giúp giảng viên và NH nắm được tiến trình học, thời gian học, thi và bảo vệ luận văn tốt nghiệp. Trên cơ sở các quy định chung về kiểm tra – đánh giá đã được ban hành của trường, khoa Xây dựng phối hợp cùng phòng Đào tạo Sau ĐH chủ động triển khai kế hoạch giảng dạy, học tập, các hình thức kiểm tra, đánh giá cho phù hợp với các học phần và CĐR của CTĐT trình độ ThS ngành KTXD [H5.05.01.05].

Các tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp kiểm tra, đánh giá của trường ĐH Vinh phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR. Nhà trường đã ban hành CTĐT, CĐR trình độ ThS chuyên ngành KTXD trong đó nêu rõ các phương pháp kiểm tra – đánh giá [H5.05.01.06]. Trong quyết định về việc ban hành CTĐT, CĐR trình độ ThS chuyên ngành KTXD xác định CĐR của từng học phần; xác định các phương pháp đánh giá kết quả học tập vận dụng các CĐR cho từng học phần như: bài tập thuyết trình, tự luận, thảo luận, hỏi đáp; xác định các tiêu chí đánh giá và thiết kế các rubric đánh giá, thang điểm cụ thể. Việc đánh giá kết quả học tập nhằm đánh giá mức độ đáp ứng CĐR của học phần một cách khách quan, công bằng [H5.05.01.07]

Định kỳ thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật và điều chỉnh CTĐT trình độ ThS chuyên ngành KTXD, khoa Xây dựng đều có các buổi họp, thảo luận, xin ý kiến của các giảng viên về nội dung cải tiến các phương pháp kiểm tra – đánh giá kết quả của từng học phần nhằm hoàn thiện mức độ đóng góp đạt được CĐR của CTĐT của mỗi học phần [H5.05.01.08].

Các phương pháp kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của NH đã được chuyên ngành KTXD, Khoa Xây dựng thiết kế để đo lường được mức độ đạt được kiến thức về quản trị, quản lý, kiến thức ngành, liên ngành, kiến thức nâng cao, hiện đại của chuyên ngành và vận dụng được các kỹ năng để giải quyết các vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp [H5.05.01.09]. Trong bản mô tả CTĐT trình độ ThS chuyên ngành KTXD, khoa

Xây dựng nêu rõ ma trận tích hợp giữa phương pháp đánh giá với CDR của CTĐT. Điều này cho thấy, các phương pháp đánh giá NH được lựa chọn đa dạng như: chuyên cần, bài tập, thuyết trình, làm việc nhóm, trắc nghiệm, tự luận ... có sự phù hợp cao với CDR CTĐT. Trong đề cương chi tiết học phần cũng chỉ rõ nội dung, phương thức đánh giá NH tương thích với CDR học phần [H5.05.01.10]. Căn cứ vào quy định về công tác kiểm tra – đánh giá kết quả NH, khoa Xây dựng tiến hành đánh giá kết quả học phần bao gồm điểm kiểm tra giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần. Hình thức đánh giá kết quả học tập của NH cũng từng bước được đa dạng hóa và phù hợp với CDR từng học phần gồm: tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm và có kèm biểu mẫu đánh giá với các tiêu chí phù hợp với từng hình thức đánh giá. Trong đó, mỗi học phần phải đảm bảo có đủ các điểm thành phần và có quy định về trọng số điểm là Điểm HP = Điểm quá trình x 0,5 + điểm cuối kỳ x 0,5. Trong đó điểm quá trình gồm Điểm bài tập chiếm trọng số 0,6 + điểm chuyên cần chiếm trọng số 0,2 và điểm thảo luận chiếm trọng số 0,2. Sự phù hợp của các hình thức đánh giá này với CDR học phần được thể hiện trong ma trận phương pháp đánh giá và CDR của đề cương chi tiết mỗi học phần [H5.05.01.11]. Đối với đánh giá luận văn, trước khi NH bảo vệ luận văn tốt nghiệp, chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng thành lập hội đồng đánh giá luận văn chuyển cho phòng Đào tạo Sau ĐH, phòng Đào tạo Sau ĐH rà soát trình hiệu trưởng ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận văn, tất cả thông tin đánh giá luận văn được trình bày đầy đủ trong bản nhận xét, phiếu chấm điểm luận văn của NH [H5.05.01.12]. Tuy nhiên, chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng chưa phối hợp chặt chẽ với phòng Sau ĐH, Trung tâm ĐBCL về mức độ phù hợp của từng hình thức thi đối với mỗi học phần và chưa có sự đối sánh kết quả thi với các chuyên ngành khác.

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống văn bản, biểu mẫu, quy trình do nhà trường ban hành bằng các phương pháp kiểm tra – đánh giá được thiết kế phù hợp với mục tiêu cần đánh giá tương ứng mức độ đạt được CDR của CTĐT ThS chuyên ngành.

Chuyên ngành KTXD, khoa Xây dựng thường xuyên tổ chức họp, trao đổi và cải thiện phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH.

Việc đánh giá theo CĐR (CĐR) là xu thế tất yếu trong việc nâng cao chất lượng dạy và học ở bậc sau ĐH. Dựa trên quy trình xây dựng CĐR, các học phần trong CTĐT ThS chuyên ngành KTXD ở Trường ĐH Vinh được thiết kế với các CĐR gắn với CĐR của CTĐT (CTĐT) và bộ công cụ đánh giá phù hợp với các CĐR, cho thấy sự chủ động, tích cực của NH trong học tập, hiểu rõ mức độ của yêu cầu cần đạt được thông qua bộ tiêu chí đánh giá được công bố từ đầu khóa học, góp phần giúp NH hình thành năng lực nghề nghiệp trong tương lai.

3. Điểm tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, vẫn còn tồn tại một số hạn chế cần nghiên cứu khắc phục để hoàn thiện hơn:

- Việc đánh giá CĐR bước đầu hoàn thiện vì vậy các giảng viên và học viên đang còn bỡ ngỡ.

- Việc định lượng CĐR chỉ định lượng được kiến thức, các kỹ năng khác cần tiếp tục hoàn thiện.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Phối hợp chặt chẽ với phòng Đào tạo Sau ĐH và trung tâm ĐBCL để tiến hành khảo sát NH về sự phù hợp của từng hình thức thi đối với từng học phần cũng như đối sánh với các CTĐT khác	- Khoa Xây dựng, - Phòng Đào tạo Sau ĐH - Trung tâm ĐBCL	Hàng năm

2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tổ chức các buổi seminar, sinh hoạt khoa học nhằm hướng dẫn, trao đổi, điều chỉnh phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH	Chuyên ngành Đào tạo Sau ĐH và trung tâm ĐBCL	Hàng năm
---	--------------------	--	---	----------

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của NH (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai đến NH.

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh đã có các quyết định, quy định và hướng dẫn rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá kết quả học tập của NH thể hiện ở quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021[H5.05.02.01]. Các mốc thời gian học, thời gian thi hết học phần được trình bày cụ thể trong kế hoạch đào tạo hàng năm của phòng Đào tạo Sau ĐH [H5.05.02.02]. Cách thức, hình thức, tiêu chí và trọng số đánh giá kết quả học tập của NH được trình bày tại Điều 22 trong quy chế đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh [H5.05.02.03]. Các thông tin về cơ chế phản hồi, xem lại bài thi được trình bày rõ tại hướng dẫn công tác khảo thí trong đào tạo trình độ ThS [H5.05.02.04]. Nhà trường cũng có quy định rõ ràng về tổ chức thẩm định chất lượng luận văn; quy định về việc đăng ký học, thi lại nếu không đáp ứng được yêu cầu theo quy định và quy định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng ThS ... Về việc phúc khảo và theo dõi kết quả học tập, ngoài phòng Đào tạo Sau ĐH, Nhà trường còn có Bộ phận Một cửa và Trung tâm ĐBCL hỗ trợ theo dõi, giám sát kết quả học tập, kịp thời xử lý đảm bảo tiến độ học tập của học. [H5.05.02.05].

Nhằm giúp NH dễ dàng nắm bắt và thực hiện kế hoạch học tập; các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và giám sát, Trường ĐH Vinh công bố công khai những quy định liên

quan đến đánh giá và kết quả học tập của NH thông qua trang thông tin điện tử của Nhà trường, qua đợt học chính trị đầu khóa và được cố vấn học tập phổ biến đến từng người các trang cá nhân. Chẳng hạn, Trường ĐH Vinh đã công khai quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh trên website của nhà trường [H5.05.02.06]. Đầu khóa học, phòng Đào tạo Sau ĐH thông báo cho NH về CTĐT toàn khóa, kế hoạch học tập, kế hoạch thi, thời gian tổ chức bảo vệ luận văn, các quy định của trường có liên quan đến NH. Đồng thời ngay buổi gặp mặt học viên đầu khóa, nhà trường phổ biến quy chế đào tạo (bao gồm đánh giá kết quả học tập) trực tiếp tới NH; giảng viên trực tiếp giảng dạy các học phần công bố công khai đề cương chi tiết học phần, kế hoạch học tập, đề cương bài giảng, yêu cầu học tập, các hình thức học tập lên hệ thống LMS trước hai tuần khi học trực tiếp [H5.05.02.07]. Với các hình thức này giúp NH nắm được thông tin kịp thời để có kế hoạch học tập phù hợp.

Trường ĐH Vinh, khoa Xây dựng phổ biến các quy định về kiểm tra – đánh giá kết quả học tập thông qua nhiều hình thức khác nhau. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của mỗi học phần được thể hiện rõ qua đề cương chi tiết. Đồng thời ngay trong buổi học trực tiếp đầu tiên của học phần, giảng viên cũng sẽ giới thiệu về cách thức đánh giá, tỷ trọng các thành phần điểm cho NH đối với các học phần. Việc làm này nhằm đảm bảo 100% NH tham dự học phần có thể nắm rõ các quy định về kiểm tra – đánh giá kết quả học tập. Phòng đào tạo sau ĐH đưa ra kế hoạch giảng dạy từng kỳ và gửi tới các chuyên ngành để triển khai thực hiện. Điểm quá trình của mỗi NH được thông báo trên hệ thống LMS của nhà trường và buổi học cuối cùng của học phần được giảng viên thống kê thông báo và giải đáp thắc mắc nếu có [H5.05.02.08]. Trước mỗi đợt thi kết thúc học phần lịch thi được gửi trực tiếp qua tài khoản cá nhân của học viên trên LMS. [H5.05.02.09] chụp màn hình học viên]. Ngoài ra những quy định về đánh giá học viên tốt nghiệp gồm: đề cương luận văn, đề tài luận văn, điều kiện để được bảo vệ luận văn, kiểm tra tỉ lệ trùng lặp của luận văn thông qua phần mềm DoiT, hội đồng đánh giá luận và tổ chức đánh giá luận văn được trình bày rõ ràng trong quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS. Sau khi bảo vệ luận văn, NH được chỉnh sửa luận văn theo góp ý của hội đồng và có bản giải trình về sửa chữa luận văn được xác nhận bởi giáo viên hướng dẫn và chủ tịch hội đồng. Tất cả thông tin đánh giá luận văn được trình bày đầy đủ trong bản nhận xét luận văn và phiếu chấm điểm luận văn của NH [H5.05.02.10]. Bên cạnh

đó, nhà trường còn thông qua đội ngũ phụ trách chuyên ngành để kịp thời thông tin về các quy định đánh giá kết quả học tập tới NH. Nhà trường đã ban hành quyết định thành lập đội ngũ hỗ trợ cho các chuyên ngành nhằm mục đích tư vấn, hỗ trợ học viên và đề xuất phương án xử lý đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo. Cụ thể, trong mỗi năm học, từng học kỳ, phụ trách chuyên ngành tiến hành họp lớp cao học phổ biến kịp thời cho học viên các quy định, quy chế, trong đó có quy định về đánh giá kết quả NH. Trên cơ sở đó, khoa Xây dựng tổng hợp thành báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch của khóa đào tạo để trình lên ban giám hiệu nhà trường thông qua các kỳ họp liên quan đến đào tạo sau ĐH [H5.05.02.11]. Như vậy, nhà trường đã thông qua nhiều cách thức khác nhau để phổ biến quy định về đánh giá kết quả học tập tới NH. Tuy nhiên hiện nay, thời lượng dành cho chấm thi kết thúc học phần các môn thi theo hình thức viết tiểu luận còn chưa thật phù hợp. Hệ thống phần mềm kiểm tra – đánh giá, báo điểm cho học viên còn chưa thật hiệu quả và khoa học.

2. Điểm mạnh

NH chủ động học tập với nhiều hình thức học tập khác nhau, môi trường học tập đa dạng. Trên cơ sở học lý thuyết, học viên đã hiểu được những năng lực cần thiết trong nghề nghiệp... Từ đó nhận thức đúng đắn về ngành nghề đào tạo, có kế hoạch và phương pháp học tập hiệu quả, tự tin và làm chủ quá trình học tập của bản thân.

Việc công bố bộ công cụ đánh giá với các tiêu chí cụ thể giúp NH hình dung ra mục tiêu cần đạt được và hướng NH trong quá trình học tập sẽ thực hiện theo những tiêu chí mà bộ công cụ đã đưa ra. Từ đó, hình thành cho NH phương thức đánh giá như một hoạt động học tập mà trong CTĐT ThS ngành KTXD phát triển phẩm chất, năng lực đang hướng tới.

3. Điểm tồn tại

Bước đầu chuyển đổi phương thức mới về việc đánh giá kết quả NH nên còn một số giảng viên còn bỡ ngỡ trong việc thay đổi giữa hai hình thức cũ và mới, cần thêm thời gian để hoàn thiện và nhuần nhuyễn về phương thức đánh giá này. Còn đối với các học viên, một số bị hạn chế về kiến thức, khả năng thao tác, ứng dụng tin học nên việc cập nhật thông tin kết quả còn mất khá nhiều thời gian.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cần tổ chức các Seminar để trao đổi về các vấn đề còn tồn tại sau mỗi đợt đánh giá kết quả NH. Nêu rõ các vấn đề vướng mắc để các chuyên gia giải đáp cho các giảng viên, học viên được hiểu rõ hơn.	- Khoa Xây dựng, - Phòng Đào tạo Sau ĐH - Trung tâm ĐBCL - Viện NC&ĐTT trực tuyến	Tháng 12/2023
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra – đánh giá và công bố công khai kết quả đánh giá cho NH	Chuyên ngành Đào tạo Sau ĐH và trung tâm ĐBCL	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng

1. Mô tả hiện trạng

Phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH cho các học phần trong CTĐT ThS chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng tuân thủ theo quy định về phương pháp và quy trình kiểm tra – đánh giá của trường. Để đánh giá kết quả học tập, trường đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau các tiêu chí đánh giá kết quả học tập bao gồm: điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ, điểm thi kết thúc học phần, điểm tổng kết học phần, ... đã được quy định rõ tại quyết định 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021 quy định

tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh [H5.05.03.01]. Căn cứ quy định này, chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng cũng đưa ra phương pháp đánh giá phù hợp đối với CĐR của CTĐT và CĐR của học phần. Các hình thức kiểm tra – đánh giá bao gồm tự luận, tiểu luận, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận trên lớp ... Do học viên chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng chủ yếu là các kỹ sư xây dựng, kỹ sư xây dựng công trình giao thông, và một số ngành khác, nên để đảm bảo nâng cao nghiệp vụ nghiệp cho NH, nhóm các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành đã chú trọng tăng cường hình thức kiểm tra – đánh giá bằng các bài tập yêu cầu học viên thực hành [H5.05.03.02].

Quy trình và tiêu chí kiểm tra – đánh giá trong quy định của trường, trong đề cương chi tiết học phần đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng của các phương pháp kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của NH. Hiện nay, hoạt động kiểm tra – đánh giá kết quả học tập của NH đã xây dựng được các thang đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí hiện thị trong đề cương môn học, các rubric đánh giá đã đáp ứng được các CĐR của học phần, thực hiện áp dụng các kỹ thuật đánh giá như thiết kế câu hỏi thi, phân tích đề thi, thiết ma trận, đề thi đánh giá năng lực học sinh, ... dựa trên lý thuyết về việc đảm bảo độ giá trị và độ tin cậy. Trường đảm bảo có các quy định cụ thể về việc thiết kế câu hỏi thi, đề thi. Theo đó, yêu cầu các đề thi đồng đều về độ khó, không trùng nhau và tương thích với thang điểm, các nhóm câu hỏi thi bao quát được các kiến thức trong học phần, đo lường việc đạt được các CĐR học phần. Tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tính tương thích với số tín chỉ và thời gian thi kết thúc học phần theo quy định. Yêu cầu quy trình soạn thảo và ban hành đề thi cũng được quy định chặt chẽ, đảm bảo tính bảo mật, khách quan [H5.05.03.03]. Để đánh giá độ tin cậy của đề thi, chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng dựa vào công cụ và cách thức sau: các văn bản của trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT và xây dựng đề thi; mục tiêu CĐR học phần; ma trận đề thi; ma trận câu hỏi thi; kết quả thi của NH [H5.05.03.04]. Ngoài ra, với luận văn tốt nghiệp phòng đào tạo sau ĐH đã ban hành hướng dẫn thực hiện quy trình chấm luận văn tốt nghiệp cho các chuyên ngành đào tạo ThS [H5.05.03.05]. Tại buổi bảo vệ luận văn tốt nghiệp, sau khi NH bảo vệ, trả lời câu hỏi các thành viên hội đồng thảo luận và cho điểm vào phiếu kín theo thang điểm 10 được làm tròn đến một chữ số thập phân. Kết quả

được công bố sau khi có ý kiến phê duyệt của chủ tịch hội đồng đánh giá luận văn tốt nghiệp [H5.05.03.06].

Nhằm đảm bảo đo lường được các yêu cầu CDR cần đo; đảm bảo độ tin cậy, chính xác nhằm đảm bảo tính công bằng, chuyên ngành sử dụng các phương pháp kiểm tra – đánh giá khác nhau. Trường ĐH Vinh đã ban hành đầy đủ quy định về việc ra đề, tổ chức thi, chấm thi [H5.05.03.07]. Quy trình này có sự tham gia của nhiều đơn vị trong trường như: trung tâm ĐBCL là đơn vị phụ trách in sao và lưu trữ đề thi; các khoa bộ môn phụ trách việc ra đề, chấm thi. Mỗi đơn vị đều xây dựng quy trình thực hiện công việc đầy đủ, khoa học, đảm bảo độ tin cậy, công bằng trong việc đánh giá kết quả học tập của NH. Sau khi kết thúc các học phần trong kỳ NH sẽ nhận được lịch thi kết thúc học phần đó, lịch thi chính thức được thông báo công khai cho NH theo dõi trước khi thi trên hệ thống LMS. Từ năm 2022 nhiều học phần trong CTĐT đã chuyển từ hình thức thi tự luận sang làm tiểu luận, đồ án. Điểm thi được đo theo thang điểm 10 và có các rubric đánh giá cụ thể [H5.05.03.08]. Hàng năm, nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH về chất lượng giảng dạy của giảng viên. Phòng Đào tạo sau ĐH phối hợp với phòng Công tác chính trị học sinh – sinh viên thực hiện đầy đủ các quy định về đánh giá, hướng dẫn NH tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy khi kết thúc học phần. Trong các ý kiến đánh giá của NH có 92% ý kiến đồng ý và rất đồng ý về hình thức, phương pháp đánh giá học phần, không có NH nào đánh giá ở mức không đồng ý hay rất không đồng ý [H5.05.03.09]. Tuy nhiên, trong thời gian qua, chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng chưa có hình thức thi trắc nghiệm cho các học phần trong CTĐT ThS, chưa phân tích được phổ điểm để đánh giá được CDR một cách rõ ràng.

2. Điểm mạnh

Phương pháp kiểm tra – đánh giá đã được đa dạng hóa, đảm bảo đánh giá kết quả học tập nghiêm túc, khách quan công bằng và phù hợp với CDR từng học phần.

3. Điểm tồn tại

Công tác rà soát, đổi mới bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá học phần bằng tiểu luận/đồ án cho một số học phần chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục để phù hợp với thực tiễn và đặc thù của môn học.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm cho một số học phần trong CTĐT - Ban hành quy định đánh giá CDR CTĐT	Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức, phương pháp đánh giá của các nội dung với mục tiêu và CDR học phần.	Hàng năm/ Học kỳ
2	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức thảo luận cấp khoa, cấp chuyên ngành về việc đa dạng hóa hình thức kiểm tra – đánh giá, đặc biệt là đánh giá định kỳ đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và ĐBCL trong CTĐT ThS chuyên ngành trong thời gian qua, chuyên ngành KTXD khoa Xây dựng.	- Khoa Xây dựng	Thường xuyên

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập

1. Mô tả hiện trạng

Việc phản hồi kết quả đánh giá của NH đã được nhà trường ban hành thành các quy định cụ thể để NH kịp thời cải thiện việc học tập [H5.05.04.01]. Theo quy định, giảng viên phải công bố công khai trước lớp các loại điểm chuyên cần, quá trình trước khi kết thúc học phần để NH có phản hồi kịp thời. Tuy nhiên, các loại điểm nêu trên đã được công bố công khai trên tài khoản cá nhân của NH trong hệ thống LMS của nhà trường [H5.05.04.02]. Đối với điểm thi kết thúc học phần, giảng viên chấm bài nộp về Trung tâm ĐBCL cả danh sách điểm, bài thi, nhập điểm thi cho văn phòng Khoa Xây dựng, văn phòng tổng hợp và nhập điểm lên hệ thống quản lý điểm trực tuyến của nhà trường trong vòng 07 ngày sau khi chấm. Từ năm 2020 việc thi kết thúc học phần được thay thế bằng bài tiểu luận hoặc đồ án, giảng viên chấm trực tiếp trên hệ thống quản lý học tập E-learning và công bố trực tiếp cho NH thông qua tài khoản cá nhân [H5.05.04.03].

Nhằm giúp giáo viên và NH nắm bắt được các quy định về phản hồi kết quả đánh giá, Nhà trường đã công bố công khai kịp thời các quy định trên nhiều hình thức khác nhau. Hằng năm, trong các buổi gặp mặt sinh viên đầu khóa, họp lớp, giảng viên và NH được phổ biến quy chế đào tạo có đề cập đến nội dung phản hồi kết quả học tập. Ngoài ra các quy định này được công khai trên website của Nhà trường [H5.05.04.04].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá đã được NH sử dụng kịp thời để cải thiện việc học tập. Nhờ việc thông tin kịp thời và nhanh chóng NH có thể lập kế hoạch đăng ký học, đăng ký thi lại phù hợp với tiến độ học tập. Nhà trường cũng có quy định về học lại, thi lại để NH đạt kết quả tốt nhất [H5.05.04.05]. Phụ trách chuyên ngành lập danh sách thông báo và hỗ trợ NH có kết quả học tập kém để NH có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép. Trường đã ban hành quy định về việc bổ nhiệm phụ trách chuyên ngành đào tạo sau ĐH nhằm nắm rõ tình hình học tập cũng như hỗ trợ NH trong suốt thời gian học tập tại trường. Phòng Đào tạo sau ĐH yêu cầu phụ trách chuyên ngành hỗ trợ NH trong quá trình học tập như: đăng ký học đúng tiến độ, rà soát điểm tổng kết, lập danh sách NH thuộc diện cảnh báo để có sự tư vấn hỗ trợ kịp thời [H5.05.04.06]. Các cuộc họp giữa phụ trách chuyên ngành và NH được thực

hiện thường xuyên trong mỗi học kỳ để nắm bắt tình hình, tư vấn hỗ trợ NH [H5.05.04.07].

Ngoài ra, hàng năm nhà trường đều tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH về kết quả đánh giá của NH về hoạt động giảng dạy của giảng viên, thái độ phục vụ của phòng ban, chức năng liên quan đến hoạt động của NH. Tỷ lệ hài lòng của NH đối với nội dung kết quả kiểm tra thường xuyên, định kỳ được phản hồi kịp thời đạt mức trên 90 %. Phòng Đào tạo sau ĐH phối hợp với phòng Công tác chính trị học sinh – sinh viên thực hiện đầy đủ các quy định về việc đánh giá, hướng dẫn NH tham gia đánh giá kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời sau mỗi học kỳ [H5.05.04.08]. Tuy nhiên, do số lượng học viên của Nhà trường đông, việc truy cập, xem điểm trên phần mềm quản lý học tập LMS có khi còn bị tắc nghẽn gây khó khăn cho công tác phản hồi kết quả học tập của NH.

2. Điểm mạnh

Nhà trường ban hành đầy đủ các quy định cụ thể về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH, đồng thời những quy định này được thông báo công khai kịp thời tới giảng viên và NH qua nhiều hình thức khác nhau. Phòng ĐT SĐH có sự phân công công việc rõ ràng cho đội ngũ phụ trách chuyên ngành hỗ trợ NH trong suốt quá trình học tập tại trường. Ban chủ nhiệm khoa Xây dựng, phụ trách chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp NH cải thiện kết quả học tập cũng như hoàn thành chương trình học tập đúng hạn.

3. Điểm tồn tại

Phần mềm quản lý học tập LMS có khi còn bị tắc nghẽn gây khó khăn cho công tác quản lý và cho NH.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Cải thiện phần mềm quản lý học tập LMS	- Viện NC&ĐTT trực tuyến	Tháng 06/ 2024

2	Phát huy điểm mạnh	Đa dạng hóa các loại hình phản hồi kết quả đánh giá NH, đồng thời công bố công khai cho NH để kịp thời cải thiện kết quả học tập của NH	- Khoa Xây Dựng	Hàng năm
---	--------------------	---	-----------------	----------

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

1. *Mô tả hiện trạng*

Trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần, Trường ĐH Vinh đã phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập cho NH. Toàn bộ quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH được cụ thể hóa trong Quyết định số 2592/QĐ-ĐHV ngày 2 tháng 11 năm 2021 quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh, quy định về tổ chức thi kết thúc học phần ...[H5.05.05.01]. Trước mỗi khóa học, tất cả văn bản này đều được phổ biến tới NH thông qua buổi gặp mặt học viên đầu khóa. Ngoài ra, trước mỗi học kỳ, trước mỗi học phần, phụ trách chuyên ngành và giảng viên phổ biến lại các quy định, quy trình phản hồi, khiếu nại kết quả các loại điểm học phần cho NH. Tất cả các nội dung này được phản ánh trong biên bản họp lớp qua các học kỳ cũng như trong cẩm nang học sinh, sinh viên, học viên [H5.05.05.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường đều tiến hành xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng việc xem lại kết quả học tập của NH. Đối với điểm quá trình, điểm kiểm tra giữa kỳ NH có thể xem trực tiếp trên tài khoản cá nhân của mỗi học viên và khiếu nại trực tiếp với giảng viên ngay sau khi điểm được công bố và trước khi giảng viên chốt điểm thành phần [H5.05.05.03]. Đối với điểm thi kết thúc học phần, sau khi có điểm thi của tất cả các môn thi trong đợt thi, toàn bộ điểm sẽ được công bố điểm tới NH. Thời gian nhận đơn khiếu nại kết quả bài thi, trong vòng 07 ngày kể từ khi công bố điểm thi. Đơn đề nghị xem lại kết quả bài thi nộp về bộ phận một cửa, bộ phận một cửa chuyển cho trung tâm ĐBCL giải quyết, trung tâm ĐBCL yêu cầu giảng viên xem lại bài thi, sau khi có kết quả xem lại bài thi, trung tâm

ĐBCL thông báo kết quả trực tiếp cho NH qua gọi điện trực tiếp, điểm số sẽ được cập nhật sau khi có kết quả [H5.05.05.04]. Thực tế, trong 05 năm gần đây, không có trường hợp nào xem lại bài thi. Từ năm 2020, phần lớn các học phần thuộc CTĐT ThS chuyên ngành KTXD chuyển sang hình thức làm bài tiểu luận nên không có học viên nào khiếu nại điểm thi.

Ngoài ra, đối với việc đánh giá luận văn tốt nghiệp, căn cứ vào quy trình tổ chức cho học viên làm luận văn tốt nghiệp được ban hành bởi phòng Đào tạo sau ĐH, NH nếu có thắc mắc sẽ được các thành viên hội đồng chấm luận văn tốt nghiệp giải đáp ngay tại buổi bảo vệ [H5.05.05.05]. Điều này cho thấy việc thực hiện đánh giá đảm bảo tính công bằng; đồng thời quy trình khiếu nại đã được phổ biến rộng rãi, dễ tiếp cận để NH có thể kịp thời xem lại và được giải quyết thỏa đáng. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay khoa chưa ghi nhận trường hợp khiếu nại từ học viên.

2. Điểm mạnh

NH dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại kết quả học tập của mình từ cán bộ phụ trách cấp Khoa đến Bộ phận Một cửa, Trung tâm ĐBCL của Nhà trường. Học viên được phổ biến rõ về quy trình khiếu nại kiểm tra kết quả thi. Trong 5 năm từ 2018 – 2023 không có học viên nào khiếu nại về kết quả học tập.

3. Điểm tồn tại

Các thủ tục, quy trình khiếu nại kết quả học tập do thực hiện qua nhiều công đoạn, bộ phận chức năng của Nhà trường nên thời gian xử lý chưa nhanh.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến quy trình	- Viện NC&ĐTT trực tuyến - Khoa Xây dựng	Tháng 06/2024

		khiếu nại nhanh, gọn hơn		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện tốt các quy trình liên quan đến việc quản lý điểm và giải quyết các kết quả khiếu nại của HV. Thông báo kết quả khiếu nại của HV về kết quả học tập trên website của Nhà trường.	- Viện NC&ĐTT trực tuyến - Khoa Xây dựng	Hàng năm

5. 5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Trường ĐH Vinh có quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của NH, có tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp, tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH được các GV trong Khoa thiết kế có khả năng đo lường được mức độ đạt được CDR của CTĐT. Việc đánh giá KQHT của NH được bám sát các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm và theo CDIO. Các quy định về đánh giá KQHT của NH tương đối rõ ràng và được thông báo công khai tới NH ngay từ đầu học kỳ thông qua ĐCCT học phần, thông qua buổi gặp mặt NH đầu khóa và được phổ biến kịp thời tới NH với nhiều hình thức. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng (đánh giá trên lớp, bài về nhà, hoạt động nhóm, thuyết trình, thi, tiểu luận,...), đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. NH tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT thông qua Bộ phận một cửa, Trung tâm ĐBCL, Ban chủ nhiệm khoa Xây dựng, phụ trách chuyên ngành. Tuy nhiên, vẫn còn một số tồn tại đó là: Chuyên ngành ThS KTXD chưa phối hợp chặt chẽ với phòng Sau ĐH, trung tâm ĐBCL về mức độ phù hợp của từng hình thức thi đối với mỗi

học phần và chưa có sự đối sánh kết quả thi với các chuyên ngành khác; Thời lượng dành cho chấm thi kết thúc học phần các môn thi theo hình thức viết tiểu luận còn chưa thật phù hợp; Hệ thống phần mềm kiểm tra - đánh giá, báo điểm cho học viên còn chưa thật hiệu quả và khoa học; chưa có hình thức thi trắc nghiệm cho các học phần trong CTĐT ThS, chưa phân tích được phổ điểm để đánh giá được CDR một cách rõ ràng; Phần mềm quản lý học tập LMS có khi còn bị tắc nghẽn gây khó khăn cho công tác quản lý và cho NH.

Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên

Mở đầu

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng CTĐT của Trường ĐH Vinh nói chung và của Khoa Xây dựng nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường, Khoa Xây dựng luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.

Đội ngũ GV của Khoa Xây dựng tham gia giảng dạy và hướng dẫn chương trình sau ĐH được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện qua tỷ lệ GV/NH theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.

Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để tạo sự chủ động, có tầm nhìn chiến lược trong công tác cán bộ và tạo nguồn

cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu đáp ứng được yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD, Trường ĐH Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch /quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự [H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường ĐH Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐH Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC..., Kế hoạch phát triển đội ngũ bao gồm: tuyển dụng, bố trí, đào tạo, bồi dưỡng... của các đơn vị hàng năm được cụ thể hóa, được phê duyệt [H6.06.01.02],[H6.06.01.03].

Để thực hiện chính sách tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực gắn với tầm nhìn và mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về tiêu chí tuyển dụng và đào tạo, bồi dưỡng GV phù hợp với các quy định của Luật Giáo dục ĐH, Luật Viên Chức và quy định của Nhà trường [H6.06.01.04]. Đồng thời, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định về bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo, bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động... [H6.06.01.05].

Để thực hiện đúng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ, vào đầu mỗi năm học, Khoa Xây dựng đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến nay (tháng 07/2023), Tổng số CB, GV của Khoa Xây dựng, gồm có 45 GV cơ hữu và 02 chuyên viên, trong đó có 01 PGS (chiếm 2%), 15 TS (chiếm 33%), 30 Th.s (chiếm 67%), Riêng đội ngũ GV được phụ trách phân công giảng dạy các học phần ngành KTXD là 16 người, trong đó có 01 PGS (chiếm 6.25 %), 05 TS (chiếm 31.25%), 10 Th.s (chiếm 62.5%). Hiện nay, đội ngũ giảng viên trong CTĐT chuyên ngành KTXD trình độ ThS được quy hoạch theo định hướng nghiên cứu và ứng dụng. Tất cả các GV của Khoa Xây dựng đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [H6.06.01.06]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện (ở bảng 6.1.1).

Bảng 6.1.1: Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Xây dựng theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2022-2023 (tính đến tháng 07/2023)

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	5,56	1	0	0	0	1	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	17	94,44	13	1	0	5	9	0	0
	Tổng	18	100	16	2	0	13	05	0	0

Bảng 6.2.1: Thống kê số lượng giảng viên được quy hoạch, bổ nhiệm, nghỉ hưu và kéo dài thời gian làm việc giai đoạn 2017-2022 (tính đến tháng 07/2023)

TT	Nội dung	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Kinh nghiệm công tác/năm
1.	Nghỉ hưu	-	-	-
2.	Chấm dứt HĐ	-	-	-
3.	Quy hoạch cán bộ QL chức danh phó đơn vị	01	Tiến sỹ	12
4.	Quy hoạch cán bộ QL chức danh TBM	04	Tiến sỹ	12-16
5.	Quy hoạch cán bộ QL chức danh TBM	06	ThS	8-12
6.	Phó giáo sư	01	Tiến sỹ	20
7.	Giảng viên chính	03	Tiến sỹ	18-20
8.	Bổ nhiệm phó ĐV	01	Tiến sỹ	18

Ngoài ra, chương trình còn có sự tham gia của các giảng viên kiêm nhiệm của Trường và giảng viên thỉnh giảng là các nhà khoa học, giảng viên có uy tín từ nhiều trường ĐH, viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước và nước ngoài .

Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm và Bộ môn Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp đã thảo luận, phân tích về sự thiếu hụt giảng viên của CTĐT. Từ đó, xây dựng lộ trình phát triển cán bộ trong từng năm nhằm đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên khối lượng công việc

đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ đã nghỉ hoặc sắp nghỉ hưu. Khoa Xây dựng và ngành xác định số lượng GV cần tuyển dụng mới tương ứng với các vị trí thiếu hụt trong bản mô tả công việc, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ của Khoa, Trường đơn vị đề xuất số lượng cần bổ sung, trình thành viên BGH phụ trách trực tiếp cho ý kiến gửi về phòng Tổ chức Cán bộ để tổng hợp nhu cầu tuyển dụng viên chức của toàn trường trình Hiệu trưởng. Hiệu trưởng thông qua chỉ tiêu cần tuyển dụng tại phiên họp giao ban BGH để thống nhất chỉ tiêu. Trên cơ sở kết luận của BGH, Hiệu trưởng báo cáo Ban thường vụ Đảng ủy xét duyệt chỉ tiêu cần tuyển. Trên cơ sở chỉ tiêu đã được duyệt, Phòng Tổ chức Cán bộ lập kế hoạch tổ chức thi tuyển, thông báo tiêu chuẩn, điều kiện, chỉ tiêu, thời hạn tuyển dụng và địa điểm tiếp nhận hồ sơ trên website Trường ĐH Vinh, trên phương tiện thông tin đại chúng và tại phòng Tổ chức Cán bộ, kết quả thi tuyển được niêm yết công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường, phòng Tổ chức Cán bộ thông báo bằng văn bản gửi tới người dự tuyển kèm theo thông báo về thời gian và địa điểm người trúng tuyển đến ký hợp đồng làm việc và hoàn thiện thủ tục tuyển dụng trong thời hạn quy định [H6.06.01.07]. Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ GV, NCV được tuyển dụng mới của Khoa xây dựng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.01.09].

Hằng năm Khoa Xây dựng cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ GV, NCV. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Khoa Xây dựng và ngành KTXD được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa Xây dựng và ngành KTXD [H6.06.01.10]. Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, NCV, Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV, NCV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [H6.06.01.11]. Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, NCV, Trường ĐH Vinh có quy chế chỉ tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc

bảo vệ luận án TS... [H6.06.01.12].

Việc chuyển đổi ngũ CB-GV-NV cũng được Nhà trường thực hiện thường xuyên để phù hợp với tình hình thực tế và năng lực của từng vị trí.

Việc quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Khoa dựa trên năng lực công tác và thành tích NCKH của CB để nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như quản lý. Quy trình bổ nhiệm CB lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. [H6.06.01.13].

Việc chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng tại Quy chế công tác cán bộ của Trường ĐH Vinh [H6.06.01.14].

Nhà trường thường xuyên thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với đội ngũ GV, NCV để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc TĐG thông qua Bản TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa/Viện và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Ngoài ra Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của học viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của học viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, Nhà trường và Khoa Xây dựng và ngành KTXD có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H6.06.01.15] [H6.06.01.16]. Nhà trường có chính sách khen thưởng đối với các GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, nâng lương trước thời hạn, giấy khen, bằng khen các cấp và các hình thức khen thưởng khác... [H6.06.01.17].

Nhà trường thường xuyên ban hành các quy chế, quy định về công tác tổ chức, cán bộ nhằm bổ sung hoặc thay thế các quy định cũ, thực hiện việc cải tiến về số lượng và chất lượng GV [H6.06.01.18].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà

trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của Khoa được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa Xây dựng theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

Công tác quy hoạch, phát triển đội ngũ giảng viên còn chưa chú trọng đúng mức về cơ cấu độ tuổi của giảng viên cơ hữu trong phạm vi chương trình, khoa và Trường dẫn đến nguy cơ hụt hẫng đội ngũ giảng viên có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Khoa Xây dựng trong đó có ngành KTXD cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch GV cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và đưa ra các kiến nghị phù hợp để bổ sung nhân sự vào vị trí cần thiết. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ GV, NCV như Đề án phát triển Khoa, Đề án vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới cần đầy đủ các nội dung cốt lõi. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các GV, nghiên	Nhà trường Khoa/Viện; Phòng TCCB	4/2024	Hàng năm

		cứu viên.			
2.	Phát huy điểm mạnh	- Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của Khoa, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD. - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.	Khoa/Viện	4/2024	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/NH và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Công tác quy hoạch đội ngũ GV được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường và kế hoạch phát triển của Khoa Xây dựng qua các giai đoạn [H6.06.02.01] [H6.06.02.02]. Để đảm bảo tỷ lệ GV/NH, Khoa Xây dựng đã triển khai

thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Khoa Xây dựng hàng năm. Tổng số CB, GV của Khoa Xây dựng, gồm có 45 GV cơ hữu và 02 chuyên viên, trong đó có 01 PGS (chiếm 2%), 15 TS (chiếm 33%), 30 Th.s (chiếm 67%). Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo [H6.06.02.03].

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành KTXD được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1.

Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi của giai đoạn 2019 – 2023

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
3	TS khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	2	17	17	0	2	0	0	15,6
5	ThS	1	0	0	0	0	0	0	0
6	ĐH	0,5	0	0	2	0	0	0	0
	Tổng		15	11	0	4	0	0	16,5

Quy định về chế độ làm việc đối với GV và NCV được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do BGD&ĐT ban hành [H6.06.02.06], trong đó có các quy định về quy đổi theo giờ chuẩn, hướng dẫn chi tiết việc quy đổi khối lượng công việc của đội ngũ GV theo chuẩn và đo lường để giám sát, đánh giá và cải tiến. Phòng TCCB, Trường ĐH Vinh là đơn vị giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn với sự hỗ trợ của hệ thống phần mềm quản lý. Khối lượng công việc của GV đều được quy đổi thành giờ chuẩn: *giờ chuẩn giảng dạy, giờ chuẩn nghiên cứu khoa học, giờ chuẩn các hoạt động*

chuyên môn khác, theo đó, trong một năm số giờ chuẩn định mức quy định theo chức danh tối thiểu là 270 giờ giảng dạy và 165 giờ NCKH, tối đa là 315 giờ NCKH giờ và các hoạt động chuyên môn khác với định mức giờ chuẩn là 70 đến 120 giờ/năm tương ứng với hệ số lương. Về NCKH, tùy theo chuyên môn, Khoa Xây dựng phân công nhiệm vụ NCKH phù hợp với chuyên môn và học vị của từng GV qua nhiều hình thức khác nhau: Nghiên cứu các đề tài cấp trường; viết bài đăng công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín; viết các bài báo hoặc báo cáo tham luận tại các hội thảo/hội nghị; biên soạn tài liệu giảng dạy học tập; hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH; Tất cả các loại hình nêu trên đều có công thức quy đổi ra giờ chuẩn. Về hoạt động chuyên môn khác, bao gồm: sinh hoạt tổ chuyên môn, hội họp, học tập nâng cao trình độ, chủ trì xây dựng chương trình mới, xây dựng bài giảng môn học mới, cố vấn học tập, chấm thi và các công tác đoàn thể, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động xã hội... Các loại hình hoạt động theo quy định và đều được quy đổi thành giờ chuẩn. Ngoài ra, GV của CTĐT còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng (*hiện nay việc xác lập khối lượng công việc này đang được xem xét trong mục “các hoạt động chuyên môn khác”*) như hỗ trợ các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, hỗ trợ giảng dạy các lớp bồi dưỡng,... Bên cạnh đó, CB và GV của Khoa đã đóng góp ủng hộ tiền, vật dụng cá nhân... cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (học viên, học sinh và người già neo đơn trên địa bàn) đáp ứng được mục tiêu của Nhà trường và Khoa Xây dựng đề ra. Khoa Xây dựng cũng phân công GV theo dõi, hỗ trợ công tác đoàn tổ chức các hoạt động phục vụ cộng đồng như thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh, hiến máu nhân đạo,...[H6.06.02.07] [H6.06.02.08].

Bảng 6.2.2. Tỷ lệ HV/GV của KTXD giai đoạn 2019 – 2024

Năm	Số lượng GV quy đổi	Số lượng HV Ngành KTXD	Tỷ lệ GV/SV
2019-2020	16,5	20	0.825
2020-2021	16,5	24	0.687
2021-2022	16,5	24	0.687
2022-2023	16,5	16	1.03
2023-2024	16,5	11	1.50

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng kỳ, Khoa Xây dựng thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV. Sau khi thực hiện theo bảng phân công chuyên môn, Nhà trường thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi [H6.06.02.09]. Nhà trường cũng có quy định cụ thể về chất lượng công việc đối với đội ngũ GV để làm cơ sở đánh giá và phân loại công chức, viên chức; Ban hành Quy định, đánh giá phân loại viên chức và người lao động để xác định mức độ đáp ứng công việc của GV. Căn cứ vào Bản mô tả vị trí công việc và phân công khối lượng giảng dạy, NCKH và các biên bản giao nhận nhiệm vụ hằng năm, vào cuối mỗi năm học, các GV thực hiện việc TĐG thông qua Bản TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học về công tác giảng dạy, NCKH, chuyên môn nghiệp vụ..., sau đó việc đánh giá được tiến hành ở Bộ môn, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Khoa Xây dựng và cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua. Nhà trường có chính sách đối với GV hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao được hưởng các khoản khác như: phụ cấp tăng thêm, các hình thức khen thưởng khác [H6.06.02.10]. Ngoài ra, việc đo lường, giám sát khối lượng công việc của GV thực hiện hàng năm bằng việc quy đổi giờ chuẩn còn được hỗ trợ bởi Cổng thông tin cán bộ là phần mềm nằm trong hệ thống thông tin tổng thể của Trường ĐH Vinh (canbo.vinhuni.edu.vn). Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy định về quản lý các hoạt động KHCN của trường ĐH Vinh [H6.06.02.11].

Để hỗ trợ cho công tác đánh giá chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành lấy ý kiến của học viên đối với hoạt động giảng dạy của GV, cung cấp thông tin cho GV và các cán bộ quản lý để có biện pháp cải tiến chất lượng. Thông qua việc lấy ý kiến của học viên đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường và Khoa Xây dựng có định hướng chiến lược thích hợp để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong 5 năm gần đây, hầu hết các GV ngành KTXD đều hoàn thành hoặc vượt định mức được giao cả về giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn. Hầu hết các GV ngành KTXD đều được đánh giá ở mức lao động tiên tiến trở lên. Các GV đều rất hài lòng về khối lượng, chất lượng công việc được giao cũng như kết quả đánh giá các công việc [H6.06.02.12].

2. Điểm mạnh

- Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV ngành KTXD, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/học viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCD.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa Xây dựng và Nhà trường.

3. Điểm tồn tại

- Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc.	Nhà trường Khoa Xây dựng; Phòng TCCB	4/2024	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa Xây dựng có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/học viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCD. - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để	Khoa Xây dựng	4/2024	Hàng năm

		đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV.			
--	--	---	--	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và mục tiêu phát triển của Nhà trường. Trường ĐH Vinh đã xây dựng các kế hoạch về chiến lược phát triển qua từng giai đoạn, trong đó kế hoạch về phát triển đội ngũ GV là yếu tố cốt lõi [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản về kế hoạch tuyển, đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV, NCV [H6.06.03.02][H6.06.03.03]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa Xây dựng và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV, NCV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực hoạt thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm: 1) *Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2) Có bằng tốt nghiệp ĐH trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng ThS trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT ĐH; có bằng TS đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT ThS, TS; 3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng.* Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.03.04] [H6.06.03.05]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ cán bộ, viên chức, rà soát đề án việc làm và phê duyệt kế hoạch tuyển dụng giảng viên cho các đơn

vị. Quy trình tuyển dụng được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị, tổ chức thi giảng và phỏng vấn (đối với cán bộ giảng dạy). Với các ứng viên thi tuyển vào ngạch giảng viên thì phải có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6, phải vượt qua sát hạch năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo hình thức giảng và phỏng vấn: mỗi ứng viên soạn giáo án nội dung 01 tín chỉ của chuyên ngành dự tuyển, phân chia theo tiết giảng quy định (tương đương 15 tiết), bốc thăm giảng 01 trong 15 tiết đã soạn và trả lời câu hỏi của Hội đồng tuyển dụng. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, Nhà trường thông báo công khai chỉ tiêu và các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV trên website của Nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng... [H6.06.03.06]. Kết quả thi tuyển được thông báo trên trang thông tin của Nhà trường. Trong 1 năm tập sự, GV mới thường được Khoa Xây dựng phân công một GV có kinh nghiệm hướng dẫn, theo dõi, giúp đỡ. Sau khi hết 01 năm tập sự và đạt được các yêu cầu của Trường và Khoa xây dựng sẽ được chính thức ký hợp đồng vào ngạch giảng viên. Trong 5 năm qua, Khoa Xây dựng đã tuyển dụng số cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên. Cụ thể số lượng tuyển dụng trong 5 năm qua như sau:

Bảng 6.3.1. Số lượng giảng viên được tuyển dụng từ 2019-2023

Năm học	Giảng viên	Trình độ chuyên môn	Tốt nghiệp loại
2019-2020	-	-	-
2020-2021	-	-	-
2021-2022	-	-	-
2022-2023	-	-	-
2023-2024	-	-	-

Hàng năm, Nhà Trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [H6.06.03.07].

Về việc bổ nhiệm cán bộ, Trường có các quy định hết sức cụ thể với các tiêu chí rõ ràng phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Trong đó có quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (Giảng viên chính, Giáo sư, Phó Giáo sư). Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lý cụ thể như Trưởng Khoa Xây dựng, Phó trưởng Khoa Xây dựng, Trưởng và Phó trưởng bộ môn, trong đó

nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa Xây dựng và Nhà trường [H6.06.03.08][H6.06.03.09]. Việc bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý trong Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định [H6.06.03.10]. Hằng năm, Nhà trường và Khoa Xây dựng đã thực hiện thống kê, rà soát lại đội ngũ GV, NCV được tiếp nhận, bổ nhiệm để có cơ sở đánh giá, xác định lại các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV để có những điều chỉnh cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội. Các nội dung quy định về tiêu chí đánh giá năng lực GV được Nhà trường triển khai đến toàn thể CB-GV-NV và lấy ý kiến thông qua các thông báo góp ý, qua các buổi sinh hoạt bộ môn, Khoa Xây dựng, qua khảo sát ý kiến CB-GV-NV ở tổng kết năm học, ...nhằm đảm bảo tính thống nhất và công khai các tiêu chí đánh giá năng lực CB-GV-NV trước khi ban hành chính thức [H6.06.03.11].

2. Điểm mạnh

- Trường ĐH Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của Khoa Xây dựng được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa Xây dựng đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

3. Điểm tồn tại

- Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên I-Office khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên website, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form. - Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm. - Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu học viên.	Nhà trường Khoa Xây dựng; Phòng TCCB	5/2024	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có	Khoa Xây dựng	4/2024	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của Khoa Xây dựng nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phần đầu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ

Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy (số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014; số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014; Số 40/2020-BGDĐT ngày 26/10/2020) [H6.06.04.01]. Ngay từ khâu tuyển dụng, Năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành, bao gồm: tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu, định mức giờ chuẩn trong Quy chế chi tiêu nội bộ. Trường ĐH Vinh đã phát hành Sổ tay Giảng viên bao gồm thông tin về: năng lực NCKH; năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR; năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học; năng lực tổ chức cho học viên NCKH; năng lực ngoại ngữ. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc [H6.06.04.02]. Đến nay, tất cả các GV của ngành KTXD đều có khả năng tự thiết kế và thực hiện CTDH. Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.04.03].

Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể phương thức, quy trình đánh giá năng lực của GV, NCV để đánh giá kết quả thực hiện, mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thành tích lao động của CB-GV-NV. Văn bản này đã được xây dựng một cách dân chủ, được lấy ý kiến thảo luận và góp ý công khai ở cấp đơn vị, được công bố rộng rãi trên website của Trường [H6.06.04.04]. Công tác đánh giá nhân sự được Nhà trường và Khoa xây dựng thực hiện nghiêm túc, khoa học. Các chính sách về đánh giá và khen thưởng được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương, triển khai thực hiện các quy định này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường.

Hàng năm, Trường ĐH Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Khoa Xây dựng đánh giá; cuối cùng Hội

đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và Không hoàn thành nhiệm vụ [H6.06.04.05]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua theo từng năm học. Tất cả các giảng viên của Khoa Xây dựng đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.06].

Bên cạnh đó, việc đánh giá năng lực và trình độ chuyên môn trong Bộ môn cũng hết sức được chú ý. Hàng năm, Nhà trường và Khoa Xây dựng tổ chức dự giờ, thao giảng để đánh giá chất lượng của giảng viên. Thông qua ý kiến đánh giá và góp ý sau mỗi giờ thao giảng, các giảng viên có thể hoàn thiện hơn nữa về kỹ năng giảng dạy và qua đó nâng cao năng lực đào tạo của bản thân [H6.06.04.07], [H6.06.04.08]. Việc đánh giá giúp giảng viên cải tiến chất lượng giảng dạy của bản thân mình cũng như Nhà trường có thể quản lý chất lượng giảng dạy tốt hơn.

Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát học viên về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học, đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của học viên về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa Xây dựng để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [H6.06.04.09], để từ đó có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

Thông qua kết quả của Hội đồng đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác của CB-GV-NV cho thấy các GV thuộc Khoa Xây dựng đều có đủ năng lực để thực hiện tốt công tác đào tạo, NCKH và đóng góp cho cộng đồng. Trên cơ sở đó GV không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác được thể hiện vào kế hoạch năm học mới của đơn vị; Nhà trường có cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển công tác cán bộ để đáp ứng được mục tiêu phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H6.06.04.10].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá

chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Đội ngũ GV của Khoa xây dựng đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

3. Điểm tồn tại

- Còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ ĐH hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...

- Các thông tin về định mức của giảng viên cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Khoa Xây dựng chưa đồng đều.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên hiện nay như giám sát và TĐG chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế... - Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học. - Khoa Xây dựng cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên	Nhà trường; Khoa Xây dựng TCCB	4/2024	Hàng năm

		nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra	Khoa Xây dựng	6/2024	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường ĐH trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn, trong đó có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt [H6.06.05.01]. Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường ĐH Vinh và Khoa/Viện đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và

của Khoa/Viện [H6.06.05.02], [H6.06.05.03].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo của từng Bộ môn, Khoa/Viện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Trên cơ sở đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2017-2023; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của ngành KTXD được xây dựng dựa trên yêu cầu của CTĐT. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, ngành ... rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt. Nhà trường đã tổng hợp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, đặc biệt là đào tạo GV có trình độ cao [H6.06.05.04] [H6.06.05.05]. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa/Viện: có đầy đủ đội ngũ GV TS chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia. Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2015 đến nay ngành đã có thêm 02 TS, nâng số lượng giảng viên có trình độ TS trong ngành lên 30%. Theo kế hoạch, năm 2023, Khoa Xây dựng có thêm 02 nghiên cứu sinh bảo vệ luận án TS. Khoa Xây dựng và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường ĐH, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.06].

Bảng 6.5.1. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2019-2024

Năm học	Số lượng đi học ThS	Số lượng đi học TS	Nơi học tập	Nguồn kinh phí
2019-2020	-	01	Australia	Nhà nước
2020-2021	-	01	Hàn quốc	Giáo sư
2021-2022	-	02	Nga, Hàn Quốc	Nhà nước, Giáo sư

2022-2023	-	-		
2023-2024	-	-		

Bảng 6.5.2. Thống kê số lượng GV của khoa Xây dựng đi học dài hạn giai đoạn 2019-2024

Năm học	Bồi dưỡng ngắn hạn	Tham dự hội nghị/hội thảo trong nước	Tham dự hội nghị/hội thảo nước ngoài	Nguồn kinh phí
2019-2020	04	02	01	12.000.000
2020-2021	02	06	-	25.000.000
2021-2022	03	-	-	-
2022-2023	08	-	03	80.000.00
2023-2024	02	05	01	25.300.000

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lý hành chính, lý luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.07]. Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.08].

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát hàng năm với nhiều hình thức khác nhau. Thông qua hoạt động đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tiến độ học tập về Khoa Xây dựng và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình

để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.09].

2. Điểm mạnh

- Khoa và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

- Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT ThS, tiến sỹ, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

3. Điểm tồn tại

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa/Viện được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị ĐH hướng đến ĐBCL toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CDR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa/Viện được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng	Nhà trường	6/2024	Hàng năm

		viên.			
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV. - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ - Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập		6/2024	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đóng vai trò then chốt. Trường ĐH Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.01] [H6.06.06.02]. Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá hiệu quả công việc được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa Xây dựng và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.05].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Khoa Xây dựng có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với ngành giáo dục. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐH Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H6.06.06.06].

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học...[H6.06.06.07]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Khoa Xây dựng xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Khoa Xây dựng còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.08]. Hội đồng thi đua Khoa Xây dựng sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Khoa Xây dựng, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Khoa, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề

ngợi Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng*. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.09] [H6.06.06.10].

Tất cả các CB-GV-NV của Trường đều hài lòng về kết quả đánh giá hàng năm, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và của các cấp có thẩm quyền (Bộ GD&ĐT, Tỉnh/Thành phố). Cuối mỗi năm học, Hội đồng thi đua của Khoa Xây dựng, của Trường dựa trên quy chế để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm học của các CB-GV-NV làm cơ sở để tính tiền lương bổ sung và xem xét xếp lại ngạch, bậc lương, hệ số lương áp dụng cho năm học mới của CB-GV trong Khoa Xây dựng. Do đó, điều này khuyến khích được các CB, GV phấn đấu hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ được giao, tăng cường cải tiến chất lượng giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác [H6.06.06.11][H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Khoa Xây dựng nói chung, ngành KTXD nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2017-2022, GV của ngành KTXD luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành KTXD hoàn thành hoặc vượt mức thực hiện giờ chuẩn NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2017-2022 cho thấy gần 100% GV ngành KTXD được xếp loại lao động tiên tiến trở lên. Tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động P.V.CĐ của GV trong Khoa.

3. Điểm tồn tại

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nhà trường và Khoa Xây dựng cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm. - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá.	Nhà trường Khoa Xây dựng Nhà trường	6/2023	12/2024
2.	Phát huy điểm	- Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy			

	mạnh	chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác. - Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV, NCV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD.	Khoa Xây dựng Nhà trường	Hằng năm	Hằng năm
--	------	---	---	----------	----------

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVN, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa, Viện/Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa /Viện ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02].

Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: hệ số lương > 6,2: 315 giờ; >5,76: 260 giờ; >4,40: 220 giờ; >4,32: 200 giờ; >3,33: 175 giờ; >2,34: 165 giờ (*trích từ quy chế chi tiêu nội bộ, trang 113*).

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn SV NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Khoa/Viện và Trường căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.03].

Bảng 6.7.1. Hình thức và số lượng ấn phẩm nghiên cứu Khoa Xây dựng từ 2019-2023

TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	1	0	2	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	5	5	3	2	8,5
4	Tổng							12,5

Số lượng và các loại nghiên cứu của GV Khoa Xây dựng trong 5 năm học vừa qua được thống kê cụ thể (*trong bảng 6.7.1*). Hằng năm, Khoa/Viện đều có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, giáo trình, sách tham khảo được nghiệm thu, nhiều báo cáo khoa học của GV ngành KTXD được đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành. [H6.06.07.04], [H6.06.07.05]. Trong thời gian qua, Trường ĐH Vinh cũng có nhiều chính sách ưu tiên nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, giúp học viên phát huy năng lực tư duy sáng tạo, hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra, biến các ý tưởng sáng tạo thành hiện thực, góp phần phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ cho đất nước [H6.06.07.06]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà

Trường. [H6.06.07.07].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV, NCV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Khoa Xây dựng và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa/Viện quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết thúc năm học, trong báo cáo tổng kết năm học, Bộ môn, Khoa Xây dựng và Nhà trường luôn có hoạt động đánh giá số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu của GV, NCV quy đổi sang giờ NCKH theo Quy định đối với từng chức danh công tác nhằm đảm bảo các GV đều hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu khoa học. Trong giai đoạn 2017- 2022, các GV ngành và Khoa Xây dựng đã thực hiện nhiều đề tài, bài báo khoa học có liên quan đến nội dung CTĐT, số lượng đề tài các cấp, các báo cáo khoa học đăng trên các Kỷ yếu hội thảo các cấp và các bài báo khoa học được đăng trên các Tạp chí khoa học chuyên ngành tăng lên đã góp phần truyền tải thông tin, kiến thức cùng với việc đưa ra những giải pháp thực tiễn về NCKH và phục vụ cộng đồng. Tất cả GV trong Khoa Xây dựng đều hoàn thành vượt mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, trong đó có nhiều đề tài có chất lượng khá và tốt [H6.06.07.08][H6.06.07.09]. Kết quả NCKH của Khoa Xây dựng sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV và NCV đã có sự cải thiện [H6.06.07.10][H6.06.07.11]. Nhà trường cũng có hình thức khen thưởng đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.12] [H6.06.07.13].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, bộ môn Cầu đường, Khoa và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó

khẩn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Khoa Xây dựng. [H6.06.07.14].

2. Điểm mạnh

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Khoa/Viện, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

3. Điểm tồn tại

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Tăng cường đầu tư các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước. - Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.	Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế, Khoa/Viện	06/2024	Hàng năm
2.	Phát huy	- Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt	Phòng Khoa học và hợp	06/2024	Hàng năm

	điểm mạnh	động NCKH. - Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa.	tác quốc tế, Khoa Xây dựng		
--	--------------	--	----------------------------------	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các CTĐT đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Khoa Xây dựng và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào

tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Khoa Xây dựng, ngành KTXD

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Khoa Xây dựng phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên ngành KTXD hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên ngành KTXD được cải thiện theo từng năm.

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên ngành KTXD Khoa Xây dựng đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án phát triển Khoa Xây dựng, Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa Xây dựng chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ ĐH hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và TĐG chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế...Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Khoa/Viện tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị ĐH hướng đến ĐBCL toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số

GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, còn đạt mức khá thấp. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên

Mở đầu

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐH Vinh bao gồm nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm, trạm và làm việc tại các khoa/viện đào tạo. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đóng một vai trò quan trọng trong việc triển khai các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Nhà trường và Khoa Xây dựng, được Nhà trường đặc biệt quan tâm trong việc quy hoạch, lựa chọn, đào tạo bồi dưỡng và các chế độ chính sách hỗ trợ nhằm không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ, đáp ứng yêu cầu phát triển của Nhà trường.

Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh hiện có 317 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên. Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như Phòng đào tạo, HSSV, TCCB, Quản trị - Đầu tư, KH&HTQT đa số có trình độ ThS trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn và trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành.

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường ĐH Vinh được thực hiện bài bản, khoa học dựa trên các chiến lược phát triển của Nhà trường qua từng giai đoạn nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.01].

Nhà trường đã quy định chuẩn chức danh nghề nghiệp và ban hành đề án vị trí việc làm cho các phòng/trung tâm trực thuộc Trường [H7.07.01.01]. Đầu mỗi năm học,

các đơn vị đào tạo, phòng/trung tâm phân tích, rà soát nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với đề án vị trí việc làm của Trường, từ đó xây dựng kế hoạch năm học trong đó bao gồm công tác đào tạo bồi dưỡng, công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ và trình lên lãnh đạo Trường. Trên cơ sở quy hoạch đội ngũ cán bộ của các phòng/trung tâm, lãnh đạo Trường họp hội đồng và phê duyệt quy hoạch cán bộ hỗ trợ cho các đơn vị [H7.07.01.02].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và bộ phận Một cửa, Ban truyền thông và các dịch vụ hỗ trợ khác được thể hiện công khai trong các văn bản quy chế tổ chức hoạt động của Trường ĐH Vinh, quy định và các đề án tuyển dụng, quy chế đào tạo, bồi dưỡng, quy chế chi tiêu nội bộ [H7.07.01.03]. Hằng năm, Nhà trường luôn có các chính sách, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc [H7.07.01.04].

Công tác đào tạo ngành KTXD được hỗ trợ bởi đội ngũ cán bộ hỗ trợ làm việc tại các phòng ban chức năng, các trung tâm, trạm đáp ứng đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng như Phòng Công tác CT&HSSV, Phòng Đào tạo sau ĐH, Trung tâm ĐBCL, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Thực hành – Thí nghiệm, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm Hỗ trợ học viên và Quan hệ doanh nghiệp, Trung tâm Nội trú, Trạm Y tế. Ngoài ra, ngành KTXD còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT gồm: 01 chủ nhiệm chuyên ngành, 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng, 01 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HSSV, 01 trợ lý đào tạo và 01 trợ lý ĐBCL [H7.07.01.05]. Các CB hỗ trợ và GV kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các GV kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường. Nhà trường cũng có chính sách luân chuyển cán bộ hỗ trợ. Sau 05 năm làm việc, mỗi cán bộ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ cán bộ có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt trong công việc, đồng thời đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các cán bộ ở các phòng/trung tâm trực thuộc Trường [H7.07.01.05].

Bảng 7.1.1: Trình độ, kinh nghiệm chuyên môn của các cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT 2022-2023 (tính đến tháng 12/2023)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ*	Thâm niên công tác	Đơn vị công tác
1.	Trần Ngọc Long	1977	PGS. TS	17	Chủ nhiệm chuyên ngành
2.	Nguyễn Văn Hóa	1987	TS	13	Trợ lý đào tạo
3.	Nguyễn Thị Hà Hạnh	1983	ThS	18	VPK, khoa xây dựng
4.	Đoàn Thị Minh Huyền	2000	ThS	20	QLSV, khoa Xây dựng

2. Điểm mạnh

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên luôn được Nhà Trường chú trọng và có kế hoạch khảo sát nhu cầu, rà soát, bồi dưỡng trình độ hàng năm. Việc báo cáo, tổng kết về công tác đào tạo được thực hiện vào cuối năm, đồng thời lên kế hoạch cho năm kế tiếp. Việc đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên được thực hiện ở nhiều lĩnh vực để đáp ứng yêu cầu trong công việc: năng lực ngoại ngữ, trình độ công nghệ thông tin, nghiệp vụ, quốc phòng an ninh. Trường có chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường. Theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng, Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Khoa Xây dựng đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Ngoài đội ngũ cán bộ hỗ trợ làm việc tại các phòng ban chức năng, các trung tâm, trạm của Trường, đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp CTĐT của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ NH.

3. Điểm tồn tại

Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực	Thời gian thực hiện
----	----------	----------	--------------------	---------------------

			hiện	Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn Trường.	Ban giám hiệu và lãnh đạo ngành, phòng ban	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.	Ban giám hiệu và lãnh đạo ngành	Hằng năm	Hằng năm

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm và phát triển được quy định rõ ràng, cụ thể trong các văn bản về Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức và lao động hợp đồng vào công tác tại Trường ĐH Vinh [H7.07.02.01]. Quy chế này được xây dựng và lấy ý kiến rộng rãi trong toàn Trường, được phổ biến công khai trên website và trong các hội nghị và lấy ý kiến của các bên liên quan [H7.07.02.02].

Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp ĐH chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

Việc tuyển dụng cán bộ được xuất phát từ nhu cầu của Khoa/Viện, các Phòng ban và các Trung tâm. Dựa trên đề án vị trí việc làm, Trường tiến hành rà soát đội ngũ cán

bộ, công chức, viên chức, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị. Kế hoạch, các tiêu chí để tuyển dụng, danh sách ứng viên, danh sách những người trúng tuyển được công bố công khai trên iOffice, Website của Trường. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường [H7.07.02.03].

Nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên ở các phòng ban và các trung tâm được phân nhiệm vụ rõ ràng và được công bố trên Website của từng đơn vị. Việc điều chuyển, chuyển đổi vị trí công tác nhân viên hành chính là yêu cầu bắt buộc thường xuyên, áp dụng với tất cả các CB, viên chức của Nhà trường, được thực hiện theo kế hoạch và qui định về công tác cán bộ. Nhà trường có chính sách luân chuyển đối với những nhân viên có thời gian đảm nhận vị trí công tác ở một đơn vị liên tục từ 60 tháng trở lên [H7.07.02.04].

Năm 2017, Trường đã triển khai tái cấu trúc nhằm tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của Trường trong những năm tới theo yêu cầu của bộ GD&ĐT.

Khoa Xây dựng luôn tuân thủ mọi quy định của Nhà trường trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên của Nhà trường, bảo đảm việc việc tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên làm việc tại Khoa phù hợp với nhu cầu về làm việc, trình độ đào tạo của đội ngũ nhân viên và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của nhân viên theo Quy chế hoạt động của Khoa và Nhà trường [H7.07.02.05].

2. Điểm mạnh

Quy chế về công tác cán bộ, các quy định về tuyển chọn viên chức, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên của Trường được xác định rõ ràng và phổ biến công khai.

Khoa luôn tuân thủ mọi quy trình của Trường trong công tác cán bộ, đồng thời có những đề xuất với Trường về việc tuyển dụng và các tiêu chuẩn tuyển dụng nhân viên để phù hợp đặc thù công việc của ngành KTXD

3. Điểm tồn tại

Việc phân tích và sử dụng ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển hiệu quả còn chưa cao.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Phân tích kết quả khảo sát để đề xuất biện pháp cải thiện hiệu quả công tác đội ngũ nhân viên .	Lãnh đạo trường và các phòng ban, trung tâm	06/2024	12/2025
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên dựa trên các tiêu chí rõ ràng, công khai	Lãnh đạo trường và các phòng ban, trung tâm	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh có quy định rất rõ ràng về việc đánh giá xếp loại CB, viên chức theo vị trí việc làm cụ thể. Trong đó, năng lực của của đội ngũ cán bộ hỗ trợ được đánh giá dựa vào các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ hỗ trợ của Trường [H7.07.03.02].

Trình độ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ khi tuyển dụng cũng được quy định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường ĐHVinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [H7.07.03.01].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Khoa gồm có 2 cấp: hỗ trợ cấp trường và hỗ trợ cấp CTĐT. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp trường trực thuộc các phòng ban, trung tâm của Trường, đội ngũ cấp CTĐT gồm chủ nhiệm chuyên ngành, văn phòng khoa, trợ lý QLHV-SV và các đồng chí làm công tác kiêm nhiệm như: trợ lý đào tạo, trợ lý ĐBCL. Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ ThS/Cử nhân trở lên đảm bảo đáp ứng yêu cầu về năng lực cho từng vị trí từng công việc [H7.07.03.01]

Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm. Việc đánh giá xếp loại cán bộ định kỳ hàng tháng và hàng năm theo Bộ môn, đơn vị có thảo luận về đánh giá hiệu quả công việc giúp đội ngũ cán bộ luôn có động lực cải tiến chất lượng phục vụ học viên. Các quyết định kết quả khảo sát năng lực (ngoại ngữ, CNTT...) của cán bộ của đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng là một trong những tiêu chí để căn cứ cho việc xếp loại cán bộ định kỳ hàng tháng, hàng năm [H7.07.03.03].

Hàng tháng các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại cán bộ, làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm cho cán bộ. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ TĐG; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua – khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ TĐG bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, Thực hiện nhiệm vụ, Tổ chức kỷ luật, Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng CNTT và ngoại ngữ*. Sau đó, Khoa và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan. [H7.07.03.02].

Bảng 7.3.1: Kết quả đánh giá thực thi nhiệm vụ hàng năm trong giai đoạn 2019-2023 (tính đến tháng 12/2023)

TT	Họ và tên	Số lượng	Hoàn thành nhiệm vụ	Hoàn thành tốt nghiệp vụ	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
1.	2019-2020	05	-	03	02
2.	2020-2021	05	-	03	02
3.	2021-2022	05	-	02	03
4.	2022-2023	05	-	02	03
5.	2023-2024	05	-	02	03

Ngoài ra, việc đánh giá xếp loại cán bộ nhân viên hỗ trợ còn được phản ánh qua

ý kiến phản hồi của NH về hoạt động của các đơn vị hành chính của Trường được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến định kỳ hàng năm. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết học viên đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ [H7.07.03.04].

2. Điểm mạnh

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định thông qua tiêu chí tuyển dụng và đề án vị trí việc làm và được đánh giá hàng năm với kết quả hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù đã lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với các hoạt động của đội ngũ nhân viên nhưng sự cải tiến hoạt động tại một số đơn vị chưa được như mong muốn.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cải tiến, nâng cao năng lực phục vụ của đội ngũ nhân viên dựa trên ý kiến phản hồi từ NH.	Phòng tổ chức cán bộ	Hàng năm	Hàng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau.	Lãnh đạo trường và ngành	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó

1. Mô tả hiện trạng

Dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển của Trường, nhu cầu của các đơn vị và đề án vị trí việc làm, Trường khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng, phân tích, đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ để đáp ứng nhu cầu phục vụ các CTĐT toàn Trường nói chung và ngành KTXD nói riêng cũng như triển khai các hoạt động đáp ứng các nhu cầu này [H7.07.04.01].

Hàng năm, căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên, Phòng Tổ chức Cán bộ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện [H7.07.04.02].

Trường căn cứ vào Kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên do Phòng Tổ chức xây dựng để triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên [H7.07.04.03].

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện. Ngoài ra, Trường tổ chức các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn, các hội thảo do các cơ sở đào tạo ở bên ngoài Trường tổ chức, mở các lớp bồi dưỡng về ngoại ngữ, quản lý hành chính nhà nước, lý luận chính trị, quốc phòng-an ninh hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ [H7.07.04.03].

Dựa vào kết quả khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn của đội ngũ nhân viên, từ năm 2017 đến năm 2022, khoa Xây dựng có 25 cán bộ tham gia đào tạo dài hạn để nâng cao trình độ tiến sỹ. [H7.07.04.03].

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ hỗ trợ [H7.07.04.04]

Kết quả, Trường và ngành KTXD hiện có đội ngũ cán bộ hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lý SV và các hoạt động khác phục vụ công tác đào tạo. Nhiều cán bộ hỗ trợ thuộc các phòng ban, trung tâm trong Trường có học vị ThS, TS, đảm bảo chuyên môn và nghiệp vụ tốt đáp ứng yêu cầu của CTĐT [H7.07.04.05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm khoa Xây dựng có thực hiện khảo sát nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng

và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, có đề xuất Kế hoạch triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên.

3. Điểm tồn tại

Mặc dù Nhà trường đã tổ chức nhiều khoá bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ giai đoạn 2017 – 2022, nhưng chưa chú trọng nhiều đến đào tạo các kỹ năng mềm để nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Mở các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên hoặc tạo điều kiện để các nhân viên tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.	Phòng TCCB	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì tổ chức các khóa bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ nhằm phát huy hơn nữa vai trò, hiệu quả của đội ngũ nhân viên trong công tác đào tạo và phục vụ đào tạo của Trường, Khoa và ngành.	Nhà trường; Khoa Xây dựng	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí: 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có hệ thống văn bản để đánh giá kết quả thực thi công việc của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo quy định về công tác thi đua khen thưởng dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Cụ thể, Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm. Trong mỗi đơn vị, chức năng nhiệm vụ của các cán bộ hỗ trợ được mô tả rõ ràng, khối lượng công việc của nhân viên được xác định trong đề án vị trí việc làm và được thể hiện trong kế hoạch năm học của cá nhân, tổ chuyên môn và đơn vị. Trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng, trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Phòng Tổ chức Cán bộ có nhiệm vụ theo dõi và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của GV và cán bộ hỗ trợ [H7.07.05.01].

Hàng tháng, Trường triển khai xếp loại tất cả cán bộ dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành. Kết quả xếp loại là căn cứ để xác định mức thu nhập tăng thêm nhằm tạo động lực cho cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác. Định kỳ cuối mỗi năm học, cán bộ được đánh giá dựa trên việc thực hiện kế hoạch năm học. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình: cá nhân TĐG xếp loại, tổ chuyên môn đánh giá xếp loại, ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và hội đồng thi đua khen thưởng cấp trường đánh giá xếp loại. Khoa Xây dựng luôn quan tâm và quản lý chặt chẽ kết quả công việc của nhân viên hỗ trợ nhằm tạo động lực cho CB trong quá trình làm việc và hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCD [H7.07.05.02]

Bảng 7.3.1: Kết quả cán bộ được khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trong giai đoạn 2019-2023 (tính đến tháng 12/2023)

TT	Họ và tên	Số lượng	Khen thưởng cấp trường	Khen thưởng cấp bộ/ngành	Nâng lương trước thời hạn
1.	2019-2020	02	02	-	-

2.	2020-2021	02	02	-	-
3.	2021-2022	04	03	01	-
4.	2022-2023	06	03	01	02
5.	2023-2024	03	03	-	-

Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng [H7.07.05.03]

100% nhân viên được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Hằng năm, những cá nhân có thành tích xuất sắc được xét tăng lương trước hạn hoặc được khen thưởng. Việc đánh giá đúng và khen thưởng kịp thời hằng năm đã góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên tích cực hơn trong công tác [H7.07.05.04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa đã triển khai thực hiện việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên, bao gồm cả khen thưởng và công nhận là động lực giúp nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một số tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên đối với một số vị trí việc làm chưa thực sự phù hợp với đặc thù công việc.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Hằng năm rà soát các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên; tăng cường cơ chế dân chủ,	Nhà trường; các khoa Xây dựng	Hằng năm	Hằng năm

		công khai và đa dạng hóa các kênh thu thập ý kiến của nhân viên nhằm tạo động lực để nhân viên tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy công tác quản trị theo kết quả công việc.	Nhà trường; các đơn vị	Hàng năm	Hàng năm

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận của Tiêu chuẩn 7

Nhà trường tiến hành quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đảm bảo hiệu quả công việc; cơ chế thi đua, khen thưởng rõ ràng, công bằng, công khai, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ hiệu quả CTĐT, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cho CTĐT ngành KTXD có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc; năng động, nhiệt huyết và chủ động trong công việc. Do đó, các công việc hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng luôn được triển khai kịp thời, có hiệu quả cao. Khoa Xây dựng luôn có những chế độ khen thưởng và kỷ luật phù hợp để quản lý hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên. Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ nhân viên của Khoa và Nhà trường cụ thể, đáp ứng nhu cầu của ngành và phù hợp với chiến lược phát triển ĐH theo hướng nghiên cứu và ứng dụng của Nhà trường.

Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học

Mở đầu

Chính sách tuyển sinh trình độ ThS ngành KTXD, thuộc Khoa Xây dựng, Trường ĐH Vinh luôn được xác định rõ ràng, công khai, minh bạch và được cập nhật tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh có đầy đủ thông tin để lựa chọn chuyên ngành theo học. Các

tiêu chí và phương pháp tuyển chọn học viên cũng được xác định rõ ràng và được đánh giá, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Bên cạnh đó, sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH chuyên ngành KTXD được theo dõi, giám sát một cách có hệ thống bởi đội ngũ bao gồm Ban chủ nhiệm khoa, phụ trách chuyên ngành, giảng viên chủ nhiệm lớp, giảng viên trực tiếp giảng dạy, nhân viên hỗ trợ, các tổ chức đoàn thể, các đơn vị liên quan của nhà trường. Hiệu quả công tác giám sát được nâng cao nhờ ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo. Vấn đề chất lượng đào tạo, khả năng có việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp luôn được chú trọng thông qua hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ khác. Trường cũng xây dựng môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan thoáng mát nhằm phát huy sự sáng tạo và thoải mái cho học viên khi học tập tại trường.

Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, được công bố công khai và được cập nhật

1. Mô tả hiện trạng

Chính sách tuyển sinh của Trường ĐH Vinh nói chung và của CTĐT ThS ngành KTXD được xác định rõ ràng, đúng các quy định hiện hành và được cập nhật hằng năm. Chính sách tuyển sinh của ngành KTXD được xác định rõ ràng trong Thông báo tuyển sinh [H8.08.01.01]; Kế hoạch tuyển sinh [H8.08.01.02] và có sự điều chỉnh hằng năm. Quy định về tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh, chính sách ưu tiên, thông tin về các điều kiện đảm bảo đều thống nhất theo quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐH Vinh. Chính sách, đề án tuyển sinh cho chuyên ngành KTXD được cập nhật hằng năm căn cứ vào Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ ThS của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐH Vinh [H8.08.01.03; H8.08.01.04] dữ liệu báo cáo của Phòng Đào tạo Sau ĐH về kết quả số liệu tuyển sinh năm trước, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của năm tới phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chiến lược phát triển của trường.

Bảng 8.1. Thống kê tình hình học tập của học viên cao học chuyên ngành KTXD theo khóa, giai đoạn 2017- 2023

Khóa đào tạo	Số SV nhập học	Số SV TN đúng thời hạn	Tỷ lệ (số SV TN đúng thời hạn so với số SV nhập học) (%)	Ghi chú
---------------------	-----------------------	-------------------------------	---	----------------

25	18	16	88,89	
26	45	37	82,22	
27	20	18	90	
28	24	-		Chưa hoàn thành CTĐT
29	24	-		
30	16	-		
31	8	-		

Trường ĐH Vinh đã ban hành Quy định đào tạo trình độ ThS rõ ràng, đầy đủ, chi tiết, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và các phương tiện thông tin đại chúng khác. Khoa Xây dựng là đơn vị trực thuộc Trường, chính sách tuyển sinh của Khoa được thực hiện theo quy định của Trường ĐH Vinh [H8.08.01.01]. Hàng năm, dựa trên Quy định đào tạo, Quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường ban hành Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ ThS, trong đó ghi rõ số lượng tuyển cho từng ngành, điều kiện thi tuyển, xét tuyển, thời gian, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo, môn thi tuyển, xét tuyển cho từng ngành, đối tượng điều kiện dự tuyển, chính sách ưu tiên, tiêu chí xét tuyển cho các ngành đào tạo của trường. Quy trình và kế hoạch tuyển sinh được các đơn vị trong trường góp ý và Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh phê duyệt [H8.08.01.03]. Phương thức thi tuyển của trường từ năm 2017 đến 2021: thi viết 3 môn (gồm: môn cơ sở, môn cơ bản và môn ngoại ngữ). Đây là các phương thức phổ biến, tin cậy trong tuyển sinh đào tạo ThS được các trường ĐH trong nước sử dụng [H8.08.01.01]. Từ năm 2022, căn cứ vào kết quả học tập bậc ĐH, kết quả học bổ sung kiến thức, kinh nghiệm công tác, năng lực ngoại ngữ của thí sinh, nhà trường chuyển sang hình thức xét tuyển [H8.08.01.01]. Điểm trúng tuyển trong tuyển sinh đào tạo trình độ ThS của Trường ĐH Vinh nói chung và chuyên ngành KTXD nói riêng hằng năm đều cao hơn điểm ngưỡng ĐBCL đầu vào của Bộ GD&ĐT quy định.

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Trường tổ chức họp đánh giá, rà soát công tác tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh tiến hành lấy ý kiến của các thành viên về kết quả công tác tư vấn, truyền thông tuyển sinh; chỉ tiêu tuyển sinh; kết quả thí sinh đăng ký xét tuyển; kết quả thí sinh nhập học;... Phòng Đào tạo SDH thực hiện khảo sát học viên về công tác tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh. Số liệu phản hồi của các bên liên quan về công tác quảng bá, tư vấn tuyển sinh, quy trình nhập học, hướng dẫn nhập học cho học viên được thu

thập làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyển sinh cho năm học sau. Ngoài ra, nhà trường căn cứ vào dữ liệu dự báo nhu cầu nhân lực của chuyên ngành KTXD cũng như ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh chính sách tuyển sinh, đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp và cập nhật với tình hình và nhu cầu nhân lực thực tế. Trải qua 66 năm thành lập và phát triển, Trường ĐH Vinh có một số lượng cựu NH đông đảo, rất nhiều trong số đó là những người thành công, đang làm việc và giữ các vị trí trọng trách trong hệ thống các cơ quan, doanh nghiệp trong cả nước. Tuy nhiên, việc liên kết với cựu NH của Trường ĐH Vinh chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao. Việc kết nối tới cựu NH vừa giúp trường kết nối với nhà tuyển dụng, các cơ quan, doanh nghiệp tạo điều kiện thực tập, việc làm thông qua cơ quan, doanh nghiệp và các mối quan hệ của cựu NH. Trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành KTXD.

2. Điểm mạnh

Công tác tuyển sinh của Trường ĐH Vinh được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT, phù hợp với bối cảnh của Trường và được công bố công khai trong toàn xã hội. Đặc biệt, chính sách tuyển sinh rõ ràng cụ thể, đáp ứng yêu cầu cần tuyển sinh cho CTĐT ThS chuyên ngành KTXD được cập nhật và rõ ràng qua các năm trên các phương tiện truyền thông để NH có thể nắm bắt được thông tin kịp thời và đầy đủ nhất về ngành học.

Nhà trường cũng như khoa Xây dựng luôn hỗ trợ tốt nhất cho các học viên từ khâu làm hồ sơ tuyển sinh trong đào tạo đến sau đào tạo.

3. Tồn tại

Việc liên kết với cựu NH của ngành KTXD chưa được thực hiện bài bản, có quy trình và tính hiệu quả chưa cao.

Chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của chuyên ngành KTXD

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện,	Ghi chú
----	----------	----------	-------------------------	----------------------	---------

				hoặc hoàn thành	
1	Khắc phục tồn tại	- Có kế hoạch cụ thể và liên kết với cựu NH của ngành. - Đưa công tác quảng bá tuyển sinh lên trang thông tin thông tin điện tử của tỉnh Nghệ An. - Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cựu NH về chính sách tuyển sinh của chuyên ngành nhằm tận dụng kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh	Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Khoa Xây dựng - Phòng Đào tạo Sau ĐH và Khoa Xây dựng	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Làm tốt công tác truyền thông, quảng bá rộng rãi CTĐT ThS chuyên ngành KTXD	Bộ phận Truyền thông, Phòng Đào tạo Sau ĐH, Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được xác định rõ ràng và được đánh giá

1. Mô tả hiện trạng

Tiêu chí tuyển chọn học viên học CTĐT ThS chuyên ngành KTXD được xác định rõ ràng theo quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐH Vinh. Nhà trường quy định rõ ràng trong Quy định đào tạo trình độ ThS và Thông báo tuyển sinh hàng năm về đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh

dự kiến, điều kiện dự thi, chính sách ưu tiên, tuyển thẳng, hồ sơ đăng kí, thời gian đăng kí, lệ phí thi tuyển [H8.08.01.01, H8.08.01.02]. Bên cạnh đó, các thông tin về điểm trúng tuyển các năm gần nhất với năm tuyển sinh, tình hình việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp được cung cấp để thí sinh có căn cứ lựa chọn ngành học [H8.08.02.01]. Ví dụ, tiêu chí và phương pháp tuyển chọn học viên cao học chuyên ngành KTXD đợt 2 năm 2023 được xác định rõ ràng như sau:

Đối tượng tuyển sinh và điều kiện dự thi	Đối tượng dự thi đào tạo trình độ ThS là công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam đáp ứng được điều kiện sau: <i>Về văn bằng:</i> người dự thi cần phải thỏa mãn một trong những điều kiện sau: a) Đã tốt nghiệp ĐH ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ ThS. b) Đã tốt nghiệp ĐH ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi đào tạo trình độ ThS và đã học bổ sung kiến thức ngành của chương trình ĐH trước khi dự thi theo quy định của nhà trường. c) Văn bằng ĐH do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục quản lí chất lượng (trước đây là Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục)- Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. <i>Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:</i> a) Người có bằng tốt nghiệp ĐH ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng kí dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp. b) Những đối tượng còn lại phải có ít nhất 1.0 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng kí thi kể từ ngày có quyết định công nhận tốt nghiệp ĐH đến ngày nộp hồ sơ dự thi. <i>Có lý lịch bản thân rõ ràng</i>, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận. <i>Có đủ sức khỏe để học tập.</i> Đối với con đẻ của người hoạt động
--	--

	kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, nhà trường xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tuỳ tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của ngành học. Ngoài ra, thí sinh phải nộp hồ sơ, lệ phí đăng kí dự tuyển và lệ phí dự thi đầy đủ, đúng hạn theo quy định.
Phương thức tuyển sinh	Xét tuyển
Chính sách ưu tiên, tuyển thẳng	1. Đối tượng ưu tiên a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh ĐH, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; c) Con liệt sĩ; d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh ĐH, cao đẳng hệ chính quy hiện hành; e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học. 2. Mức ưu tiên Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng 10 điểm (thang điểm 100) vào kết quả thi môn Tiếng Anh (nếu phải thi) và cộng 1 điểm (thang điểm 10) vào kết quả thi môn Cơ bản.
Hồ sơ đăng ký	Hồ sơ tuyển sinh do Trường ĐH Vinh quy định và nộp bằng hình thức online, bao gồm:

	- 01 phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu của Trường). - 01 bản lý lịch có cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận (theo mẫu của Trường). - 01 bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp ĐH. - 01 bản sao hợp lệ bảng điểm toàn khóa ĐH. - 01 bản sao hợp lệ chứng chỉ hoặc bảng điểm các môn học bổ sung kiến thức (nếu có). - Văn bằng, chứng chỉ Tiếng Anh (nếu thuộc diện miễn thi Tiếng Anh). - Bản sao hợp lệ các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động dài hạn hoặc giấy xác nhận đủ thời gian kinh nghiệm làm việc chuyên môn để chứng nhận thâm niên công tác. - Công văn giới thiệu đi dự thi của thủ trưởng cơ quan quản lý đối với những người đang làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp (nếu thí sinh thuộc diện cơ quan cử đi dự thi). - 04 ảnh 3x4cm ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi. - Các giấy tờ ưu tiên (nếu có).
Thời gian nhận hồ sơ tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ đến hết ngày 15/09/2023 (đối với các thí sinh thuộc diện học Bổ sung kiến thức) và 27/09/2023 (đối với các thí sinh không phải học Bổ sung kiến thức)
Lệ phí thi tuyển	Lệ phí đăng ký dự thi, lệ phí thi tuyển sinh theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Nguồn: Trường ĐH Vinh

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH được rà soát, đánh giá hàng năm. Nhà trường cũng thực hiện việc rà soát, đánh giá các đề thi/quy trình/phương pháp thi tuyển/phương pháp xét tuyển; thực hiện các quy định tại Thông tư 41/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/9/2011 về việc Quy định chế độ thống kê, thông tin, báo cáo về tổ chức, hoạt động giáo dục [H8.08.02.01]; tích cực thu thập ý kiến của các bên liên quan để lấy cơ sở xây dựng tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH phù hợp [H8.08.02.01]. Hàng năm, Nhà trường có báo cáo thống kê về công tác tuyển sinh, số lượng học viên

học. Trên cơ sở đó Trường đã phân tích và dự báo được xu hướng tuyển sinh của các chuyên ngành và có kế hoạch thực hiện tuyển sinh dựa vào nhu cầu thực tế, chủ động giảm chỉ tiêu tuyển sinh để nâng cao chất lượng [H8.08.02.02].

Bên cạnh đó, CSDL, thống kê kết quả tuyển sinh, quyết định phê duyệt điểm trúng tuyển và danh sách thí sinh trúng tuyển các chuyên ngành đào tạo thông báo điểm trúng tuyển, gửi giấy báo trúng tuyển và thời hạn xác nhận nhập học [H8.08.02.04], quyết định công nhận học viên cao học [H8.08.01.04] cũng thể hiện rõ.

2. Điểm mạnh

Tiêu chí và phương thức lựa chọn NH được nhà trường xác định rõ ràng, được rà soát đánh giá nhằm nâng cao chất lượng NH, phù hợp với đặc điểm của chuyên ngành đào tạo.

3. Tồn tại

Chưa có dữ liệu đầy đủ về ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở xây dựng tiêu chí, chỉ tiêu và phương pháp tuyển chọn NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Lấy ý kiến của các bên liên quan làm cơ sở xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn, chỉ tiêu tuyển sinh.	Trung tâm CNTT, Phòng Đào tạo Sau ĐH, Khoa Xây dựng	Năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp cận đối tượng, khu vực tuyển sinh sớm hơn; chú ý đến những GV trường THPT có chất lượng đào tạo tốt trên địa bàn tuyển sinh truyền	Phòng Đào tạo, Khoa Xây dựng	Hằng năm	

		thống.			
--	--	--------	--	--	--

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

1. Mô tả hiện trạng

Quá trình đào tạo ThS của Trường ĐH Vinh nói chung, của chuyên ngành KTXD nói riêng có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện. Nhà trường đã phân công một phó hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo sau ĐH và quản lý khoa học; Hoạt động tuyển sinh và đào tạo trình độ ThS, nhà trường giao cho Phòng Đào tạo SDH phụ trách [H8.08.03.01]. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Đào tạo SDH được quy định rõ ràng, cụ thể [H8.08.03.02]. Trưởng Khoa SDH đã phân công nhiệm vụ cho các chuyên viên phòng phụ trách nhóm công việc [H8.08.03.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn có quyết định bổ nhiệm phụ trách chuyên ngành cao học cho từng chuyên ngành [H8.08.03.03]. Đối với khoa Xây dựng có CTĐT ThS chuyên ngành KTXD ngoài phụ trách chuyên ngành còn có các chủ nhiệm lớp cao học, trợ lý quản lý sinh viên, học viên, văn phòng khoa. Chủ nhiệm chuyên ngành và Trợ lý quản lý sinh viên, học viên của khoa được phân công giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH, xử lý học vụ, cảnh báo kết quả học tập, có trách nhiệm hỗ trợ NH và báo cáo kịp thời với lãnh đạo Phòng ĐT SDH và Khoa để giải quyết [H8.08.03.01].

Bên cạnh đó, Nhà trường, Khoa luôn có kế hoạch và triển khai các hoạt động phù hợp nhằm giám sát kết quả học tập, khuyến khích tinh thần học tập của học viên. Có quy trình giám sát sự tiến bộ trong học tập, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Để giám sát tiến trình học tập của NH trong hệ thống đào tạo theo CĐR, Trường ĐH Vinh đã ban hành nhiều quy định, thực hiện nhiều biện pháp và các hoạt động phù hợp khác cụ thể là: trường sử dụng phần mềm quản lý CMC, phần mềm quản lý người học LMS, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện [H8.08.03.02], thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lý NH (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát NH), quy định xét cảnh báo học tập và buộc thôi học [H8.08.03.02]. Sau mỗi kì học, Phòng Đào tạo SDH sẽ

thống kê và báo cáo kết quả học tập của học viên thuộc diện cảnh báo khẩn cấp và cảnh báo kết quả học tập cho phụ trách chuyên ngành và học viên [H8.08.03.02].

Hiện nay, Nhà trường tổ chức thành 04 kì học, trong đó 03 học kì đầu là học các học phần trình độ ThS, học kì 4 là thời gian thực hiện luận văn của học viên, mỗi học kì kéo dài 4 - 6 tháng, thời gian học tập toàn khóa từ khoảng 24 tháng. Khung thời gian này đảm bảo cho học viên có học lực bình thường theo đuổi và hoàn tất chương trình học. Ngay khi nhập học, học viên được phổ biến các nội dung như nội quy của Nhà trường và CTĐT. Đối với chuyên ngành KTXD, NH đều sẽ phải hoàn thành 75 tín chỉ: trong đó gồm 06 tín chỉ khối kiến thức chung, 24 tín chỉ khối kiến thức cơ sở ngành và 30 tín chỉ khối kiến thức chuyên ngành, 15 tín chỉ luận văn tốt nghiệp [H8.08.03.02]. Vào giữa học kì 2 hoặc sang học kì 3, Phòng Đào tạo Sau ĐH phối hợp với khoa tổ chức phân công người hướng dẫn và xác định đề tài luận văn, tổ chức duyệt đề cương nghiên cứu. Học viên thực hiện đúng các quy định về viết luận văn, bảo vệ luận văn.

Các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH được quy định trong *Quy định đào tạo trình độ ThS* của trường, trong *Tài liệu hướng dẫn học viên cao học*. Ngoài ra, trong đề cương các học phần được sử dụng đào tạo học viên trong các năm học, các loại hình, cách thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của NH thường được nêu rõ. Cụ thể, điểm kiểm tra học phần/thường kì có trọng số 0,4, điểm thi kết thúc học phần có trọng số 0,6. Mỗi học kì Trường tổ chức một kì thi chính và một kì thi phụ vào thời gian thích hợp. Kì thi phụ dành cho các HV không tham dự được kì thi chính có lí do chính đáng, có đơn xin hoãn thi. Trường hợp không tổ chức được kì thi phụ, HV sẽ phải dự thi kết thúc học phần cùng với khóa tiếp theo. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là tự luận, trắc nghiệm hoặc tiểu luận được thể hiện rõ trong đề cương, bài giảng của giảng viên. Mục đích, phương pháp kiểm tra, đánh giá, thời gian làm bài, cũng được nêu rõ. Về thời gian làm bài, tùy theo số tín chỉ của học phần và phương pháp kiểm tra đánh giá cũng được ghi cụ thể. Vào đầu mỗi kì học, khi lên lớp, giảng viên sẽ đưa đề cương học phần, đề cương bài giảng lên hệ thống E-Learning để học viên nắm được khối lượng kiến thức, số lượng các bài kiểm tra, hình thức kiểm tra và thi kết thúc học phần. Quy định về điểm thường xuyên, điểm chuyên cần, điểm thi kết thúc học phần đạt yêu cầu cũng được ghi rõ trong các tài liệu hướng dẫn học viên. Với hệ thống thông tin rõ ràng, cụ thể kể trên, NH có thể chủ động lập kế hoạch học tập để đảm bảo sự tiến bộ trong

học tập và rèn luyện [H8.08.03.02]. Ngoài ra, đối với học phần ngoại ngữ, căn cứ vào khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, mỗi năm Trường ĐH Vinh tổ chức nhiều lần đánh giá học phần ngoại ngữ chung cho HV ThS trong toàn trường. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ được sử dụng làm điều kiện để HV bảo vệ luận văn.

HV làm luận văn trong kì 4 (đợt 1) hoặc cuối kì 4 (đợt 2). Các nội dung hướng dẫn về việc chọn đề tài luận văn, yêu cầu với luận văn, điều kiện bảo vệ luận văn, người hướng dẫn và Hội đồng đánh giá luận văn, trường hợp thẩm định luận văn đều được thông báo trước cho HV từ khi bắt đầu tiến trình học tập [H8.08.03.02].

Kết thúc mỗi năm học, phòng Đào tạo Sau ĐH và Trung tâm CNTT thuộc Viện NC&ĐTTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của NH được giám sát bởi các bên liên quan. Kết quả học tập của NH được Phòng đào tạo Sau ĐH quản lý giám sát bằng hồ sơ điểm học tập. Đồng thời, trong từng môn học, học viên còn được người dạy giám sát chất lượng học tập qua nhiều đầu điểm như điểm tiểu luận, điểm bài tập nhóm, điểm kiểm tra định kì, điểm thi. Phụ trách chuyên ngành và chủ nhiệm lớp phối hợp cùng các GV giảng dạy theo dõi, giám sát tiến độ học tập của NH, đôn đốc, nhắc nhở NH hoàn thành tiến độ kế hoạch học tập, định kỳ tổ chức họp lớp, trao đổi, nắm bắt thông tin về NH để có biện pháp đáp ứng kịp thời.

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa xác định rõ các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của NH và triển khai nhiều hình thức giám sát phù hợp với sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH.

3. Tồn tại

Chưa có tiêu chí cụ thể giám sát thường xuyên sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	- Xây dựng các tiêu chí cụ thể giám sát rèn luyện của NH hàng tuần, hàng tháng	Phòng Đào tạo Sau ĐH, Khoa Xây dựng	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Giúp đội ngũ cố vấn học tập nâng cao năng lực tư vấn, có thêm cơ sở dữ liệu để giám sát sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện hiệu quả hơn	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của NH

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh, Khoa Xây dựng có bộ phận cũng như cán bộ chuyên trách chịu trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và tư vấn việc làm cho học viên cao học. Cụ thể: ở đơn vị cấp trường là Phòng ĐT SDH, Trung tâm DV, HTSV&QHĐN, Phòng CTCT - HSSV chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn việc làm cho học viên, về phía khoa Xây dựng có Ban chủ nhiệm khoa, phụ trách chuyên ngành, chủ nhiệm lớp, các giảng viên trực tiếp giảng dạy chuyên ngành chịu trách nhiệm hỗ trợ học viên trong việc cải thiện học tập [Chức năng nhiệm vụ, các quyết định].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Xây dựng có kế hoạch và triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của học viên. Thông qua kế hoạch đào tạo của Nhà trường cho các khóa cao học [kế hoạch đào tạo các khóa cao học], các buổi họp lớp, các buổi học theo thời khóa biểu, các nhóm zalo, facebook, email, chủ nhiệm chuyên ngành, giảng viên chủ nhiệm lớp và đội ngũ giáo viên giảng viên giảng dạy các học phần thường

xuyên tư vấn cho HV về phương pháp học, lựa chọn hướng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, rèn luyện, kỹ năng mềm... cho học viên[H8.08.04.03]. Đối với các khóa mới nhập học, trường cử đại diện cán bộ Phòng Đào tạo SDH, phụ trách chuyên ngành, giảng viên giảng dạy tham gia buổi “Gặp mặt đầu khóa” nhằm giới thiệu, trang bị cho học viên góc nhìn tổng quan về chuyên ngành học, CTĐT cũng như quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT và các quy định của Nhà trường; phổ biến các quy định về văn hóa ứng xử, trách nhiệm xây dựng môi trường văn hóa học đường, các hoạt động xã hội khác... [H8.08.04.04]. Bên cạnh đó, trường có đội ngũ GV, các nhà khoa học có học hàm, học vị với chuyên môn vững vàng, sẵn sàng tham gia hướng dẫn học viên chuyên ngành KTXD thực hiện tốt hoạt động nghiên cứu như hướng dẫn học viên làm luận văn tốt nghiệp và cao hơn là tham gia viết bài báo khoa học, đề tài nghiên cứu cấp trường... Trường hợp học viên có bài báo đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành sẽ được cộng điểm bài báo trong kết quả bảo vệ luận văn [H8.08.04.01], đối với đề tài cấp Trường nếu học viên có tham gia sẽ được cấp kinh phí theo quy định [H8.08.04.01]. Ngoài ra, học viên cao học của Nhà trường sau khi học xong 1 năm học nếu đạt các kết quả theo yêu cầu của Nhà trường sẽ được nhận học bổng với mức tối đa 3 triệu đồng/năm. Bên cạnh đó, trường và Khoa có tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hội thảo cho HV cao học, nhằm tạo điều kiện giao lưu giữa HV các khóa, các ngành đào tạo và giữa HV với giảng viên, viên chức Trường và các chuyên gia có trình độ cao [H8.08.04.01].

Trường luôn đảm bảo cho học viên được tiếp cận đầy đủ nguồn giáo trình, tài liệu học tập liên quan đến CTĐT đang học thông qua hệ thống sách, báo, tạp chí... phong phú tại thư viện trường cũng như nguồn tài liệu trực tuyến. Đối với hoạt động hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho học viên, nhà trường bố trí Trạm Y tế trong khuôn viên trường, có bác sỹ và cán bộ y tế trực thường xuyên, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp học viên gặp vấn đề về sức khỏe [H8.08.04.01].

Đối với hoạt động hỗ trợ việc làm cho học viên cao học, Nhà trường và Khoa Xây dựng đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho học viên. Tuy nhiên, hầu hết học viên của chuyên ngành KTXD đều đang đi làm tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, do đó vấn đề tìm kiếm việc làm không phải là ưu tiên đối với học viên, vấn đề quan trọng là năng lực của học viên sau khóa học. Vì vậy, định kỳ Nhà trường có tổ chức lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động để đánh giá năng lực của học viên sau khóa học

[H8.08.04.02]. Đối với những HV chưa có việc làm, Khoa và cán bộ giảng dạy quan tâm, tích cực tìm kiếm thông tin và giới thiệu những vị trí việc làm phù hợp với năng lực của HV [H8.08.04.04]. Trung tâm DV, HTSV&QHDN thường xuyên hỗ trợ các thông tin về việc làm nếu học viên có nhu cầu, liên hệ trao đổi, hợp tác với doanh nghiệp, các tổ chức, các lớp tập huấn kiến thức khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo trong trường.

Hàng năm, Trường có tổ chức thu thập ý kiến đánh giá của học viên đang học các học phần, học viên sắp tốt nghiệp, học viên đã tốt nghiệp về chất lượng và hiệu quả đối với các hoạt động hỗ trợ, tư vấn NH. Qua đợt khảo sát gần nhất, có trên 90 % học viên hài lòng với chất lượng hỗ trợ, tư vấn của Khoa và Trường [H8.08.04.02].

2. Điểm mạnh

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác của Nhà trường cũng như của Khoa Xây dựng được tổ chức một cách đa dạng, hiệu quả giúp cải thiện kết quả học tập, đạt CDR của CTĐT.

Trường và khoa Xây dựng có sự kết nối tốt với các doanh nghiệp, giúp hỗ trợ hiệu quả việc học tập, tham quan, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm thực tế.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động trao đổi học thuật seminar, hội thảo khoa học còn ít. Chưa có nhiều các hoạt động thể thao phong trào cho học viên cao học để tạo điều kiện giao lưu, học tập.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Phát huy vai trò của bộ phận tư vấn hỗ trợ HV. Nâng cao hiệu quả hoạt động ngoại khóa và dịch vụ hỗ trợ NH.	Trường Đại Vinh, Khoa Xây dựng	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tổ chức hội thảo, seminar và các hoạt động thể thao phong trào cho HV cao học để tạo điều kiện giao lưu,	Trường Đại Vinh, Khoa Xây dựng	Hàng năm

		học tập cho HV.		
--	--	-----------------	--	--

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường ĐH Vinh có môi trường tâm lý, xã hội, môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu của học viên. Trường ĐH Vinh đã xây dựng giá trị cốt lõi: *Trung thực - Trách nhiệm - Say mê - Sáng tạo - Hợp tác*, với triết lý giáo dục: *Hợp tác - Sáng tạo*. Với giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục như vậy, cán bộ GV trường ĐH Vinh là những con người tâm huyết với nghề nghiệp; luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao với NH, với Nhà trường; đam mê sáng tạo trong công tác. Sinh viên, học viên Trường ĐH Vinh được đào tạo trong môi trường giáo dục chuyên nghiệp, luôn thể hiện sự văn minh, say mê sáng tạo trong học tập và rèn luyện. Cán bộ GV và NH đều hướng tới giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của Nhà trường, tạo nên một môi trường tâm lý, xã hội thân thiện, hợp tác giữa cán bộ GV và NH; tạo không khí thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Về quy hoạch hệ thống tòa nhà phục vụ công tác, tổng diện tích đất của Nhà trường là 44,12 ha với tổng diện tích sàn xây dựng 140212 m², trong đó cơ sở 1 tại số 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh có diện tích 14 ha với đầy đủ các tòa nhà cho GV và NH: Khu hiệu bộ, giảng đường, khu làm việc của các Viện, Thư viện, Phòng thí nghiệm, không gian học tập phục vụ cho nhu cầu tự học, Nhà tập luyện và thi đấu thể thao, sân vận động, ký túc xá. Tất cả được quy hoạch, bố trí khoa học, hiện đại, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH. Nhà trường có 6 giảng đường lớn tại các cơ sở chính (Khu nhà A, B, D) bao gồm 221 phòng học với tổng diện tích sử dụng là 51054 m², bố trí được khoảng 8460 chỗ ngồi trong 1 ca với diện tích bình quân 5,9 m²/chỗ ngồi [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.03]. Hầu hết phòng học của học viên được trang bị máy điều hòa, quạt, hệ thống chiếu sáng đạt chất lượng cao, có trên 80% các phòng học có các thiết bị hỗ trợ giảng dạy như: projector, loa và 1 số thiết bị khác [H8.08.04.01]. Nhà trường có 4 nhà kí túc xá 5 tầng (tại cơ sở 1) với tổng diện tích sử dụng là 48799 m², với 237 phòng ở với sức chứa 1145 chỗ, bình quân diện tích 8,3 m² sử dụng/1 học viên theo định mức 6-8

người/1 phòng; hệ thống điện nước, nóng lạnh, wifi được lắp đặt đầy đủ. Ngoài ra Nhà trường có 6 sân bóng chuyên, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, SV, HV với tổng diện tích 29.589 m², 1 nhà thi đấu đa năng với 1.000 chỗ ngồi cơ bản đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho cán bộ và NH [H8.08.04.01], [H8.08.04.02]. Từ năm 2016, Nhà trường tiếp tục hoàn thiện việc đầu tư xây dựng cơ bản theo quy hoạch tổng thể của Trường để hình thành hệ thống giảng đường, nhà làm việc, kí túc xá, các công trình phụ trợ đồng bộ, đáp ứng quy mô đào tạo và NCKH, đặc biệt là đào tạo tiếp cận năng lực CDIO. Tất cả đều tạo nên môi trường làm việc thân thiện, thoải mái, để thực hiện hoạt động giảng dạy, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho tất cả các đối tượng trong toàn Trường. Với hệ thống thoát nước tốt, trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trường và thường xuyên phát động phong trào bảo vệ cây xanh, bảo vệ môi trường, đến nay, cảnh quan môi trường của trường ĐH Vinh có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh, sạch, đẹp và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của NH [H8.08.04.01], [H8.08.04.02], [H8.08.04.04]. Nhà trường ban hành các quy định về môi trường, sức khỏe, an toàn ở Trường ĐH Vinh [H8.08.04.03], các kế hoạch tổ chức Hội nghị - tập huấn công tác đảm bảo an ninh, trật tự trường học và công tác HS, SV, HV; ban hành bộ quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh, sinh viên, học viên trường ĐH Vinh [H8.08.04.04]. Ngoài ra, Nhà trường cũng thực hiện tốt các công tác giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn học đường và an toàn vệ sinh thực phẩm. Ngay từ khi nhập học, HV được khám sức khỏe theo quy định. Định kỳ hàng năm, Trạm Y tế của Trường thực hiện công tác kiểm tra sức khỏe cán bộ GV, SV, HV [H8.08.04.03]. Công tác vệ sinh môi trường được thực hiện bởi công ty môi trường ký hợp đồng với Nhà trường, thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị - Đầu tư [H8.08.04.03]. Ngoài ra, Nhà trường còn điều động SV của các Khoa/Viện tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên Trường, với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động [H8.08.04.04]. Đảm bảo an ninh chính trị trong Nhà trường là đội bảo vệ, do Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ. Bên cạnh đó, Nhà trường còn thành lập Trung đội dân quân tự vệ, đội Thanh niên xung kích, đội tự quản KTX,... Nhà trường còn trang bị đầy đủ hệ

thống phòng cháy nổ, nội quy ở giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá [H8.08.04.05], [H8.08.04.06] và ban hành nội quy/quy tắc ứng xử trong nhà trường để đảm bảo môi trường văn hóa, an ninh, an toàn cho NH [H8.08.04.06]. Nhà trường có tổ chức công đoàn, có các câu lạc bộ hoạt động ngoại khóa dành cho học viên [H8.08.04.06].

Để có những phản biện, góp ý tốt, Nhà trường đã tổ chức khảo sát, lấy ý kiến NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường, theo phiếu khảo sát chung của Nhà trường, từ đó đưa ra các giải pháp cụ thể để ngày càng hoàn thiện môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong Trường. Đối với học viên chuyên ngành KTXD được khảo sát, trung bình trên 90 % học viên đánh giá ở mức độ “Tốt” (Mức độ đáp ứng từ 80% trở lên), trên 80 % học viên đánh giá ở mức độ “Khá” (Mức độ đáp ứng từ 65% đến 79%) và khoảng 70 % học viên đánh giá ở mức độ “Trung bình” (Mức độ đáp ứng từ 50% đến 64%) [H8.08.04.06].

2. Điểm mạnh

Trường và Khoa Xây dựng có môi trường tâm lý xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi đảm bảo phục vụ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Điểm tồn tại

Một vài phòng học có bàn, ghế và tường nhà còn có vết vẽ bẩn, do ý thức của NH còn chưa tốt.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành
1	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh	Phòng Quản trị-Đầu tư	Tiếp tục từ năm 2020
2	Khắc phục tồn tại	+ Tuyên truyền, nâng cao ý thức của NH trong việc giữ gìn cơ sở vật chất, cảnh quan, môi trường trong Nhà trường; + Thực hiện có hiệu quả các hình thức kỷ luật đối với NH viết, vẽ bẩn lên bàn	Đoàn thanh niên	Hàng năm

		ghế phòng học, cố ý hủy hoại tài sản của Nhà trường.		
--	--	--	--	--

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 8

** Điểm mạnh nổi bật*

Nhà trường và Khoa Xây dựng đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hằng năm, đảm bảo tuyển được số lượng học viên có kết quả và năng lực tốt, thu hút được học viên tham gia thi tuyển vào ngành KTXD. Các hoạt động tư vấn học tập được Khoa Xây dựng và Phòng đào tạo SDH triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của học viên. Hệ thống giám sát về sự tiến bộ trong học tập, về kết quả học tập và khối lượng học tập của học viên tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho học viên. Tuy nhiên, nhà trường chưa tận dụng được kênh thông tin từ đội ngũ cựu NH và nhà tuyển dụng trong việc quảng bá rộng rãi thông tin tuyển sinh của trường cũng như của ngành KTXD, Khoa Xây dựng chưa tận dụng triệt để và hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu để giám sát tốt hơn quá trình học tập, rèn luyện cũng như tiến trình tiến bộ của NH.

Kết quả đánh giá chung Tiêu chuẩn 8: Tiêu chuẩn 08 có 05 tiêu chí; trong đó các tiêu chí đều đạt mức 5/7.

Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị

Mở đầu

Nhà trường và Khoa Xây dựng luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và học viên ngành ThS KTXD đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Khoa Xây dựng luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho học viên ngành ThS KTXD.

Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [H9.09.01.01]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển giai đoạn giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 và tiếp tục có sự rà soát, điều chỉnh mục tiêu để phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng và tình hình hình thực tiễn [H9.09.01.02].

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành ThS KTXD. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m², đạt xấp xỉ 15m²/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Hiện Trường ĐH Vinh có 280 phòng học, trong đó có 256 phòng được trang bị máy chiếu và hệ thống âm thanh, có 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo. 100% phòng học và phòng THPTN được trang bị máy điều hòa. Diện tích bình quân 5.9m²/1 NH (115,749m²/19.629 NH); Cơ sở vật chất cho cán bộ giảng viên, và nhân viên cơ hữu được đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị văn phòng hiện đại. Bên cạnh đó, phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.03].

Khoa Xây dựng có hệ thống phòng làm việc với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ

các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Hiện nay, khoa đang sử dụng tầng 2 toà nhà của trường gồm 3 phòng làm việc, gồm 01 phòng của cán bộ quản lý, 01 văn phòng khoa. Đồng thời, Khoa được giao sử dụng phòng B1-101 sinh hoạt chuyên môn của giảng viên. Phòng sinh hoạt chuyên môn của bộ môn cầu đường hiện tại đang sử dụng phòng học của Nhà trường. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu công việc như: Hệ thống chiếu sáng, điều hòa không khí, máy tính, máy in, điện thoại, fax, bàn ghế v.v.. [H9.09.01.03].

Về phòng học, ngành KTXD đảm nhận việc giảng dạy các học phần cho học viên, với số lượng học viên 15 SV/ lớp. được bố trí tại các phòng học nhà A, B, D, DN, được sử dụng linh hoạt theo mục đích của giảng dạy theo từng học phần. Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng của Nhà trường được đầu tư các trang thiết bị hiện đại phù hợp với việc nghiên cứu và phát triển CTĐT. Các học phần đặc thù của ngành được bố trí tại phòng thực hành thí nghiệm và thực tế tại công trường xây dựng. [H9.09.01.03].

Trang thiết bị và các phương tiện học tập được trang bị có chất lượng, sử dụng có hiệu quả, cơ bản đáp ứng được các yêu cầu dạy học và NCKH cho GV và học viên ngành KTXD. Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, học viên ngành KTXD còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [H9.09.01.06].

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [H9.09.01.06].

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành KTXD. Tài sản của Nhà trường được quản lý

theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [H9.09.01.04]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [H9.09.01.05]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [H9.09.01.07].

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ NH về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành KTXD. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành KTXD của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của NH. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH qua các năm về cơ bản trên 90% mức độ đáp ứng tốt [H9.09.01.08].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành KTXD.
- Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành KTXD phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

- Ngành ThS KTXD chưa có phòng sinh hoạt chuyên môn riêng để phục vụ công tác seminar, sinh hoạt học thuật. Hiện nay, ngành cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành

1.	Khắc phục tồn tại	Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn cho GV, học viên ngành KTXD nói riêng và các bộ môn/ngành trong Trường ĐH Vinh nói chung	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng.	Phòng QT &ĐT Phòng KHTC	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của phân hiệu Trường ĐH Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường ĐH Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường ĐH Vinh, để tỏ lòng tri ân cố Giáo sư Nhà Giáo Nhân dân Nguyễn Thúc Hào - vị Hiệu trưởng đầu tiên của Trường (1959-1973), Trường ĐH Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường ĐH Vinh thành Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào [H9.09.02.01].

Trung tâm Thông tin - Thư viện là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m², sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1 [H9.09.02.01].

Các hoạt động tại Thư viện của Nhà trường đều đã được thể chế hóa bằng các

quy định cụ thể [H9.09.02.02]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho học viên cao học, SV chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [H9.09.02.03].

Thư viện Trường ĐH Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho học viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và NH ngành KTXD nói riêng và Trường ĐH Vinh nói chung [H9.09.02.04]. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt CTĐT tiếp cận theo CDIO, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và NH [H9.09.02.02].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [H9.09.02.04]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [H9.09.02.05].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và học viên ngành KTXD nói riêng và khoa Xây dựng nói chung. Tính đến tháng 06/2022, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành KTXD được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và học viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành KTXD [H9.09.02.06]. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện

(sách, báo, tạp chí, tài liệu...) [H9.09.02.07]. Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [H9.09.02.08].

Bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và NH [H9.09.02.08] tuy nhiên tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, SV vẫn chưa được đa dạng. Nguồn học liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và NH có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như ĐH Quốc gia Hà Nội, ĐH Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh... [H9.09.02.09].

Hàng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [H9.09.02.10]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của NH, giảng viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.02.11]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với CTĐT ngành KTXD cho thấy giảng viên và học viên ngành KTXD nói riêng và học viên khoa Xây dựng nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ NH qua các năm cho thấy có hơn 90% NH đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 70% NH đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện.

2. Điểm mạnh

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho NH và giảng viên.

- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

3. Điểm tồn tại

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, học viên cao học ngành KTXD chưa đa dạng và cập nhật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc.	Trung tâm TTTV Khoa XD	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục cập nhật ý kiến của giảng viên, NH để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát CTĐT. - Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các học viên, giảng viên, đặc biệt học viên năm thứ nhất.	Trung tâm TTTV Khoa XD	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là

phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.01]. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THPTN có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THPTN/NH là $4,48\text{m}^2/\text{người}$ ($34.382\text{m}^2/7.667\text{NH}$) [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của ngành KTXD. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và NH. Hệ thống phòng học được quản lý sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lý, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần.. [H9.09.03.03] tuy nhiên một số máy tính và thiết bị thí nghiệm đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và SV.

Trung tâm THPTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường ĐH Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THPTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm THPTN còn được công khai trên Website của đơn vị. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THPTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Bên cạnh đó, các thiết bị của trung tâm thực hành được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng hàng năm theo kế hoạch của nhà trường. Trung tâm THPTN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ THPTN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

Hiện nay, tại Trung tâm THPTN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán

bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THPTN. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THPTN cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THPTN, nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của hệ thống cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm, thực hành và công tác phục vụ đào tạo. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy các giảng viên, NH ngành Kỹ thuật xây cơ bản hài lòng về mức độ đáp ứng của hệ thống phòng học máy tính của Nhà trường. Các kỹ thuật viên hỗ trợ kịp thời cho công tác đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và NH [H9.09.03.08].

2. Điểm mạnh

- Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của học viên ngành KTXD. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

- Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành KTXD phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

3. Điểm tồn tại

Một số máy tính và thiết bị thí nghiệm đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và SV.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục	Rà soát các máy tính,	Phòng KHTC,	Hằng	Hằng

	tồn tại	thiết bị thí nghiệm đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế	Phòng QT & ĐT.	năm	năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm	Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT Trung tâm THPTN	Hàng năm	Hàng năm

5. *Tự đánh giá*: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu

1. Mô tả hiện trạng

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trung tâm CNTT là một bộ phận của Viện Nghiên cứu và Đào tạo được thành lập với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Trường ĐH Vinh; Tổ chức đào tạo các trình độ theo hình thức trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp... Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lý mới của Nhà trường [H9.09.04.01].

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho NH. Cán bộ của Nhà trường từ học vị TS trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [H9.09.04.02].

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà

trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lý để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lý của trường (quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, học viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc ĐH và sau ĐH của Nhà trường. Công tác quản lý của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lý để quản lý nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành KTXD nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lý bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lý. Các dữ liệu về quản lý nhà trường và quản lý đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và NH đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 NH. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và NH và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và NH như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và NH tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, hệ thống dạy – học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành [H9.09.04.03].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và NH. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [H9.09.04.04].

Trường ĐH Vinh quản lý việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần

bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [H9.09.04.05].

Nhằm đáp ứng nhu cầu về hệ thống CNTT ngày càng cao của NH và cán bộ, Trường ĐH Vinh không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng trang thiết bị CNTT cũng như hệ thống phần mềm qua từng năm học. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã thực hiện việc bảo dưỡng và nâng cấp cấu hình hệ thống mạng máy tính cũng như bảo trì, bảo dưỡng máy tính cá nhân và máy in của các đơn vị trong trường [H9.09.04.06].

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và NH về mức độ hài lòng đối với môi trường CNTT, qua đó có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy, NH, giảng viên và các bên liên quan đều cho rằng hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH [H9.09.04.07].

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của giảng viên và NH.

3. Điểm tồn tại

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.
- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và NH.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục tồn tại	- Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong	Trung tâm CNTT	Hằng năm	Hằng năm

		một số thời điểm. - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường.			
2.	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT	Trung tâm CNTT	Hàng năm	Hàng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật

1. Mô tả hiện trạng

Trường ĐH Vinh rất chú trọng tới các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho NH và cán bộ của Nhà trường. Điểm ghi nhận đầu tiên là ở công tác thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường ĐH [H9.09.05.01]. Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Nhà trường còn ban hành các văn bản riêng áp dụng theo đặc thù của Trường ĐH Vinh. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [H9.09.05.02].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho NH được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho học viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật,

thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [H9.09.05.03].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của NH. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, học viên với diện tích 35.000m² và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho NH, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hàng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Bên cạnh đó, nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ, bộ phận phục vụ và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường. [H9.09.05.03].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho học viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và học viên ngành KTXD nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Học viên cao học ngành KTXD được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [H9.09.05.04].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Nhà trường có đơn vị cung cấp vệ sỹ chuyên nghiệp thường trực 24/24 giờ làm nhiệm vụ bảo vệ tại tất cả các cổng vào ra. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có

chức năng hướng dẫn cho NH, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm 27 đồng chí, do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, học viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và NH về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [H9.09.05.05].

Nhà trường có Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ NH. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của môi trường, sức khỏe, an toàn. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [H9.09.05.06].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường ĐH hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho NH, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho GV và học viên ngành KTXD nói riêng và toàn trường nói chung.

3. Điểm tồn tại

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn

với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	
				Bắt đầu	Hoàn thành
1.	Khắc phục điểm tồn tại	Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.	Trạm y tế	Hằng năm	Hằng năm
2.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe.	Trạm y tế, Phòng QT & DT, Phòng CTCTHSSV	Hằng năm	Hằng năm

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 9

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành KTXD, bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và NH, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành KTXD. Điểm tồn tại đó là một số máy tính, thiết bị thí nghiệm phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và các phòng thực hành thực tập cho học viên kỹ thuật.

Căn cứ vào mức độ đạt được của các tiêu chí, hội đồng TĐG chất lượng CTĐT ngành KTXD TĐG tiêu chuẩn 9 có 5/5 tiêu chí đạt.

Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng

Mở đầu

Hiện nay, Trường ĐH Vinh và Khoa Xây dựng đặc biệt chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Điều này thể hiện rõ thông qua việc xây dựng hệ thống trực tuyến thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan để thiết kế và phát triển chương trình dạy học đến việc ĐBCL trong kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kết quả nghiên cứu khoa học để cải tiến việc dạy và học cũng như đáp ứng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, tạo cơ chế phản hồi cho các bên liên quan. Ngoài ra, Nhà Trường đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục, áp dụng công nghệ thông tin, bài giảng Elearning giúp NH có kế hoạch học tập chủ động.

Tiêu chí 10.1: Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học

1. Mô tả hiện trạng

CTĐT được xây dựng trên cơ sở CĐR có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở cụ thể hóa chương trình khung của Bộ GD-ĐT. Trường đã huy động hầu hết các nhà khoa học, cán bộ quản lý đào tạo và các GV có kinh nghiệm tham gia xây dựng CTĐT theo qui trình, đáp ứng CĐR đã công bố của từng ngành đào tạo, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và chức năng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển Nhà trường. Nhà trường đã có hệ thống văn bản quy định và hướng dẫn cụ thể cho các đơn vị triển khai thực hiện công tác lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình thiết kế và phát triển chương trình [H10.10.01.01].

Trong giai đoạn 2017 – 2022, Nhà trường đã tiến hành rà soát, bổ sung CTĐT chuyên ngành KTXD trình độ ThS vào các năm 2019 và 2022 đảm bảo đúng trình tự, thủ tục rà soát, chỉnh sửa CTĐT của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT. Theo đó Trường giao nhiệm vụ cho các khoa chuyên môn, thành lập Tổ soạn thảo CTĐT để xây dựng, rà soát CTĐT [H10.10.01.02]. Tổ soạn thảo CTĐT đã tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các BLQ, cụ thể là GV, HV cao học, đại diện đơn vị sử dụng lao động [H10.10.01.03]. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến các BLQ, nhóm đã đề xuất điều chỉnh CTĐT theo hướng cập nhật với xu hướng phát triển của ngành Xây dựng [H10.10.01.04].

Năm 2017, Trường ĐH Vinh ban hành Khung CTĐT ThS ngành KTXD áp dụng từ khóa 25 [H3.03.01.03] có tham khảo CTĐT cùng chuyên ngành tại các trường ĐH xây dựng Hà Nội, ĐH Giao thông vận tải Hà Nội, ĐH Kiến trúc Hà Nội, ĐH Bách khoa Đà Nẵng và ĐH Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2022, CTĐT ThS ngành KTXD của Trường đã được điều chỉnh đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, cung cấp cho NH nhiều thông tin về ngành Kỹ thuật xây dựng theo 02 định hướng: Nghiên cứu và Ứng dụng [H3.03.01.03].

Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng cũng tiến hành khảo sát lấy ý kiến của HV cao học về các học phần được đào tạo theo từng học kỳ và về toàn khóa học [H10.10.01.04]. Sau khi HV tốt nghiệp, Trường có tiến hành khảo sát, lấy ý kiến của NH, của GV, của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng, nội dung CTĐT và các điều kiện hỗ trợ hoạt động đào tạo [H10.10.01.05]. Các thông tin này là nguồn tham khảo quan trọng phục vụ cho việc rà soát, cập nhật CTĐT theo định kỳ.

2. Điểm mạnh

- Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

- Hoạt động lấy ý kiến NH về quá trình đào tạo được triển khai định kỳ.

3. Điểm tồn tại

Ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng và các chuyên gia gắn với ngành đào tạo tuy đã thực hiện nhưng chưa được thường xuyên. Kênh thu thập thông tin phản hồi từ NH chưa đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiến hành xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp liên kết để có hợp tác chặt chẽ hơn	- Phòng CT CTHSSV; - TT ĐBCL;	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		trong quá trình thiết kế và phát triển CTĐT. - Tổ chức Hội nghị trao đổi giữa khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu học viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.	- TT DV, hỗ trợ SV và QHDN - Khoa Xây dựng		
2	Phát huy điểm mạnh	Định kỳ theo kế hoạch sẽ tiến hành đánh giá lại CTĐT và điều chỉnh nếu cần thiết. Mở rộng các đối tượng lấy ý kiến trong quá trình khảo sát.	- Phòng Đào tạo; - TT DV, hỗ trợ SV và QHDN - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Sau khi Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT được ban hành, hoạt động thiết kế và phát triển CTĐT của Trường ĐH Vinh nói chung và trình độ ThS nói riêng trở thành một quá trình được chuẩn hóa từ tổ chức bộ máy, quy trình, và thủ tục hồ sơ. Theo đó, Trường đã ban hành hướng dẫn về thiết kế và phát triển CTĐT, hoàn toàn tuân thủ các quy định liên quan trong việc xây dựng mới và rà soát, đánh giá CTĐT hiện hữu đã có trong Thông tư 07; bao gồm: rà soát mục tiêu, CDR, cấu trúc CTĐT, đối sánh các CTĐT trong nước, quốc tế, thu thập và xử lý ý kiến của các BLQ [H10.10.02.01]. Vào năm 2019, Trường tiến hành rà soát và chỉnh sửa lần đầu CTĐT trình độ ThS chuyên ngành KTXD theo hướng tiếp cận với xu thế phát triển của Việt Nam và thế giới [H10.10.02.02]. Đến năm 2022, theo định kỳ 2 năm/lần, Trường tiếp tục tiến hành rà soát, cập nhật CTĐT

ngành KTXD trình độ ThS. Lần điều chỉnh này, CTĐT có sự cải tiến theo hướng tiếp cận CDIO, trong đó có sự phân chia thành khối nghiên cứu và ứng dụng [H10.10.02.03].

Trong mỗi lần điều chỉnh, Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Xây dựng thành lập nhóm chuyên gia về điều chỉnh CTDH. Căn cứ vào kế hoạch biên soạn và điều chỉnh CTDH của Trường ĐH Vinh, nhu cầu thực tiễn của xã hội, ý kiến của các bên liên quan về CTDH, xu hướng vận động của ngành nghề và các yếu tố khác, nhóm chuyên gia đề xuất cải tiến CTĐT, sau đó Hội đồng khoa học và đào tạo khoa Xây dựng thảo luận và thống nhất [H10.10.02.04]. Ngoài ra, việc điều chỉnh, cập nhật CDR, CTDH có sự đối chiếu, tham khảo từ các trường ĐH có uy tín trong nước và nước ngoài [H10.10.02.05].

2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng và NH. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

3. Điểm tồn tại

Thực hiện rà soát, đánh giá và cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH còn một số điểm tồn tại sau:

- Một số học phần vẫn còn hạn chế trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp; Một số tài liệu tham khảo còn chưa cập nhật.
- Việc lấy ý kiến phản hồi của các BLQ về quy trình thiết kế và phát triển CTĐT chưa được đa dạng.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Tiến hành rà soát, điều chỉnh việc bổ sung các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong các học phần phù hợp. - Cập nhật học liệu, đề nghị	- Phòng CT CTHSSV; - TT ĐBCL; - TT TTTV Nguyễn Thúc	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
		Nhà trường mua thêm các tài liệu tham khảo mới, xây dựng kế hoạch biên dịch tài liệu nước ngoài sang tiếng Việt nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho NH. - Có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các BLQ về công tác phát triển CTĐT bao quát và đa dạng hơn.	Hào - Khoa Xây dựng		
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cập nhật và điều chỉnh CTĐT tiếp cận với xu thế phát triển của thế giới.	- Phòng Đào tạo; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 10.3: Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR, quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được quy định rõ ràng và chặt chẽ, như: (1) Các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của NH và (2) Công tác triển khai rà soát, đánh giá đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của NH.

Thứ nhất, các quy định về việc rà soát, đánh giá quá trình dạy và học; kết quả học tập của NH. Theo đó, Nhà trường có quy định cụ thể về kiểm tra, đánh giá quá trình dạy và học, kết quả học tập gồm các quy định về quy trình kiểm tra phù hợp với CĐR, các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của NH [H10.10.03.01]. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình

thức, thời gian (theo từng tuần trong một học kỳ) và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá hồ sơ học phần, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm quá trình cuối mỗi môn học và điểm thi kết thúc học phần không quá 15 ngày sau khi thi. Việc công bố điểm chuyên cần, điểm giữa kỳ được thực hiện ngay khi kết thúc học phần, công bố công khai tại lớp học phần. Quy định về hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Kết quả học tập của HV được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá NH [H10.10.03.02].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: trước khi kết thúc học kỳ, Trung tâm Đảm bảo chất lượng gửi đến Khoa danh sách và lịch các học phần cần ngân hàng đề thi mới và rà soát ngân hàng đề thi cũ (các môn tự luận), trong thời gian quy định, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi đã rà soát cho Trưởng Bộ môn, sau đó, Trung tâm Đảm bảo chất lượng tổ chức thi cho HV. Nội dung ngân hàng đề thi được giảng viên rà soát và đánh giá thường xuyên trong quá trình giảng dạy nhằm cân đối giữa các kiến thức lý thuyết và thực tiễn, đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Lịch thi đã được thông báo cho giảng viên ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu. Vì vậy trên cơ sở đó, giảng viên dạy phải nộp điểm chuyên cần, giữa kỳ cho bộ phận văn phòng vào điểm.

Việc xây dựng cách thức kiểm tra đánh giá từng chuyên đề được bám sát vào mục tiêu học phần và CĐR. Trong lần cập nhật CTĐT năm 2022, các học phần đều được quy định về phân nhiệm (PLO) CĐR của CTĐT, và xây dựng quy trình cách thức đánh giá bám sát các mục tiêu học phần và CTĐT. Mỗi học phần xây dựng đề cương chi tiết có kèm theo các hình thức đánh giá, xây dựng các Rubric đánh giá bám sát các mục tiêu học phần.

Ngoài ra, Nhà trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo, seminar về cải tiến quy trình dạy và học, quy trình kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR với sự tham gia của đông đảo cán bộ giảng viên toàn Trường [H10.10.03.03]. Kết thúc mỗi học

kỳ/năm học, Phòng CTCT-HSSV của Nhà trường đều phối hợp cùng Khoa Xây dựng tiến hành lấy ý kiến phản hồi của NH liên quan tới chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên, hoạt động kiểm tra đánh giá. Kết quả thu được cho thấy nhìn chung giảng viên có chất lượng giảng dạy đạt hiệu quả tốt và được NH đánh giá ở mức độ tốt [H10.10.03.04].

2. Điểm mạnh

- Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập NH ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của ĐH Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất, chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và NH.

- Khoa Xây dựng tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa.

3. Điểm tồn tại

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến NH, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa CTĐT và CDR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần duy trì thường xuyên lấy ý kiến NH, GV và các BLQ về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa	Khoa Xây dựng	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện /hoàn thành	Ghi chú
		CTĐT và CDR.			
2	Phát huy điểm mạnh	Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của NH được rà soát và đánh giá thường xuyên hơn nữa để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR.	- Phòng CTCT HSSV; - Bộ phận ĐBCL Khoa	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7

Tiêu chí 10.4: Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

1. Mô tả hiện trạng

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản góp phần cải tiến việc dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên củng cố và mở rộng được kiến thức chuyên môn, vận dụng những kiến thức lý luận ấy vào trong thực tiễn giảng dạy. Đồng thời, NCKH còn giúp cho giảng viên có được phong cách và phương pháp làm việc khoa học, giải quyết các vấn đề trong bối cảnh đa chiều với cách nhìn khách quan, chính xác. Nhận thức được vai trò quan trọng của hoạt động NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy - học: Hoạt động NCKH tại Trường ĐH Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua Chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của Trường [H10.10.04.01]. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo, Nhà trường và khoa Xây dựng đã có các quy định và cơ chế chính sách khuyến khích công tác NCKH của GV và SV-HV [H10.10.04.02]. Trong những năm qua, GV và SV-HV của Khoa đã cùng thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu các cấp [H10.10.04.03], công bố nhiều bài báo trên các tạp chí uy tín thuộc danh mục

WoS/Scopus [H10.10.04.04], các bài báo thuộc tạp chí chuyên ngành trong nước [H10.10.04.05]. Cùng với GV làm NCKH, HV không những bổ sung thường xuyên và chuyên sâu kiến thức mà còn có thể sử dụng những nghiên cứu đó để phục vụ thiết thực cho việc học tập của mình. Các kết quả nghiên cứu cũng được sử dụng để đưa vào nội dung giảng dạy cho HV trong quá trình học tập, nghiên cứu [H10.10.04.06]. Ngoài ra, các đề tài nghiên cứu đã gắn liền với việc xuất bản các giáo trình, sách tham khảo, tài liệu hướng dẫn, phần mềm để NH được tham khảo và mở rộng kiến thức chuyên ngành [H10.10.04.07]. Định kỳ, Khoa và Nhà trường tổ chức các hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế, các buổi seminar với những báo cáo nghiên cứu nhằm trao đổi học hỏi và duy trì hoạt động khoa học của GV và NH [H10.10.04.08]. Ngoài ra, những diễn đàn này cũng là cơ hội để giao lưu kết nối giữa các GV và NH trong Khoa/Trường với những GV, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Nhà trường đưa ra các quy định và văn bản hướng dẫn việc hỗ trợ hay công nhận các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy - học [H10.10.04.09]. Tổng hợp số lượng các công trình nghiên cứu của GV có sự tham gia của HV cao học trong giai đoạn 2018-2023 được thống kê cụ thể trong các Bảng 10.1, 10.2 và 10.3.

Bảng 10.1. Danh mục đề tài các cấp có sự tham gia của học viên Khoa Xây dựng giai đoạn 2018-2023

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ nhiệm	Tài trợ
1	Nghiên cứu giải pháp nâng cao độ tin cậy và thời hạn sử dụng kết cấu nhà thép trong môi trường các khu công nghiệp nhiều hóa chất sulfur dioxide và chloride	2021	TS. Nguyễn Trọng Hà	Bộ GD&ĐT
2	Nghiên cứu ứng dụng trí tuệ nhân tạo dự báo khả năng chịu lực và dạng phá hoại của kết cấu bê tông cốt thép dưới tác dụng của động đất	2022	TS. Nguyễn Duy Duẩn	Bộ GD&ĐT
3	Nghiên cứu dự báo tuổi thọ công trình thép bị ăn mòn ở khu vực ven biển và hải đảo bằng thuật toán lai	2023	TS. Nguyễn Trọng Hà	Bộ GD&ĐT

STT	Tên đề tài	Năm	Chủ nhiệm	Tài trợ
	giữa trí tuệ nhân tạo với phương pháp mô phỏng Monte Carlo			
4	Dự báo khả năng chịu lực của công trình nhà bê tông cốt thép bị ăn mòn bằng kỹ thuật trí tuệ nhân tạo	2023	PGS. TS. Trần Ngọc Long	Bộ GD&ĐT
5	Nghiên cứu và ứng dụng bê tông Geopolymer và cát biển ở Quảng Bình trong xây dựng các công trình chịu mặn ven biển	2023	PGS. TS. Trần Ngọc Long	Tỉnh Quảng Bình
6	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đến biến dạng co ngót bê tông khi có và không có nước Ca(OH)_2 trong điều kiện khí hậu gió phơn Bắc Trung Bộ	2022	PGS. TS. Trần Ngọc Long	Trường ĐH Vinh

Bảng 10.2. Danh mục các bài báo khoa học có sự tham gia của học viên Khoa Xây dựng giai đoạn 2018-2023

STT	Tên bài báo	Năm	Tạp chí	Tác giả
1.	Phân tích rủi ro về chi phí dự án đầu tư xây dựng trong giai đoạn lập hồ sơ dự thầu	2020	Tạp chí khoa học Trường ĐH Vinh	Nguyễn Trọng Hà Phan Văn Long <u>Hoàng Xuân Hà</u> <u>Lương Đình Sơn</u>
2.	Phương pháp chế tạo và thí nghiệm các đặc trưng cơ lý của bê tông nhẹ sử dụng cốt liệu sỏi nhẹ Keramzit	2020	Tạp chí khoa học Trường ĐH Vinh	<u>Nguyễn Xuân Hiều</u> Vũ Xuân Hùng
3.	Thái độ của nhà thầu xây dựng đối với rủi ro và quản lý rủi ro trong xây dựng: Nghiên cứu áp dụng cho trường hợp tỉnh Vĩnh Long và Cần Thơ	2020	Tạp chí khoa học Trường ĐH Vinh	<u>Nguyễn Quốc Đoàn</u> Phan Văn Tiến

STT	Tên bài báo	Năm	Tạp chí	Tác giả
4.	An Analysis of the Stress-Strain State of Reinforced Concrete Beam Cross-Sections Subjected to Biaxial Bending	2020	GEOMATE Journal (ESCI)	Tran Ngoc-Long Phan Van-Phuc Nguyen Trong-Ha <u>Phan Duy-Thuan</u>
5.	Đánh giá độ tin cậy của khả năng chịu lực cột liên hợp – thép bê tông cốt thép tiết diện tròn có xét đến ăn mòn kim loại trong không khí	2021	Tạp chí khoa học Trường ĐH Vinh	Nguyễn Trọng Hà <u>Võ Thành Phúc</u> <u>Nguyễn Hòa Hiệp</u> Lê Viết Đồng
6.	Experimental study on concrete shrinkage at high temperature due to climate changes	2022	Proceedings of the 1 st International Conference on Advances in Civil Engineering	Ngoc Long Tran Tien Hong Nguyen Xuan Hieu Nguyen <u>Chung Bao</u> <u>Nguyen</u>
7.	Stress-strain state of a short RC column cross-section subjected to biaxial compression	2022	Proceedings of the 1 st International Conference on Advances in Civil Engineering	Phan Van Phuc <u>Tran Van Hoan</u> <u>Nguyen Van Thanh</u>
8.	Evaluate the Durability of RC Bridge Under the Impact of Climate Change in Vietnam	2022	Lecture Notes in Civil Engineering (SCOPUS)	Trong-Ha Nguyen Ngoc-Long Tran <u>Duy-Thuan Phan</u>
9.	Sensitivity analysis of structures and environmental parameter for the speed limits of the car running on the corroded steel girder bridge over time	2022	Materials Today: Proceedings (SCOPUS)	Trong-Ha Nguyen Van-Long Phan, Xuan-Hieu Nguyen <u>Van-Mao Nguyen</u>

STT	Tên bài báo	Năm	Tạp chí	Tác giả
10.	Effect of reinforcing steel fiber length on compressive strength of concrete using recycled coarse aggregates	2023	Tạp chí khoa học ĐH Thái Nguyên	<u>Ngô Quốc Vũ</u> Phan Văn Tiến

Bảng 10.3. Danh mục các tài liệu tham khảo, phần mềm phục vụ công tác đào tạo Cao học chuyên ngành KTXD của GV Khoa Xây dựng giai đoạn 2018-2023

STT	Tên tài liệu	Năm	Nhà xuất bản	Tác giả
1.	Ổn định kết cấu thép (Giáo trình sau ĐH)	2022	Nhà xuất bản xây dựng	Nguyễn Trọng Hà Trần Ngọc Long Nguyễn Duy Duẩn Lê Thanh Hải
2.	Advances in Civil Engineering	2022	Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật	Trần Ngọc Long Nguyễn Trọng Hà Nguyễn Duy Duẩn
3.	Phần mềm dự báo tốc độ ăn mòn kết cấu thép	2021	Hindawi	Nguyễn Trọng Hà Nguyễn Duy Duẩn
4.	Phần mềm dự báo khả năng chịu lực của cột thép hình chữ I có tiết diện thay đổi	2021	Springer	Nguyễn Trọng Hà Nguyễn Duy Duẩn
5.	Phần mềm dự báo khả năng chịu cắt và dạng phá hoại của cột BTCT	2022	MDPI	Nguyễn Duy Duẩn Trần Viết Linh
6.	Phần mềm dự báo khả năng chịu cắt của dầm bê tông cốt thép gia cường bằng FRCM	2023	Elsevier	Nguyễn Trọng Hà Trần Ngọc Long Nguyễn Duy Duẩn

2. Điểm mạnh

Khoa Xây dựng có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV-HV phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành KTXD. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các

tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

3. Điểm tồn tại

Hoạt động NCKH của HV chưa được triển khai đồng đều, chưa có kế hoạch chiến lược cụ thể. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh còn ít. Chính vì vậy, sự đóng góp của NCKH cho hoạt động dạy và học chưa bao phủ đầy đủ các lĩnh vực của ngành nghề.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Hình thành các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo để tìm kiếm các đề tài NCKH các cấp. - Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động sinh viên NCKH	Khoa Xây dựng	Năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	- Tiếp tục khuyến khích, tạo động lực trong NCKH đối với các NCKH (viết bài đăng tạp chí Quốc tế có chỉ số WoS/Scopus, hội thảo khoa học bằng tiếng Anh) - Tăng cường các nghiên cứu ứng dụng, gắn với thực tiễn của địa phương.	- Trường ĐH Vinh, - Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 10.5: Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập đã và đang được Nhà trường đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn, dịch vụ, hỗ trợ và tiện ích, tạo điều kiện cho SV-HV được tương tác thuận lợi với các chủ thể trong và ngoài trường, Nhà trường đã thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chuyên trách cung cấp các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ cho NH là Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào; Trung tâm Dịch vụ; Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp; Trung tâm Nghiên cứu - Khởi nghiệp sáng tạo; Trung tâm Công nghệ thông tin; Bộ phận một cửa [H10.10.05.01].

Hàng năm, vào cuối mỗi học kỳ, Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng Công tác chính trị HSSV tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của NH về hoạt động giảng dạy của GV, các hoạt động của Nhà trường cũng như chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích [H10.10.05.02]. Quy trình tổ chức hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quyết định số 1307/QĐ-ĐHV quy định công tác lấy ý kiến phản hồi của NH về cán bộ viên chức và các hoạt động của Trường ĐH Vinh. Nhà trường đã xây dựng quy trình lấy ý kiến NH theo hình thức phiếu bằng giấy và hình thức trực tuyến [H10.10.05.03]. 100% các học phần trong CTĐT đều được lấy ý kiến. Nhìn chung, sinh viên có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về các dịch vụ tiện ích phục vụ cho việc học [H10.10.05.04].

Hàng năm, Nhà trường thành lập các tổ công tác kiểm kê phân loại, đánh giá tài sản, trang thiết bị [H10.10.05.05]. Từ kết quả đó, Nhà trường đã đưa ra những giải pháp cụ thể, cải tiến đối với cơ sở vật chất nhằm nâng cao các dịch vụ hỗ trợ tiện ích cho hoạt động dạy và học. Kế hoạch cải tiến sẽ được thực hiện định kỳ trong năm hoặc phòng Quản trị sẽ tiến hành sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị cũ và lập dự toán mua sắm các trang thiết bị mới kịp thời khi có sự đề nghị từ phía các Khoa Viện và có báo cáo kiểm

kê tài sản hàng năm [H10.10.05.06].

Cũng trong hoạt động đánh giá, từ năm học 2015-2016, Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào đã phối hợp với các đơn vị trong trường tổ chức Ngày sách Việt Nam, hội nghị bạn đọc Thư viện và tiến hành thăm dò lấy ý kiến góp ý của bạn đọc về tất cả các ngành. Hàng năm, Thư viện tiến hành kiểm kê đánh giá và bổ sung nguồn tài liệu phục vụ GV và SV-HV. Hệ thống tài liệu tại Thư viện đảm bảo phục vụ cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành KTXD công trình giao thông sử dụng khi nghiên cứu. Nhằm cải tiến chất lượng, nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Kipos) thay cho giải pháp sử dụng thư viện số ILIb. Trung tâm Thông tin - Thư viện đã thực hiện tham gia Liên hiệp thư viện, liên kết mua quyền truy cập sử dụng CSDL PROQUEST CENTRAL và liên kết khai thác CSDL điện tử với Trung tâm TTTV ĐH Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Học liệu trường ĐH Cần Thơ phục vụ tốt công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cán bộ, GV, HV và SV Trường ĐH Vinh [H10.10.05.07].

Về hệ thống công nghệ thông tin, tất cả hệ thống máy tính được nối mạng Internet. Hệ thống mạng Internet và Wifi được phủ sóng và sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và NH. Nhà trường rất coi trọng công tác số hóa trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác quản lý. Nhà trường trang bị đầy đủ hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học của trường. Nhà trường có bộ phận chuyên trách quản trị mạng (Trung tâm Công nghệ thông tin), đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt. Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo LMS để đảm bảo tính chính xác trong quản lý thông tin cá nhân trong quá trình học tập cũng như đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và NH đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Việc nâng cấp, bảo trì và ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin hiện đại phục vụ, hỗ trợ công tác dạy và học được thực hiện nâng cấp thường xuyên nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Trong tháng 7/2021 nhà trường đã phối hợp với Microsoft Việt Nam cung cấp và triển khai sử dụng phần mềm Office 365 Education nhằm cung cấp các dịch vụ tiện ích dựa trên công nghệ điện toán đám mây trong dạy và học [H10.10.05.08].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã có các văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ

hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác.

- Nhà trường đã thực hiện việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ, thường xuyên lắng nghe phản ánh của GV và HV-SV về cơ sở vật chất của trường và sự cải tiến để đáp ứng nhu cầu đào tạo và học tập.

3. Điểm tồn tại

Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng quản trị cần rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, không còn tốt.	Phòng QT&ĐT Thư viện	Năm 2024	
		Thư viện cần đầu tư mua thêm sách chuyên khảo và các tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu CTĐT ThS ngành KTXD.			
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH sau mỗi học kỳ. Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, NH, nhà tuyển dụng)	Nhà trường và khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 10.6: Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

1. Mô tả hiện trạng

Thông tin phản hồi từ các bên liên quan đóng vai trò cốt yếu trong việc cải thiện chất lượng dạy học cũng như tăng cường các hoạt động hỗ trợ NH. Nhà trường và Khoa luôn xem hoạt động lấy ý kiến của các bên liên quan là hoạt động thường niên, không thể thiếu hàng năm và là nguồn thông tin chính thống nhằm phát hiện, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng. Chính bởi vậy, cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường triển khai một cách có hệ thống, liên tục được đánh giá và cải tiến.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan nhằm mục tiêu đảm bảo và cải tiến chất lượng của NH được thực hiện có tính hệ thống cao. Nhà trường quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc trong việc lấy ý kiến của các bên liên quan. Theo quy định, Phòng CTCT-HSSV là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo về thông tin phản hồi của các bên liên quan trong cải tiến, phát triển chương trình dạy học và nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.01]. Quy trình và các kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan được Trường ĐH Vinh ban hành với những hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tới các bộ phận cũng như các đối tượng khảo sát [H10.10.06.02]. Nội dung lấy ý kiến phản hồi bao quát được các hoạt động của Nhà trường, bao gồm lấy ý kiến phản hồi từ NH đối với giảng viên, giáo viên; đối với cán bộ, viên chức hành chính; đối với các hoạt động cơ bản của Nhà trường [H10.10.06.02].

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và cải tiến định kỳ. Phòng CTCT-HSSV là đầu mối tổng kết và đánh giá cơ chế phản hồi của các bên liên quan. Kết quả lấy ý kiến phản hồi đã phản ánh tương đối khách quan, có độ tin cậy về các hoạt động của Nhà trường [H10.10.06.03]. Sau quá trình khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, đơn vị đầu mối tổng hợp bằng văn bản và gửi kết quả khảo sát cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng đơn vị và GV để làm cơ sở điều chỉnh chương trình và hoạt động dạy học [H10.10.06.03].

2. Điểm mạnh

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

3. Điểm tồn tại

- Một số NH chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện đóng góp ý kiến NH nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát theo quy định của Nhà trường.

- Việc khảo sát đối với HV cao học chưa được thực hiện đồng bộ và thường xuyên như đối với SV chính quy.

4. Kế hoạch hành động

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tăng cường tuyên truyền cho NH về trách nhiệm và quyền lợi khi tham gia lấy ý kiến về giảng dạy của GV và các hoạt động của Nhà trường.	Phòng CTCT HSSV	Hàng năm	
		Tổ chức khảo sát ý kiến thường xuyên hơn đối với HV cao học.	Phòng CTCT HSSV, Khoa Xây dựng	Hàng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi của NH sau mỗi học phần/học kỳ.	Phòng CTCT HSSV	Hàng năm	
		Tiếp tục lấy ý kiến rộng rãi các bên (người dạy, NH, nhà tuyển dụng)	Phòng Công tác CT HSSV, Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 10

Việc ĐBCL và nâng cao chất lượng đào tạo trình độ ThS ngành KTXD đã được Nhà trường và Khoa Xây dựng thiết lập một cách bài bản, định kỳ được đánh giá, điều chỉnh và cải tiến để đáp ứng nhu cầu xã hội. Việc thiết kế CTDH được căn cứ vào mục tiêu, CĐR. Thông tin phản hồi từ các bên liên quan là một trong các căn cứ quan trọng để Nhà trường tiến hành điều chỉnh, cải tiến CTĐT. Các kết quả NCKH thường xuyên được ứng dụng để cải tiến việc dạy và học. Bên cạnh đó, quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra đa dạng, linh hoạt đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của NH ở từng học phần theo CĐR. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích đã đáp ứng được nhu cầu của NH, đảm bảo cho việc học tập của HV đạt kết quả tốt nhất. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ dạy và học.

Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra

Mở đầu

Chuyên ngành ThS KTXD được sự quan tâm của nhiều đơn vị quản lý nhà nước, các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng do nhu cầu nhân lực trình độ chuyên sâu ngày càng cao. Việc đánh giá kết quả đầu ra của quá trình đào tạo được coi là thông tin rất quan trọng giúp Nhà trường cải tiến chất lượng, hoạt động ĐBCL và hệ thống ĐBCL.

Kết quả đầu ra quan tâm đến mức độ đạt được các CĐR, tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của NH sau khi tốt nghiệp, mức độ tham gia và kết quả NCKH của NH. Đây là những chỉ số đầu ra quan trọng của quá trình đào tạo, thể hiện hiệu quả của toàn bộ quá trình đào tạo.

Tiêu chí 11.1: Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Khung thời gian học tập của CTĐT ThS được quy định tối đa là 02 năm, việc kéo dài thời gian học tập của HV cao học không quá 02 năm. Trường ĐH Vinh đã ban hành

Quy định về đào tạo trình độ ThS [H11.11.01.01]. Trường quan tâm và tạo điều kiện hỗ trợ để HV có thể hoàn tất CTĐT trong thời gian quy định. Mỗi khóa học, Trường có quyết định phân công lớp trưởng và Khoa phân công Trợ lý đào tạo đảm nhận trao đổi thông tin giữa lớp và Khoa, trong đó có nội dung tiếp nhận và xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo: HV nghỉ học tạm thời, chuyển cơ sở đào tạo, gia hạn thực hiện luận văn. Các trường hợp này, sau khi xử lý theo trình tự quy định, được lưu hồ sơ ở văn phòng Khoa và Phòng Đào tạo sau ĐH [H11.11.01.02]. Mỗi lớp học phần cao học đều có ban cán sự lớp, do tập thể lớp bầu ra [H11.11.01.03]. Ban cán sự đóng vai trò cầu nối giữa tập thể lớp với GV, viên chức quản lý và các bộ phận hỗ trợ; trong đó có việc nắm bắt tình hình học tập của HV.

Sau mỗi năm học, Trợ lý đào tạo và văn phòng Khoa thống kê tình hình kết quả học tập và số lượng HV thôi học. Tình hình HV gia hạn luận văn (tối đa một năm) được theo dõi và quản lý chặt chẽ. Định kỳ, Trường tiến hành xem xét và xử lý học vụ, cho thôi học các HV không hoàn thành nhiệm vụ học tập, kéo dài thời gian học tập quá thời hạn quy định [H11.11.01.04]. Trước khi xử lý học vụ, Trường ra thông báo danh sách và tiếp nhận thông tin phản hồi từ NH về nguyên nhân không hoàn thành nhiệm vụ [H11.11.01.05].

Khóa đào tạo đầu tiên (K25) ngành KTXD có tỷ lệ tốt nghiệp 95,65%. Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn bình quân đạt gần 100% trên số tốt nghiệp. Nguyên nhân chính của việc kéo dài tiến độ học tập và thôi học là do sắp xếp thời gian làm việc và gia đình của cá nhân học viên.

Bảng 11.1. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2017-2023 ngành KTXD

TT	Năm tốt nghiệp (khóa)	SL HV nhập học	Tỉ lệ HV thôi học %	Trong đó, tỉ lệ thôi học (%)			
				<i>Năm thứ 1</i>	<i>Năm thứ 2</i>	<i>Năm thứ 3</i>	<i>Năm thứ 4</i>
1	2017-2018	45	0	0	0	0	0
2	2018-2019	27	0	0	0	0	0
3	2019-2020	15	0	0	0	0	0
4	2020-2021	10	0	0	0	0	0
5	2021-2022	7	0	0	0	0	0

Bảng 11.2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2017-2023 ngành KTXD

TT	Năm tốt nghiệp (khóa)	SL HV nhập học	Tỷ lệ HV tốt nghiệp %	Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp (%)			
				Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6 trở đi
1	2017-2018	45	80	0	0	80	20
2	2018-2019	27	82	0	0	82	18
3	2019-2020	15	83	0	0	83	17
4	2020-2021	10	83	0	0	83	17
5	2021-2022	7	85	0	0	85	15

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn toàn khóa của ngành KTXD chiếm trung bình 82%. Các nguyên nhân dẫn đến 18% HV chưa tốt nghiệp là do điều kiện ràng buộc về chứng chỉ ngoại ngữ, lý do gia đình và sắp xếp công việc. 100% sinh viên đều đã tích lũy hoàn thành các học phần trong khung CTĐT. Điều này chứng tỏ Nhà trường và Khoa đã thực hiện nhiều biện pháp thường xuyên, tích cực hỗ trợ NH hoàn thành CTĐT, đã thực hiện giám sát và cải tiến kết quả đào tạo của ngành KTXD.

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có hệ thống quản lý và hỗ trợ sinh viên đến cấp Khoa/Viện, có các quy định, quy trình cụ thể và phần mềm hỗ trợ để xác lập, giám sát tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học nhằm mục đích cải tiến chất lượng.

- Có tìm hiểu, phân tích nguyên nhân thôi học.

3. Điểm tồn tại

- Chưa đề xuất các biện pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học.

- Tiếng Anh chưa đạt yêu cầu tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục	Khoa tiến hành tổng hợp nguyên nhân thôi học và tỷ lệ thôi học	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

	tồn tại	tương ứng; từ đó phân tích và đề xuất giải pháp giảm thiểu tỷ lệ thôi học.			
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện phân tích, dự đoán xu thế tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học từ năm học 2022 - 2023, do Khoa Xây dựng (đầu mối) phối hợp với phòng Đào tạo SDH.	- Phòng DDT SDH; - Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 11.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Thời gian đào tạo và nghiên cứu trong Trường ĐH Vinh của HV cao học ngành KTXD được quy định tối đa 2 năm và tối đa không quá 4 năm để tốt nghiệp [H11.11.01.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của từng khóa học được Khoa thường xuyên thiết lập và giám sát nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp để cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ NH. Bảng 11.3 thể hiện tỉ lệ tốt nghiệp trung bình của ngành KTXD.

Bảng 11.3. Thời gian tốt nghiệp trung bình GD 2017-2023 ngành KTXD

TT	Năm tốt nghiệp Năm(khoá)	SL HV nhập học	SL HV tốt nghiệp	Thời gian TN trung bình	Trong đó, số lượng HV tốt nghiệp (%)			
					Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5	Năm thứ 6
1	2017-2018	45	36	5	0	0	80	20
2	2018-2019	27	22	5	0	0	82	18
3	2019-2020	15	13	5	0	0	83	17
4	2020-2021	10	8	5	0	0	83	17
5	2021-2022	7	6	5	0	0	85	15
	Cộng	104	85	5	0	0	82,6	17,4

Để giám sát và cải thiện thời gian tốt nghiệp trung bình của khóa học, Nhà trường và Khoa đã thực hiện thống kê tình hình kết quả học tập của NH, tìm hiểu và phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để hỗ trợ kịp thời NH nhằm giảm tối đa thời lượng

học tập. Trên cơ sở phân tích nguyên nhân chậm tốt nghiệp, Khoa đã thực hiện một số biện pháp nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của NH:

- Đối với HV chậm tiến độ Luận văn cao học: Khoa thường xuyên liên hệ và nhắc nhở GV hướng dẫn gấp gờ trao đổi, hướng dẫn cụ thể để HV có thể hoàn thành LV đúng quy định.

- Đối với HV còn nợ chứng chỉ tiếng Anh: Khoa động viên và tư vấn cho HV có phương pháp ôn tập và thi hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát, được đối sánh giữa các khóa đào tạo. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát NH được triển khai đồng bộ, kịp thời. Các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả hỗ trợ NH hoàn thành CTĐT đúng thời hạn quy định.

3. Điểm tồn tại

- Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của HV. - Rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp. - Sử dụng công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân	- Trợ lý đào tạo - Hội đồng đào tạo khoa - Phòng Đào tạo SDH	Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của NH đảm bảo tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn.	- TL Đào tạo - Phòng Đt SDH	Từ năm 2024	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 11.3: Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

1. Mô tả hiện trạng

Đặc thù của CTĐT trình độ ThS nói chung và chuyên ngành QTKD nói riêng là NH đại đa số là người đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị. Do đó, mối quan tâm của NH không phải là việc làm, mà là nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong lĩnh vực công tác, và đáp ứng yêu cầu của vị trí công tác.

Trường đã xây dựng cơ sở dữ liệu về thông tin HV, trong đó có nội dung đơn vị công tác và vị trí công tác [H11.11.03.01]. Các thông tin này là cơ sở để Trường tiến hành khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về những năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm mà NH đạt được sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.02]; cũng như khảo sát cựu HV về những tiến bộ trong kiến thức và kỹ năng, những cải thiện về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học [H11.11.03.03].

Kết quả khảo sát sau mỗi khóa học được sử dụng như là một cơ sở để điều chỉnh chính sách tuyển sinh hàng năm cho các khóa sau. Qua khảo sát, gần 70% số HV phản hồi TĐG là cải thiện cơ hội tìm kiếm việc làm tốt hơn việc làm hiện tại; hơn 70% có cơ hội thăng tiến cao hơn tại đơn vị công tác [H11.11.03.04].

Cho đến nay, theo số liệu công bố công khai của các cơ sở ĐTSĐH, về mặt chủ quan, Trường chưa có số liệu về tỷ lệ có việc làm hoặc cải thiện cơ hội làm việc của các cơ sở khác, nên chưa thể tiến hành đối sánh tỷ lệ tương ứng của mình.

2. Điểm mạnh

Có khảo sát NH tốt nghiệp về cải thiện cơ hội việc làm sau tốt nghiệp trong thời gian đánh giá. Có khảo sát nhà tuyển dụng về cải thiện năng lực NH sau tốt nghiệp. Có số liệu tin cậy về việc làm của NH. Có tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục.

3. Điểm tồn tại

Việc tìm kiếm dữ liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường ĐH khác trong và ngoài nước để đối sánh với ngành KTXD của Khoa gặp khó khăn vì vậy việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Phòng ĐTSĐH phối hợp với Khoa quản lý CTĐT tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường ĐH khác để đối sánh với ngành KTXD.	- Phòng ĐT SDH - Trung tâm DV, HTSV & QHDN - Khoa Xây dựng	Hàng năm, kể từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi, cung cấp thông tin vị trí việc làm của HV đã tốt nghiệp.	Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 4/7

Tiêu chí 11.4: Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Hoạt động NCKH của NH luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư đúng mức của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường và Khoa Xây dựng. Các hoạt động nghiên cứu của HV cao học được quy định trong quá trình học và luận văn ThS. Hoạt động nghiên cứu trong quá trình học gắn với yêu cầu, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá; cụ thể là tiến hành lược khảo các nghiên cứu trước (literature reviews) theo các hướng nghiên cứu trong học phần, viết tiểu luận nhóm, tiểu luận cá nhân về các vấn đề nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu này được GV đánh giá, thể hiện trong điểm quá trình hoặc điểm kết thúc học phần, tùy theo học phần cụ thể [H11.11.04.01]. Thông qua các hoạt động này, HV có thể thực hành những kiến thức đã được học trong các học phần về phương pháp nghiên cứu [H11.11.04.02], đồng thời chuẩn bị cho việc lựa chọn hướng nghiên

cứu để thực hiện luận văn ThS. Một quy định của CTĐT trình độ ThS là HV bắt buộc phải thực hiện luận văn ThS, và luận văn ThS theo quy định là một báo cáo khoa học [H11.11.04.03]. Luận văn ThS do HV thực hiện, nếu người hướng dẫn khoa học thấy đáp ứng yêu cầu sẽ đề nghị cho bảo vệ, và luận văn sẽ được đánh giá tại Hội đồng đánh giá luận văn. Trình tự, thủ tục, hồ sơ của quá trình thực hiện luận văn ThS được quy định và tuân thủ nghiêm túc [H11.11.04.04]. Luận văn sau khi đã hoàn tất chỉnh sửa bảo vệ được lưu bản cứng và file mềm tại Thư viện Trường để lưu trữ và cho bạn đọc tham khảo. Danh sách luận văn ThS đã thực hiện được tổng hợp theo khóa đào tạo [H11.11.04.05].

Ngoài ra, hoạt động NCKH của GV và HV Khoa Xây dựng còn thể hiện ở các đề tài nghiên cứu các cấp [H10.10.04.03], công bố các bài báo trên các tạp chí uy tín thuộc danh mục WoS/Scopus [H10.10.04.04] và các bài báo thuộc tạp chí chuyên ngành trong nước [H10.10.04.05]. Trong giai đoạn 2018-2023, có 6 đề tài NCKH các cấp có sự tham gia của HV cao học, có 10 bài báo quốc tế và trong nước được công bố; có 1 đề tài NCKH đạt giải Nhất của Trường và gửi đi dự thi cấp Bộ GD và ĐT. Bên cạnh đó, có rất nhiều Hội thảo và Seminar khoa học được tổ chức có sự tham gia của HV cao học ngành KTXD [H11.11.04.06].

Cho đến nay, do hạn chế về dữ liệu công bố công khai từ các cơ sở ĐTSĐH khác, về mặt chủ quan, Trường chưa thể đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của HV với các cơ sở đào tạo khác.

2. Điểm mạnh

Có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, luận văn) và số lượng các hoạt động NCKH cho NH tương thích với mục tiêu và CĐR của CTĐT. Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của NH.

3. Điểm tồn tại

- Tỷ lệ HV tham gia NCKH chưa cao.
- Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, người thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	- Khuyến khích và tạo điều kiện để số lượng HV tham gia nhiều hơn nữa các hoạt động NCKH. - Phòng ĐTSĐH phối hợp với Khoa quản lý CTĐT tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế khi có thông tin tương ứng từ bên ngoài.	- Phòng ĐT SĐH - Khoa Xây dựng	Hàng năm, từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường các đề xuất NCKH phù hợp với xu thế phát triển của thời đại và phù hợp với chiến lược phát triển KHCN của Trường.	- Phòng KHTC - Khoa Xây dựng	Hàng năm	

5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí 5/7

Tiêu chí 11.5: Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. Mô tả hiện trạng

Mức độ hài lòng của các BLQ là một thang đo của chất lượng dịch vụ (Theo Parasuraman, 1998). Bên cạnh đối tượng NH, Trường xác định các BLQ chính yếu khác là GV, nhà tuyển dụng, viên chức quản lý. Nhằm đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã ban hành quy định khảo sát ý kiến của các BLQ [H11.11.05.01]. Trong quy định này, đối với CTĐT chuyên ngành KTXD trình độ ThS,

việc khảo sát NH được giao cho Phòng QL HSSV và ĐT SDH. Nội dung khảo sát bao gồm: (1) NH đánh giá chất lượng giảng dạy của GV vào mỗi học kỳ; (2) đánh giá chất lượng khóa học dành cho NH năm cuối [H11.11.05.02].

Cũng theo quy định trên, hằng năm, sau khi kết thúc khóa đào tạo, phòng QL HSSV và ĐT SDH tiến hành khảo sát chất lượng đào tạo từ các BLQ chính: (1) cựu HV cao học – khảo sát việc làm và chất lượng khóa học; (2) nhà tuyển dụng – khảo sát về chất lượng đào tạo ThS; (3) GV – khảo sát về CTĐT [H11.11.05.03]. Khảo sát gần nhất cho thấy hơn 80% NH phản hồi hài lòng về chất lượng CTĐT của Trường.

Kết quả khảo sát từ phía các BLQ là một kênh thông tin quan trọng để Khoa, Bộ môn và Tổ rà soát CTĐT tiến hành xem xét, đánh giá, cập nhật, bổ sung CTĐT theo định kỳ [H11.11.05.04]; đồng thời cũng là cơ sở để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hàng năm [H11.11.05.05].

2. Điểm mạnh

- Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CDR của Ngành.

3. Điểm tồn tại

- Cơ sở dữ liệu hiện tại đang hạn chế.

- Chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ.

4. Kế hoạch hành động

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/người thực hiện	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Ghi chú

1	Khắc phục tồn tại	Trung tâm HTSV & QHDN tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu HV, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.	- Trung tâm HTSV&QHDN - Phòng CTCT-HSSV; - Khoa Xây dựng	Từ năm 2024	
2	Phát huy điểm mạnh	Thực hiện định kỳ, thường xuyên và xử lý đầy đủ thông tin phản hồi cho mục đích cải tiến chất lượng CTĐT và nâng cao chất lượng các hoạt động đào tạo của nhà trường.	Bộ phận ĐBCL, các GV Khoa/Viện	Hàng năm	

5. *Tự đánh giá:* Mức đạt của tiêu chí 4/7

Kết luận về Tiêu chuẩn 11

Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:

- Nhà trường, Phòng ĐT SDH và Khoa đã phối hợp chặt chẽ và đồng bộ để kiểm soát tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của HV cao học, có các biện pháp cải tiến kịp thời giúp giảm thiểu tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ HV tốt nghiệp đúng thời hạn.

- Hàng năm, Phòng ĐT SDH, Khoa và Trường đã tiến hành thống kê, theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của HV ngành KTXD một cách có hệ thống. Phân tích, đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân để có nhiều biện pháp đa dạng nhằm hỗ trợ tích cực HV tốt nghiệp đúng tiến độ.

- Nhà trường đã xác lập một hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan với các quy trình, biểu mẫu rõ ràng, có bộ phận chịu trách nhiệm chính; Thông tin thu nhận được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm; Các kết quả khảo sát thu được, được Khoa và Trường sử dụng để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải

tiền chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, HV, cơ sở vật chất, phục vụ cộng đồng, ...

Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:

- Chưa tổ chức tổng kết/đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp.
- Việc tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường ĐH khác trong và ngoài nước để đối sánh với ngành KTXD của Khoa gặp khó khăn vì vậy việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến.
- Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.
- Chưa có phương pháp/công cụ giám sát khách quan việc thu thập thông tin phản hồi của các BLQ.

-

PHẦN III. KẾT LUẬN

Khoa Xây dựng, Trường ĐH Vinh đã triển khai TĐG CTĐT ThS ngành KTXD. Đây là hoạt động được Nhà trường triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Khoa Xây dựng. Để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; trung tâm NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ với tầm nhìn trường ĐH trọng điểm, thành viên của Mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á thì việc đánh giá các chương trình là tất yếu, trong đó có CTĐT ThS ngành KTXD, nhằm không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho NH; nâng cao hiệu quả của hệ thống ĐBCL và tham gia kiểm định chất lượng định kì.

1. Tóm tắt những điểm mạnh và những điểm cần phát huy của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT ThS ngành KTXD được xây dựng một cách khoa học, phù hợp với sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường, phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục ĐH; được xác định và mô tả rõ ràng trong Bản mô tả, có Quyết định ban hành và được công khai trên website của Nhà trường; được định kì rà soát, chỉnh sửa và bổ sung. CĐR của CTĐT ThS ngành KTXD được xác định rõ ràng làm căn cứ để xây dựng và phát triển CTĐT. Hoạt động dạy học và đánh giá kết quả NH được xác định rõ ràng bởi các (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; và (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. CĐR của đã được xây dựng một cách khoa học, có chú trọng đến ý kiến đóng góp của các bên liên quan. CĐR cơ bản phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, có nhấn mạnh đến vị trí việc làm và khả năng học tập của NH sau khi tốt nghiệp. CĐR được công bố công khai rộng rãi là cơ sở để học viên xây dựng kế hoạch học tập cho toàn khóa học, phản ánh sứ mạng của Nhà trường.

Bản mô tả CTĐT ThS ngành KTXD đã trình bày đầy đủ các nội dung và thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện chương trình giảng dạy, hỗ trợ NH trong quá trình đào tạo, đảm bảo các yêu cầu trong công tác quản lý. Bản mô tả CTĐT ThS ngành KTXD cũng thường xuyên được cập nhật về nội dung và hình thức nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ đào tạo và nhu cầu xã hội.

Các học phần trong CTĐT ThS ngành KTXD có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện cụ thể trong ma trận môn học - CĐR và phân nhiệm ma trận ITU. Nội dung các học phần trong CTDH thể hiện việc đạt được CĐR và được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và NH nắm rõ trên hệ thống website của nhà trường. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và NH của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa đào tạo thứ 58 của Nhà trường.

Khoa Xây dựng đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của học viên cũng như việc thực tập tại các công trường, doanh nghiệp. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Khoa Xây dựng thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát triển tính tích cực, sáng tạo của NH, phát triển năng lực học sinh, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng công tác dạy và học để đạt được CĐR.

Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Nhà Trường và Khoa Xây dựng đưa ra đã tạo động lực cho học viên cao học ngành KTXD rèn luyện các kỹ năng, giúp học viên có thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong học tập, trong cuộc sống, giúp cho học viên tự tin hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm nhằm hỗ trợ NH rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

Việc đánh giá kết quả học tập của CTĐT ThS ngành KTXD đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của . Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có những điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn công việc của NH sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về KTĐG kết quả học tập của NH theo CTĐT ThS ngành KTXD là rõ ràng, đúng kế hoạch và được thông báo công khai tới NH. Công tác đánh giá kết quả học tập của NH được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy

trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa trên CDR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Khoa và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các ThS, TS, các khóa đào tạo tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo,...).

Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Khoa được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

Trường ĐH Vinh có bề dày về kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Khoa được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh CTĐT ThS ngành KTXD được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tin đại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. Các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Khoa.

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của NH. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của NH được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của NH. Các hoạt động tư vấn học tập được triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của học viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được học viên thuộc CTĐT ThS ngành KTXD hưởng ứng tích cực; giúp học viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

NH được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp. Có phòng tự học cho học viên ThS ngành KTXD, có các doanh nghiệp đối tác cho học viên tham quan thực tập rèn luyện kỹ năng, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Anh đáp ứng cơ bản nhu cầu cho NH và giảng viên. Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và tải cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và NH.

Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho NH, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và học viên ngành KTXD nói riêng và toàn trường nói chung.

Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng

và điều chỉnh CTĐT.

Hoạt động lấy ý kiến NH về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Khoa đã có hợp tác chặt chẽ với các cơ sở thực tập và đã nhận được các ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của NH. Nhà trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường đã có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu học viên và học viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Quá trình dạy học, đánh giá kết quả học tập NH ngày càng được tổ chức và thực hiện bài bản và có chất lượng. Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo tín chỉ và quy định chung của Trường ĐH Vinh, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học nhưng đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và NH.

Khoa Xây dựng chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên trong Khoa; Khoa Xây dựng đã tổ chức tham dự giờ giảng của các giảng viên để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Khoa Xây dựng có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như SV trong khoa phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học ngành KTXD. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí trong và ngoài nước có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn là phục vụ công tác giảng dạy; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

Cơ chế phản hồi của các bên liên quan đã được Nhà trường và Khoa thiết lập có

tính hệ thống với đa dạng đối tượng và hình thức khảo sát một cách công khai, minh bạch. Cơ chế lấy ý kiến phản hồi được Nhà trường và Khoa thực hiện đầy đủ quy trình đánh giá, cải tiến chất lượng của các hình thức tổ chức & thông tin thu thập được từ các bên liên quan cũng như liên tục được cải tiến.

Trường có đơn vị chuyên trách về các hoạt động hỗ trợ NH tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho NH. Kết quả khảo sát các bên liên quan về các hoạt động của Nhà trường, mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát là cơ sở để Khoa và Nhà trường nâng cao chất lượng dạy học, NCKH.

Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Khoa và Trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến và CĐR của Ngành.

2. Tóm tắt những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của CTĐT

Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu còn hạn chế. Quá trình khảo sát thị trường lao động chưa được toàn diện, rộng rãi, hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa được thường xuyên và đầy đủ.

Quá trình cập nhật có tham chiếu và đối sánh với trong nước nhưng chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, các cơ sở đào tạo vẫn chưa thực sự được họ chú ý và quan tâm để góp ý cho CTĐT.

Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) nên vẫn còn có sự chông chéo về kiến thức giữa một vài môn học để đáp ứng CĐR. Có môn học phục vụ quá nhiều CĐR và cũng còn một số CĐR có ít môn học đảm nhiệm.

Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Khoa chưa hiệu quả tới đa tới các bên liên quan. Học viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp tiếp cận dạy và học.

Cơ chế phản hồi của NH về đánh giá kết quả học tập tuy đa dạng nhưng chưa được thực hiện thường xuyên trong suốt học kỳ (mới chỉ tập trung khảo sát vào thời

điểm đầu kỳ học và cuối kỳ học).

Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp so với đặc thù của ngành học. Việc đánh giá độ giá trị, độ tin cậy còn chưa thực sự có tính chuyên nghiệp.

Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị ĐH hướng đến ĐBCL toàn diện, về kỹ năng xây dựng hướng tới đạt được CDR của các học phần của chuyên khoa.

Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ có tăng dần theo từng năm nhưng vẫn còn ít so với chi cho các đối tượng khác.

Nhà Trường chưa có quy trình xây dựng tiêu chí và phương pháp tuyển chọn NH trên cơ sở góp ý của các bên liên quan. Tiêu chí, phương pháp tuyển chọn NH, trong đó có NH của CTĐT ThS ngành KTXD chưa được rà soát, đánh giá hàng năm.

Cơ hội việc làm của học viên CTĐT ThS ngành KTXD trong thời điểm hiện tại là cao, nhu cầu xã hội đáp ứng tốt việc tuyển dụng việc làm của học viên ngành KTXD nên Khoa và Bộ môn chưa quá chú trọng công tác hỗ trợ và tìm kiếm việc làm cho học viên sau khi ra trường.

Học viên tham gia CTĐT ThS ngành KTXD chưa có phòng sinh hoạt riêng, phòng semina số lượng còn ít, cơ bản sử dụng văn phòng khoa và phòng học nên đôi khi việc bố trí kế hoạch sinh hoạt chuyên môn còn chưa tiện lợi.

Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của SV, GV CTĐT ThS ngành KTXD chưa đa dạng, Tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính còn chưa ổn định, đôi lúc còn gây gián đoạn hoạt động đào tạo của giảng viên và NH.

Việc đánh giá chất lượng giảng dạy từ ý kiến NH, đồng nghiệp; lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng dạy - học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp giữa và CDR chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học.

Việc thực hiện cải tiến chất lượng ở một số bộ phận dịch vụ hỗ trợ chưa thực sự toàn diện. Một số phản hồi của các bên liên quan về cơ sở vật chất, tiện ích chưa thể kịp thời đáp ứng do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của

Nhà trường.

Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số NH chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến NH nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó) việc khảo sát GV theo quy định của Nhà trường nhưng phần mềm CMC chưa thống kê, tổng hợp được. Chưa thực hiện phân tích, dự đoán xu hướng tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học; chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc SV chậm tốt nghiệp.

3. Tóm tắt kế hoạch cải tiến chất lượng của CTĐT

Khắc phục những tồn tại ở trên, nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ThS ngành KTXD, cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

Tiến hành khảo sát các bên liên quan về Mục tiêu của một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan. Thu thập đầy đủ thông tin phản hồi từ học viên, cựu học viên và các đơn vị sử dụng lao động tích cực hơn. Tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả từ phía doanh nghiệp, cơ quan quản lý và các đơn vị sử dụng lao động cụ thể mời chuyên gia, nhà tuyển dụng tham gia vào việc xây dựng, đánh giá và kết quả đầu ra của học viên.

Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CĐR, xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, chỉnh sửa :

- + Hàng năm, Khoa cần xây dựng kế hoạch khảo sát, quy trình và công cụ; điều chỉnh nội dung phiếu khảo sát; bổ sung phương pháp khảo sát. Mở rộng quy mô khảo sát đặc biệt chú trọng lấy ý kiến của các nhà sử dụng lao động;

- + Căn cứ vào kế hoạch xây dựng và phát triển CĐR, hàng năm của Nhà trường, Hội đồng KHĐT Khoa cần thực hiện việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật CĐR để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan và nâng cao chất lượng đào tạo;

- + Mở rộng hình thức công bố công khai CĐR như thông qua các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram, Zalo, Youtube... bên cạnh các kênh truyền thống như website, tờ rơi quảng bá, cẩm nang SV và truyền hình.

Đối sánh CĐR của với các khác trong và ngoài nước một cách chi tiết. Chủ động rà soát CTDH trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan (nhà sử dụng lao động,

GV, NH, cựu NH...).

Đối sánh CDR của với các khác trong và ngoài nước một cách chi tiết.

Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương môn học đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng.

Rà soát lại phân nhiệm cho các môn học, đảm bảo không bị chồng chéo về kiến thức cũng như lượng hóa được lượng kiến thức ở các môn học để cùng đáp ứng một CDR. Đồng thời, khi xây dựng đề cương cũng như bài giảng chương trình các môn học cần căn cứ vào CDR chung của ngành để tránh trùng lặp hoặc bỏ sót các yêu cầu của CDR CTĐT ThS ngành KTXD. Định kỳ rà soát, điều chỉnh để các học phần đạt được CDR của .

Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong nước và nước ngoài và việc chỉnh sửa bổ sung các học phần trong cần có sự tham gia sâu hơn nữa của các bên liên quan.

Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp dạy học tích hợp cho giảng viên và sinh viên.

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, trao đổi với sự tham gia trực tiếp của học viên về những bất cập và cải cách, đổi mới các PPDH theo tiếp cận CDIO;

Mở hòm thư tự động hay kênh góp ý trực tiếp để lắng nghe những vướng mắc của NH và giải đáp một cách kịp thời.

Thực hiện đánh giá hiệu quả việc triển khai quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực với tất cả các học phần của .

Khoa tiến hành bổ sung việc khảo sát lấy ý kiến NH vào thời điểm giữa kỳ học để hoàn thiện và phát triển quy trình phù hợp với nội dung và đối tượng đánh giá.

Thực hiện rà soát thường xuyên để đảm bảo tính phù hợp giữa hình thức đánh giá của các nội dung/học phần. Từng bước xây dựng các phương pháp đánh giá về độ giá trị, độ tin cậy một cách chuyên nghiệp.

Cần thực hiện thông báo kết quả học tập NH đến gia đình sau mỗi kỳ học. Cần hoàn chỉnh hệ thống quản lý học tập LMS để đảm bảo kiểm soát được việc công bố, phản hồi kết quả học tập của NH trong quá trình học.

Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng để đảm bảo thuận lợi cho SV trong việc tra cứu, phản hồi kết quả học tập. Thông báo kết quả khiếu nại của SV về kết quả

học tập trên website của nhà trường

Trợ lý Đào tạo, Cố vấn học tập xây dựng và hoàn thiện quy định, quy chế phối hợp trong công tác hỗ trợ người học để xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo nhanh, gọn và hiệu quả hơn.

Xây dựng quy hoạch và kế hoạch làm PGS, học NCS cho các GV, nghiên cứu viên.

Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên;

Tăng cường đầu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước, tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế.

Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ theo vị trí việc làm.

Tăng ngân sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Tạo điều kiện về thời gian để cán bộ hỗ trợ có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tạo điều kiện cho đội ngũ nhân viên tham gia sáng kiến kinh nghiệm, NCKH.

Tiếp tục thực hiện khảo sát ý kiến của NH về chính sách tuyển sinh của Trường.

Phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh.

Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho SV về kết quả học tập và rèn luyện.

Bố trí nhiều phòng tự học cho học viên tại các giảng đường A, B, D. Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm các phòng sinh hoạt chuyên môn, phòng xê mi na, phòng tập giảng cho SV CTĐT ThS ngành KTXD nói riêng và các bộ môn/ngành trong Trường ĐH Vinh nói chung.

Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. Cải thiện tốc độ mạng Internet tại các phòng học máy tính.

Tổ chức nhiều Hội nghị trao đổi giữa Khoa với nhà tuyển dụng, chuyên gia và cựu học viên để có những cải tiến trong công tác tổ chức đào tạo.

Lập danh mục học liệu, đề nghị Nhà trường mua thêm các giáo trình, tài liệu tham khảo

Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học với CTĐT ThS ngành KTXD của các trường ĐH trong nước và quốc tế từ năm học 2024-2025, do Khoa Xây dựng làm đầu mối.

Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của học viên CTĐT ThS ngành KTXD.

Tăng cường khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và khảo sát việc làm của SV tốt nghiệp ở diện rộng và thêm nhiều đối sánh.

Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu học viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo kết quả khảo sát cho Khoa các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2024



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

4. Tổng hợp kết quả TĐG

Tên cơ sở giáo dục: Trường ĐH Vinh

Mã: TDV

Tên : Cao học KTXD

Mã: 8580201

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chuẩn 1								5,00	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3					5					
Tiêu chuẩn 2								5,00	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2					5					
Tiêu chí 2.3					5					
Tiêu chuẩn 3								5,00	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
Tiêu chuẩn 4								5,00	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2					5					
Tiêu chí 4.3					5					
Tiêu chuẩn 5								5,00	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2					5					
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					
Tiêu chí 5.5					5					
Tiêu chuẩn 6								5,14	7	100
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2					5					
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4						6				
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7					5					
Tiêu chuẩn 7								5,00	5	100
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
	1	2	3	4	5	6	7			
Tiêu chí 7.5					5					
Tiêu chuẩn 8										
Tiêu chí 8.1					5			4,80	5	100
Tiêu chí 8.2					4					
Tiêu chí 8.3					5					
Tiêu chí 8.4					5					
Tiêu chí 8.5					5					
Tiêu chuẩn 9										
Tiêu chí 9.1						6		5,20	5	100%
Tiêu chí 9.2					5					
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					
Tiêu chí 9.5					5					
Tiêu chuẩn 10										
Tiêu chí 10.1					4			4,33	6	100
Tiêu chí 10.2					4					
Tiêu chí 10.3					4					
Tiêu chí 10.4					5					
Tiêu chí 10.5					5					
Tiêu chí 10.6					5					
Tiêu chuẩn 11										
Tiêu chí 11.1					5			5,00	5	100
Tiêu chí 11.2					5					
Tiêu chí 11.3					4					
Tiêu chí 11.4					4					
Tiêu chí 11.5					4					
Đánh giá chung								4,88	50	100

Nghệ An, ngày 15 tháng 01 năm 2024


HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHẦN IV. PHỤ LỤC

1) Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CTĐT ThS ngành KTXD

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 30/12/2023

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Trường ĐH Vinh
 - Tiếng Anh: Vinh University
2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục
 - Tiếng Việt: TDV
 - Tiếng Anh: VinhUni
3. Tên trước đây (nếu có): Trường ĐH Sư phạm Vinh
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo
5. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 038 3855 452; Số fax: 038 3855 269
E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: www.vinhuni.edu.vn
7. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập ☒
Bán công ☐
Dân lập ☐
Tư thực ☐
11. Loại hình khác:

II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện CTĐT

12. Tên Khoa thực hiện (theo Quyết định thành lập)
 - Tiếng Việt: Khoa Xây dựng
 - Tiếng Anh: Department of Civil Engineering
13. Tên viết tắt của Bộ môn thực hiện :
 - Tiếng Việt: KTXD
 - Tiếng Anh: Civil Engineering
14. Tên trước đây (nếu có): Khoa Công nghệ
15. Mã : 8580201

16. Tên

- Tiếng Việt: KTXD trình độ ThS
- Tiếng Anh: Matter Civil Engineering

17. Địa chỉ của Khoa thực hiện : Tầng 1, Nhà A0 Trường ĐH Vinh, số 182, Lê Duẩn, Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

18. Số điện thoại liên hệ: (0238) 3552497; Số fax: (0238) 3552497

E-mail: khoaxd@vinhuni.edu.vn;

Website: <http://khoaxaydung.vinhuni.edu.vn/>

19. Năm thành lập Khoa (theo Quyết định thành lập): 2002

20. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của): 2016

21. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của): 2018

III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện CTĐT

22. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của đơn vị thực hiện (nêu tóm tắt các giai đoạn phát triển, tổng số ngành, chương trình,... quan hệ hợp tác, thành tích nổi bật):

Khoa Công nghệ - Trường ĐH Vinh được thành lập theo quyết định số 1715/BGD&ĐT-TCCB ngày 17 tháng 04 năm 2002. Đây là tiền thân của Khoa Xây dựng ngày nay. Trong thời gian qua, các thế hệ cán bộ, giảng viên và học viên Khoa Xây dựng - Trường ĐH Vinh đã cố gắng phấn đấu không ngừng nhằm xây dựng và phát triển Khoa ngày càng vững mạnh.

Về quy mô đào tạo: Sau hơn 20 năm xây dựng và trưởng thành, Khoa Xây dựng có số lượng học viên đông đảo với 04 ngành đào tạo trình độ ĐH, bao gồm KTXD, KTXD công trình giao thông, kỹ thuật công trình thủy và kinh tế xây dựng; 01 ngành đào tạo trình độ cao học. Hiện nay tổng số học viên của hai hệ chính quy và tại chức là hơn 1500 học viên và quy mô đào tạo tăng lên theo từng năm.

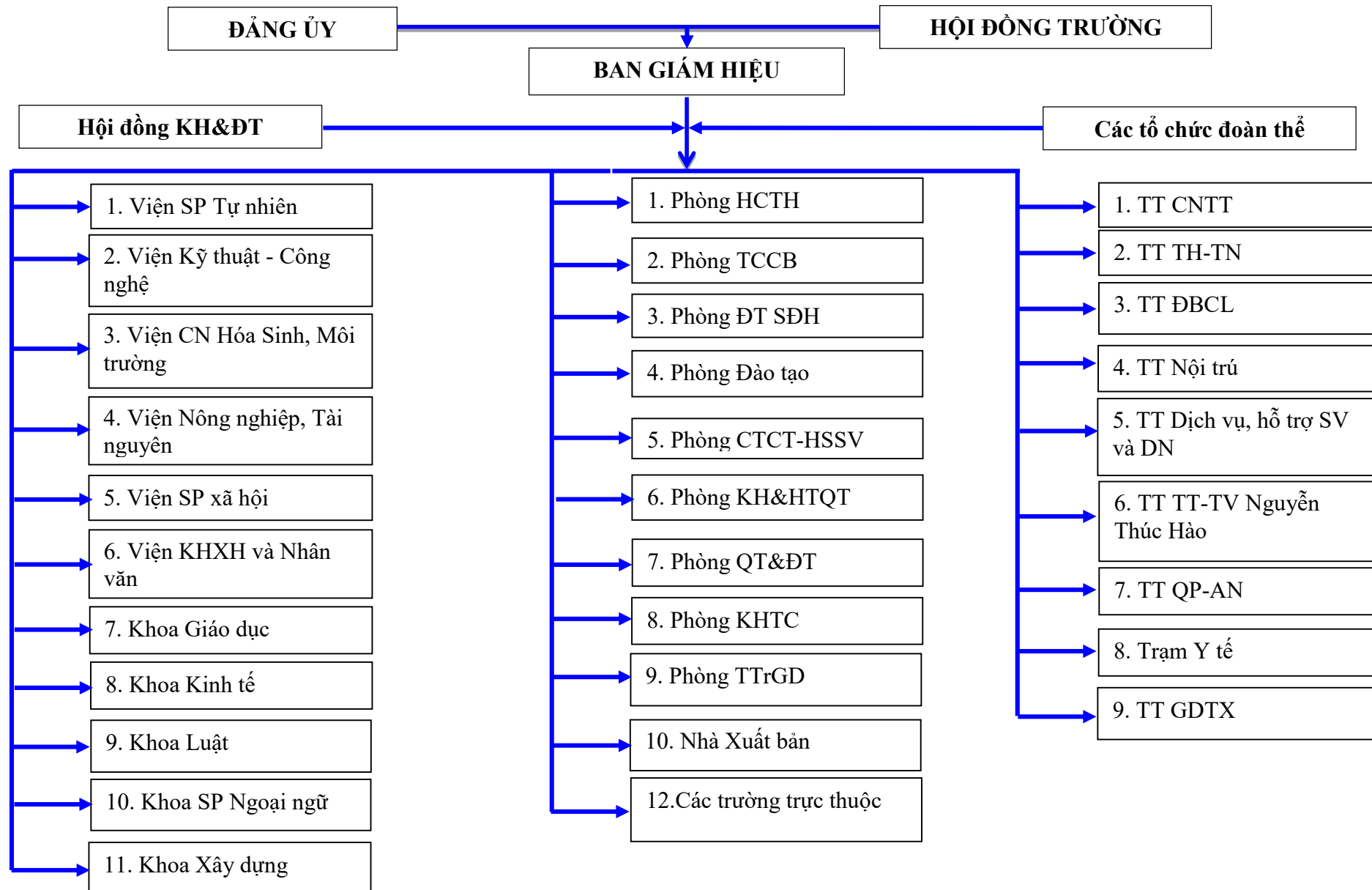
Về đội ngũ cán bộ: Khoa Xây dựng hiện nay có đội ngũ cán bộ giảng dạy hầu hết tuổi đời dưới 45 tuổi. Tổng số cán bộ giảng dạy của Khoa Xây dựng là 45 cán bộ, trong đó có 18 TS, 10 nghiên cứu sinh và 27 ThS. Nhiều cán bộ giảng dạy của Khoa sau khi được đào tạo ở các nước phát triển trở về đã có cống hiến rõ rệt cho chất lượng đào tạo và NCKH của Khoa. Các cán bộ của Khoa được biên chế trong 03 Bộ môn bao gồm: Bộ môn Cơ sở xây dựng, Bộ môn Xây dựng, Khoa Xây dựng. Đội ngũ cán bộ giảng dạy của

Khoa hầu hết còn rất trẻ nhưng đã có khả năng đảm nhận toàn bộ CTĐT ĐH, cao đẳng và trung cấp, các chương trình liên thông của ngành Xây dựng. Bên cạnh đó, Khoa Xây dựng được sự hỗ trợ giảng dạy và hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của các thầy cô giáo hiện đang công tác tại các đơn vị khác của Nhà trường như Trung tâm THPTN, Trung tâm Ngoại ngữ và Tin học,...

Về nghiên cứu khoa học: Bên cạnh nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho đất nước chuyên ngành Xây dựng và Cầu đường, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa Xây dựng đã tích cực nghiên cứu khoa học, tham gia thực hiện các đề tài mang tính ứng dụng cao. Hàng năm Khoa Xây dựng đã tổ chức các hội nghị khoa học chuyên ngành, các hội thảo về đào tạo liên kết với doanh nghiệp và thị trường lao động có sự tham gia của đông đảo học viên. Khoa đã xây dựng một hệ thống các phòng thí nghiệm chuyên ngành đủ sức đào tạo, phục vụ NCKH và tổ chức dịch vụ. Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ của Khoa đạt tiêu chuẩn cấp chứng chỉ hành nghề về các kỹ năng nghề nghiệp và kiểm định công trình xây dựng, tạo điều kiện để cán bộ trong khoa có điều kiện kết hợp giữa đào tạo gắn kết với nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của các công ty, nhà tuyển dụng lao động.

Về thi đua khen thưởng: Với những đóng góp và thành tích đã đạt được trong hơn 20 năm qua, tập thể cán bộ Khoa Xây dựng đã vinh dự nhận được nhiều thành tích khen thưởng các cấp, cụ thể: Khoa Xây dựng nhiều năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Các Tổ chuyên môn được nhận danh hiệu tiên tiến, tiên tiến xuất sắc cấp Bộ. Chi bộ cán bộ nhiều năm được Đảng ủy Nhà trường tặng giấy khen. 01 Bằng khen của Chủ tịch Tỉnh Nghệ An về thành tích 20 năm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho địa phương.

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện .



SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC KHOA XÂY DỰNG

TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. TRẦN NGỌC LONG

Điện thoại: 0989202055

Email: longtn@vinhuni.edu.vn

PHÓ TRƯỞNG KHOA

GVC.TS. LÊ THANH HẢI

Điện thoại: 0912248948

Email: hailt@vinhuni.edu.vn

PHÓ TRƯỞNG KHOA

GVC.TS. NGUYỄN TRỌNG HÀ

Điện thoại: 0942809698

Email: trongha@vinhuni.edu.vn

DANH SÁCH TRƯỞNG BỘ MÔN

TT	HỌ VÀ TÊN	TRƯỞNG BỘ MÔN	ĐIỆN THOẠI	EMAIL
1	TS. Phạm Hồng Sơn	Cơ sở xây dựng	0983567298	sonph@vinhuni.edu.vn
2	TS. Nguyễn Trọng Hà	Cầu đường	0942809698	trongha@vinhuni.edu.vn
3	TS. Nguyễn Duy Duẩn	XDDD&CN	0942317087	duyduankxd@vinhuni.edu.vn

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện .

TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh	Điện thoại	Email
I. Ban Lãnh đạo Nhà trường						
1.	Hiệu trưởng	Nguyễn Huy Bằng	1977	GS.TS	0238.37338 88	bangnh@vinhuni.edu.vn
2.	Phó Hiệu trưởng	Trần Bá Tiến	1972	TS	0238.38554 52	tientb@vinhuni.edu.vn
3.	Phó Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Thu Cúc	1979	PGS.TS	0238.38554 52	cucntt@vinhuni.edu.vn
II. Lãnh đạo chủ chốt của Khoa						
1.	Trưởng khoa	Trần Ngọc Long	1977	PGS.TS	091397339 2	longtn@vinhuni.edu.vn
2.	P.Trưởng khoa	Lê Thanh Hải	1979	TS	091224894 8	haidhvinh@vinhuni.edu.vn
3.	P.Trưởng khoa	Nguyễn Trọng Hà	1980	TS	094280969 8	trongha@vinhuni.edu.vn
II. Các tổ chức Đảng, Đoàn , Công đoàn						
1.	Bí thư Đảng ủy BP	Trần Ngọc Long	1977	PGS.TS	091397339 2	longtn@vinhuni.edu.vn
2.	Bí thư CBCB	Lê Thanh Hải	1979	TS	091224894 8	haidhvinh@vinhuni.edu.vn
3.	Bí thư CBSV	Phan Xuân Thục	1991	Ths	096529409 6	xuanthucdhv@vinhuni.edu.vn
4.	Chủ tịch	Nguyễn Duy	1990	Ths	091241179	<u>duykhanhxd@vinhuni.edu.vn</u>

	CD	Khánh			9	<u>edu.vn</u>
5.	Bí thư LCD	Nguyễn Mạnh Hùng	1992	Ths	094251489 2	hungmanh.dhxd@gmail.com
III .	Các phòng, ban					
6.	Văn phòng khoa	Nguyễn Thị Hà Hạnh	1983	Ths	094999393	hahanhdhv@vinhuni.edu.vn
7.	Trợ lý QLSV	Đoàn Thị Minh Huyền	1977	Ths	097281185 5	huyendtm@vinhuni.edu.vn
8.	Trợ lý đào tạo	Doãn Thị Hương	1989	Ths	098113039 8	doanhuongdhv@gmail.com
9.	Trợ lý đào tạo	Nguyễn Xuân Hiệu	1994	Ths	096197878 7	xuanhieu@vinhuni.edu.vn
10 .	Cố vấn học tập	Nguyễn Thị Thu Hiền	1988	Ths	090486832 8	thuhien.tvna@gmail.com
11 .	Cố vấn học tập	Phạm Ngọc Minh	1989	Ths	090479293 9	minhkxd@vinhuni.edu.vn
12 .	Cố vấn học tập	Nguyễn Thị Thanh Tùng	1983	Ths	098210258 4	Ntttung@gmail.com
IV .	Các bộ môn					
1.	Cơ sở xây dựng	Phạm Hồng Sơn	1977	TS	098356729 8	hongsonkxd@vinhuni.edu.vn

2.	Xây dựng	Nguyễn Duy Đuẩn	1985	TS	094231708 7	duyduankxd@vinhuni.edu.vn
3.	Giao thông	Nguyễn Trọng Hà	1980	TS	094280969 8	trongha@vinhuni.edu.vn

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện : 04

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo TS: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo ThS: 01

28. Số lượng ngành đào tạo ĐH: 03

39. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

(Đơn vị thực hiện cần có cơ sở dữ liệu các ngành, chuyên ngành đào tạo theo bậc học để cung cấp thông tin cho mục 27).

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☐
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☐	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☐

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)

32. Tổng số các ngành đào tạo: 04

IV. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

33. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị thực hiện

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu <i>Trong đó:</i>	12	8	17
I.1	Cán bộ trong biên chế	12	5	17

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác			
	Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số	12	5	17

(Đơn vị thực hiện cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).

34. Thống kê, phân loại giảng viên

Thống kê, phân loại giảng viên Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Khoa Xây dựng theo trình độ, giới tính và độ tuổi năm học 2023-2024 (tính đến tháng 12/2023)

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	1	0	1	3	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0
4	TS	18	17	0	2	0	0
5	ThS	25	0	0	0	0	0
6	ĐH	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0

¹Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn.

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng trong nước	GV quốc tế
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn ¹ trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
8	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	43	18	0	3	3	0

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 40 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 35).

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	0,2	
1	Giáo sư, Viện sĩ	5,0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	3,0	1	0	0	1	0	0	0,9
3	TS khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	2	17	17	0	2	0	0	15,6
5	ThS	1	0	0	0	0	0	0	0
6	ĐH	0,5	0	0	2	0	0	0	0
	Tổng		15	11	0	4	0	0	16,5

Cách tính: Cột 10 = cột 3*(cột 5 + cột 6 + 0,3*cột 7 + 0,2*cột 8 + 0,2*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng, người	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính (ng)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	1	5.6	1	0	0	0	1	0	0
3	TS khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	TS	17	94.44	17	0	0	0	17	0	0
5	ThS	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	ĐH	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	15	100	18	0	0	0	18	0	0

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện : 100%

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện : 0%

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	100	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)		
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)		

4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)		
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)		
	Tổng	100	100

V. NH (chỉ tính số lượng NH của CTĐT)

38. NH bao gồm học sinh, học viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào, số NH trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/thang điểm	Điểm trung bình của học viên được tuyển	Số lượng học viên quốc tế nhập học (người)
2019-2020	28	20	28.6%	20	12	12.5	1
2020-2021	30	24	20.0%	24	11	12.0	0
2021-2022	30	24	20.0%	24	12	13.0	0
2022-2023	17	16	5.9%	16	7.0	7.5	0
2023-2024	15	11	26.7%	11	7.0	7.5	0

39. Thống kê, phân loại số lượng NH theo học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh	0	0	0	0	0
2. Học viên cao học	20	24	24	16	11
3. Học viên ĐH					
Trong đó:					
+ Hệ chính quy					
+ Hệ không chính quy	0	0	0	0	0

40. Số học viên quốc tế theo học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	1	0	0	0	0

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Tỷ lệ (%) trên tổng số NH	5.0%	0	0	0	0

41. NH của có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số NH có nhu cầu:

Các tiêu chí	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	4928	4928	4928	6008	8258
2. NH có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)	3/9	2/12	3/13	0/3	2/11
3. NH được ở trong ký túc xá (người)	3/9	2/12	3/13	0/3	2/11
4. Tỷ số diện tích trên đầu NH ở trong ký túc xá (m ² /người)	5,3 m ²	5,3 m ²	5,3 m ²	5,3 m ²	5,3 m ²

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) NH của tham gia nghiên cứu khoa học

	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Số lượng (người)	10	12	8	6	10
Tỷ lệ (%) trên tổng số học viên	50%	63%	50%	63%	-

43. Thống kê số lượng NH của tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án TS					
2. Học viên tốt nghiệp cao học	16	37	18	23	
3. Học viên tốt nghiệp ĐH					
Trong đó:					
Hệ chính quy					

Hệ không chính quy					
4. Học viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những NH đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

44. Tình trạng tốt nghiệp của học viên hệ chính quy của :

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1. Số lượng NH tốt nghiệp (người).	16	37	18	23	
2. Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	85%	95%	100%	100%	
3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng : A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
3.1. Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2. Tỷ lệ NH trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).	-	-	-	-	-
3.3. Tỷ lệ NH trả lời <i>không</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	-	-	-	-	-
4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
4.1. Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%). - Sau 6 tháng tốt nghiệp. - Sau 12 tháng tốt	100%	100%	100%	100%	100%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
nghịệp.					
4.2. Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%).	-	-	-	-	-
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm.	8.500.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000	8.500.000
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).	100%	100%	100%	100%	100%
5.2. Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					
5.3. Tỷ lệ NH phải được đào tạo lại hoặc đào tạo	-	-	-	-	-

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					

Ghi chú:

- NH tốt nghiệp là NH có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những NH chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- NH có việc làm là NH tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện không điều tra về việc này.

VI. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

45. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số **	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng (đã quy đổi)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	1	1	0	2	4
3	Đề tài cấp trường	0,5	2	5	5	3	2	8,5
4	Tổng							12,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 10,5

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện : 12,5/45

46. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2019-2020	125	2.08%	4.17
2	2020-2021	200	3.33%	6.67
3	2021-2022	250	4.17%	8.33
4	2022-2023	500	8.33%	16.67
5	2023-2024	600	10.00%	20.00

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	18	24	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	1	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia	0	18	25	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng quy đổi
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Sách chuyên khảo	02	0	0	1.0	0	1.0	4.0

2	Sách giáo trình	02	0	1.0	0	0	1.0	4.0
3	Sách tham khảo	01	0	0	0	1.0	1.0	2.0
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng							10

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/45

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	4	8	2	0
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	4	8	2	0

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng quy đổi
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	6	10	35	40	50	211.5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	23	25	20	35	25	128
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	3	4	4	3	5	9.5
4	Tổng							349.0

**** Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 349.0

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 349.0/45

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	12	60	30
Từ 6 đến 10 bài báo	04	0	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	16	60	30

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	Tổng quy đổi
1	Hội thảo quốc tế	1.0	0	0	0	5	30	35
2	Hội thảo trong nước	0.5	5	2	3	5	1	8
3	Hội thảo cấp trường	0.25	0	0	0	20	0	5
4	Tổng							49

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

**** Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 49

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 49/45

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	36	6	30
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	36	6	30

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2019-2020	0
2020-2021	0
2021-2022	0
2022-2023	02
2023-2024	0

55. Nghiên cứu khoa học của NH

55.1. Số lượng NH của đơn vị thực hiện tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng NH tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	20	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số NH tham gia	0	0	20	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của học viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	0	01	01	01	02
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	05	06	04	05

VII. Cơ sở vật chất, thư viện

- Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha
- Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện (tính bằng m²): 180 m²
- Diện tích sử dụng cho một số hạng mục (tính bằng m²):
 - Nơi làm việc: 3.266 m²
 - Phòng học: 51.054 m²
 - Xưởng thực tập, thực hành: 8.368 m²
 - Phòng thí nghiệm: 10,143 m²

- Phòng thực hành CNTT, ngoại ngữ, nhạc họa...: 7,886 m²
- Thư viện: 9,952 m²
- Sân chơi, bãi tập: Diện tích sân tập, thi đấu TDTT 26,823 m²: Diện tích nhà thi đấu đa năng: 2,766 m²
- Ký túc xá: 48,799 m²

4. Diện tích phòng học (tính bằng m²)

- Tổng diện tích phòng học: 51.054 m²
- Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2,6 m²/1 sv

5. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.793 đầu sách

6. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện :

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho NH học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ SV chính quy của trường

- Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 0,057 máy tính/ 1 NH chính quy

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện (tính bằng m²): 180 m²

58. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²): Thống kê ở mục IV. Cơ sở vật chất, thư viện

59. Diện tích phòng học (tính bằng m²): Thống kê ở mục IV. Cơ sở vật chất, thư viện

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: hơn 700

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện (nếu có): hơn 80 đầu sách.

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện :

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho văn phòng Viện: 06 bộ)

- Dùng cho NH học tập: 1116 bộ cho SV chính quy toàn trường

Tỷ số số máy tính dùng cho NH/NH chính quy: 0,06 máy tính/SV.

VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 45 (18 giảng viên tham gia đào tạo ThS)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ TS trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện (%): 100%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ ThS trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện (%): 0%

2. NH:

Tổng số NH chính quy (người): 21

Tỷ số NH chính quy trên giảng viên: 21/18

Tỷ lệ NH tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 86.60%

3. Đánh giá của NH tốt nghiệp về chất lượng :

Tỷ lệ NH trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 95%;

Tỷ lệ NH trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 5%;

4. NH có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ NH có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 100%

Tỷ lệ NH có việc làm trái ngành đào tạo (%): 0%

Thu nhập bình quân/tháng của NH có việc làm (triệu VNĐ): 8.5 triệu/tháng.

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về NH tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ NH đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 100%;

Tỷ lệ NH cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 0%

6. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 12.5/45

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu:...

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 10/45

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 349/45

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 349/45

7. Cơ sở vật chất:

Tỷ số máy tính dùng cho NH trên NH chính quy: 0.057 máy tính/1 NH chính quy

Tỷ số diện tích phòng học trên NH chính quy: 2,6 m²/1 sv

Tỷ số diện tích ký túc xá trên NH chính quy: 5,3 m²/ người

2) Các tư liệu, tài liệu liên quan

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 276/QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Kiện toàn Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Luật, Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều 21 của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 12/5/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Kế hoạch số 41/KH-ĐHV ngày 22/4/2022 của Trường Đại học Vinh về việc tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022 - 2025;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kien toàn Hội đồng tự đánh giá và Ban thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học: Công nghệ thông tin, Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật Xây dựng, Giáo dục học (Giáo dục mầm non), LL&PPDH bộ môn Toán, LL&PPDH bộ môn Sinh học, LL&PPDH bộ môn Ngữ Văn, LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh, Luật, Quản lý giáo dục và Khoa học cây trồng của Trường Đại học Vinh gồm các ông (bà) có tên sau đây (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng có nhiệm vụ triển khai công tác tự đánh giá các chương trình đào tạo sau đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị: Đảm bảo chất lượng, Đào tạo Sau đại học, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐBCL.



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Kỹ thuật Xây dựng

(Kèm theo Quyết định số: 2763 /QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Huy Bằng	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Nguyễn Thị Thu Cúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng Khoa Xây dựng	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thư ký
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
6	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
7	Ông Thiệu Đình Phong	Trưởng phòng TCCB	Thành viên
8	Ông Nguyễn Hồng Soa	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Ông Mai Văn Chung	Trưởng phòng KH&HTQT	Thành viên
10	Ông Hoàng Việt Dũng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
11	Ông Nguyễn Đức Bình	Giám đốc Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
12	Ông Trần Đình Luân	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
13	Ông Lê Công Đức	Trưởng phòng QT&ĐT	Thành viên
14	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng Khoa Xây dựng	Thành viên
15	Ông Nguyễn Duy Duẩn	Trưởng Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
16	Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Bộ môn Cầu đường	Thành viên
17	Ông Phan Văn Phúc	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
18	Ông Nguyễn Trọng Kiên	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
19	Ông Nguyễn Thành Đạt	HVCH Khóa 30, Kỹ thuật Xây dựng	Thành viên

Danh sách này gồm có 19 người./

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH

**Ban Thư ký giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo Sau đại học
ngành Kỹ thuật Xây dựng**

(Kèm theo Quyết định số ~~2763~~ /QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thành viên
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
4	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên phòng QT&ĐT	Thành viên
6	Ông Lê Trần Nam	Chuyên viên phòng CTCT-HSSV	Thành viên
7	Bà Lâm Thu Trang	Chuyên viên Trung tâm TT-TV NTH	Thành viên
8	Bà Nguyễn Thị Hương Trà	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
9	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
10	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
11	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên Phòng Đào tạo	Thành viên
12	Bà Phạm Thị Quỳnh Nga	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
13	Bà Trần Thị Thu Liên	Chuyên viên Phòng KH-TC	Thành viên
14	Ông Nguyễn Trọng Kiên	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
15	Ông Nguyễn Văn Hóa	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
16	Ông Phan Văn Long	Giảng viên Khoa Xây dựng	Thành viên
17	Ông Nguyễn Duy Khánh	Giảng viên Bộ môn Cầu đường	Thành viên
18	Ông Nguyễn Văn Quang	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
19	Ông Trần Xuân Vinh	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
20	Bà Doãn Thị Thùy Hương	Giảng viên Bộ môn Cơ sở Xây dựng	Thành viên
21	Ông Nguyễn Đức Xuân	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
22	Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên

Danh sách này gồm có 22 người./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH
ngành Kỹ thuật Xây dựng

(Kèm theo Quyết định số: 2763 /QĐ-ĐHV ngày 11 tháng 10 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
NHÓM 1:			
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.			
1	Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Bộ môn Cầu đường	Trưởng nhóm
2	Ông Phan Văn Long	Giảng viên Khoa Xây dựng	Thư ký
3	Ông Nguyễn Đức Xuân	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Ông Nguyễn Tiến Cường	Chuyên viên phòng Đào tạo SDH	Thành viên
NHÓM 2:			
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học.			(6 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.			
1	Ông Nguyễn Duy Duẩn	Trưởng Bộ môn Xây dựng DD&CN	Trưởng nhóm
2	Ông Trần Xuân Vinh	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thư ký
3	Ông Nguyễn Trọng Kiên	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Phú	Trưởng phòng Đào tạo SDH	Thành viên
5	Ông Lê Khắc Phong	Chuyên viên phòng Đào tạo	Thành viên
NHÓM 3:			
Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học.			(10 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học.			
1	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng Khoa Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thư ký
3	Ông Nguyễn Duy Khánh	Giảng viên Bộ môn Cầu Đường	Thành viên
4	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Nguyễn Thị Hương Trà	Phó Giám đốc Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 4:			
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên.			(12 tiêu chí)
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên.			
1	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng Khoa Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Bà Nguyễn Thị Xuân Lộc	Phó Trưởng phòng TCCB	Thư ký
3	Ông Nguyễn Văn Hòa	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Phạm Thị Quỳnh Nga	Chuyên viên Phòng KH&HTQT	Thành viên
NHÓM 5:			
Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị.			(5 tiêu chí)
1	Ông Lê Thanh Hải	Phó Trưởng Khoa Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Ông Phan Văn Phúc	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thư ký
3	Bà Doãn Thị Thùy Hương	Giảng viên Bộ môn Cơ sở Xây dựng	Thành viên
4	Bà Phan Thị Thu Hiền	Chuyên viên phòng QT&ĐT	Thành viên
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

NHÓM 6: Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng. Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra.			(11 tiêu chí)
1	Ông Nguyễn Duy Duẩn	Trưởng Bộ môn Xây dựng DD&CN	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Trọng Kiên	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thư ký
3	Ông Trần Xuân Vinh	Giảng viên Bộ môn Xây dựng DD&CN	Thành viên
4	Ông Nguyễn Hoàng An	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Hoàng Phan Hải Yến	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên
NHÓM 7: - Viết báo cáo tự đánh giá. - Lập danh mục minh chứng kèm theo Báo cáo tự đánh giá. - Lập cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.			(3 sản phẩm)
1	Ông Trần Ngọc Long	Trưởng Khoa Xây dựng	Trưởng nhóm
2	Ông Nguyễn Trọng Hà	Trưởng Bộ môn Cầu đường	Thư ký
3	Bà Nguyễn Thị Hương	Phó Trưởng phòng Đào tạo SĐH	Thành viên
4	Ông Nguyễn Thanh Diệu	Phó Giám đốc PT Trung tâm ĐBCL	Thành viên
5	Bà Đinh Thị Nga	Chuyên viên Trung tâm ĐBCL	Thành viên

3) Danh mục minh chứng sử dụng trong quá trình TĐG và viết báo cáo TĐG (bản đính kèm)